

BÁCH KHOA

SỐ 70 — NGÀY 1.12.1959

Trong số này :

- | | |
|---|--|
| NGHIÊM-PHÚ-LƯU | Tình-hình kinh-tế tại các nước miền Nam và Đông-Nam Á-châu. |
| HOÀNG-MINH-TUYNH | Tân-truyện : Bức ảnh làm phép lạ. |
| PHẠM-HOÀNG | Học-vấn chuyên-nghiệp và học-vấn phổ-thông. |
| THANH-THUYỀN | Giá-trị Kinh Dịch. |
| TRƯƠNG-VĂN-CHÍNH
và NGUYỄN - HIẾN - LÊ | { Bàn về vấn-đề phân từ loại Việt - ngữ trong « Le parler Viet-namien ». |
| ĐOÀN-THÊM | Một vài nguyện-vọng của người đọc tạp-chí. |
| TRẦN-VĂN-KHÊ | Nhạc-sĩ Beethoven và giao-hưởng-khúc số 9. |
| THUẦN-PHONG | Về hay là Phú bình-dân. |
| PHẠM-CÔNG-THIỆN | Đọc « Sandor Petöfi... » |
| ĐẠM-NHƯ N.T.
LÊ-NGỌC-TRỤ | Thắc mắc chung quanh bài « Thống-nhất Thoại ». |
| VÕ-XUÂN-Ý | Người ta đã làm hại Hàn-Mặc-Tử như thế nào ? |
| VÕ-ĐỨC-DIÊN,
PHẠM-CAO-CÙNG
NGUYỄN-VĂN-CỒN
VŨ-KÝ — GIẢN-CHI
HOÀNG-TRỌNG-MIỄN | { Ý-kiến về truyện ngắn Việt và ngoại-quốc. |
| | Chung quanh bộ « Việt-Nam văn-học toàn-thư ». |
| TRẦN-QUỐC-ANH | Xem qua triển-lãm sách. |
| LÊ-TÂY-SƠN | Lời thú tội (truyện dịch). |
| TRANG-THẾ-HY | Giả đồ yêu (truyện ngắn). |
| NG.-V.-XUÂN | Cây đa đồn cỏ (truyện ngắn). |

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh " *Eau de Vie cu* " 40° và 50°
— Rượu Tàu " *Lao-Mạnh-Tiểu* "
— Rượu Tàu " *Tch-Tho-Tiểu* "

SI-RÔ " *Verigoud* " :

— Si-rô Cam, Quýt, Chanh, Bưởi

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm *Distarome*

DISTILLERIES

de L'INDOCHINE



NUỐC HOA và DẦU
THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHÂN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHÂN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIỂU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NANG
HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ
6, đường Hoàng-Hoa-Thâm — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÀNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE



SILENCE TOTAL

à 800 km-heure

AIR FRANCE

présente

Caravelle

Dans le bleu limpide des hautes altitudes, Caravelle glisse paisiblement, tel un planeur, dont il évoque la ligne pure, fonctionnelle et racée.

Musique en plein ciel

Caravelle est l'avion le plus silencieux du monde. Aucune vibration : dans la cabine, on ne perçoit pas le bruit des réacteurs (placés à l'arrière du fuselage). Détendus, les passagers d'Air France écoutent la musique de Mozart dans une ambiance aussi calme que celle d'un chalet de haute montagne...

L'Europe à 800 km-heure

Caravelle équipe aujourd'hui les lignes européennes d'Air France (*). Parmi les premières lignes desservies : la liaison Paris - Istanbul, grâce à laquelle Paris est seulement à :

1 h 40 de vol de Milan, 2 h 30 de vol d'Athènes
2 h 00 — — Rome, 3 h 30 — d'Istanbul

Air France réalise actuellement le plus vaste programme d'expansion de son histoire : après les "Caravelle", mise en ligne des quadrireacteurs Boeing 707 "Intercontinental".

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RÉSEAU DU MONDE

CONSULTEZ VOTRE AGENT DE VOYAGES OU AIR FRANCE 122, 130 RUE TU-DO SAIGON TÉL. 20.981 à 84

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ: Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam

Mở các khoản tín-dụng về

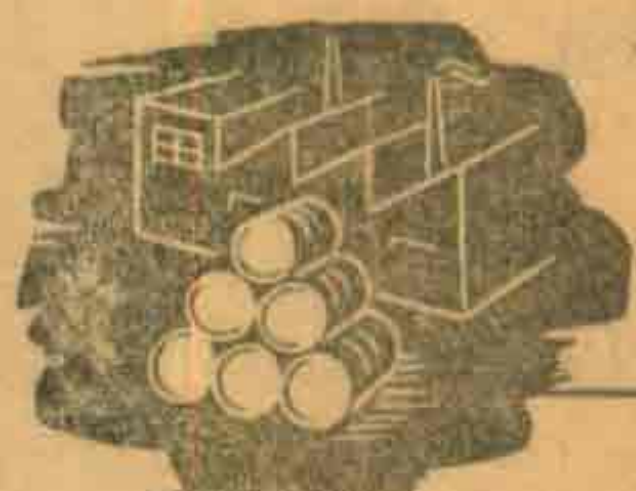
Xuất-cảng — Nhập-cảng



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



→ Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



→ Xà-bông nước hoá-học



→ Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



→ Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



→ Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales**
(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière
(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

**AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE**

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (Ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers



NHỮNG GIẢM GIÁ ĐẶC BIỆT
TRÊN NHỮNG ĐƯỜNG BAY TRONG XỨ

CỦA

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

1) *Giảm giá gia-đình 15 %* trên vé bay cho hành-khách trong một gia-đình đi chung nhau và gồm có ít lắm :

- 3 người lớn
- 2 người lớn và 2 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi
- 1 người lớn và 4 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi

2) *Giảm-giá cho các đoàn nghệ-sĩ và thể-thao :*

- 15 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 5 người
- 20 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 10 người
- 25 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn 15 người trở lên

XIN HỎI CHI-TIẾT NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. : 22.446-47, 21.624-25-26

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ: 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

QUADROCHINE

(Pyrazolone + Phenacetine + Quinine + Vitamine C)

Le Remède par excellence contre la GRIPPE,
et les affections fébriles par refroidissements.

ERAVERM

(Hydrate de Piperazine)

Contre les oxyures et les ascaris (vers intestinaux)

Efficacité certaine — Bien toléré —

Goût agréable.

LABORATOIRES ASTA — WERKE A. G.

Chemische Fabrik

BRACWEDE — (Westf) ALLEMAGNE

Distributeur Exclusif pour le Viêt-Nam : **PHARMACIE MY-CHAU**

120-121, Bèn Chương Dương
SAIGON

TIN THƠ

Thi-sĩ Vũ-Hoàng-Chương đang cho tái bản :

THƠ SAY và MÂY

Hai thi-tập này xuất-bản lần thứ nhất tại Hà-nội năm 1940 và 1943.

Nay in gồm vào một tập lấy tên là :

MÂY

Tất cả những bài thơ của Vũ-Hoàng-Chương thời Tiền-Chiến đều có mặt trong đó. Sách in hai màu bìa bốn màu do thi-sĩ Đinh-Hùng trình bày. Sẽ có bản vào dịp lễ Giáng-sinh. Ngoài những bản thường, chỉ in 100 bản quý dành cho các bạn đặt mua trước. Bản quý in trên giấy đặt-biệt, có mang thư bút của tác-giả (hay câu thơ và chữ ký) Các bạn yêu thơ nên dành trước ngay từ bây giờ. Và bạn nào ưa hai câu thơ nào của tác-giả (Việt hay Hán) xin cho biết trong thư ; tác-giả tự tay đề những câu đó vào sách dành cho bạn giá 100\$.

Thư và Bưu-phiếu xin gửi :

Vũ-Hoàng-Chương, 53/18 Nguyễn-Khắc-Nhu Saigon

Sách sẽ đến tay các bạn đã đặt tiền trước, từ ngày 25-12-1959 sắp đi.

CÓ DẦU TRONG ĐỜI SỐNG CỦA TA

Nhiều thực-phẩm của ta do
dầu cung-cấp. Dầu chuyên chở
thực-phẩm đến cho ta bằng tàu
thủy, bằng máy bay, bằng xe hàng
hoặc bằng xe lửa.

Dầu lại giúp ta nấu nướng bằng
bếp điện, bếp hơi hoặc bếp dầu hơi.

Dầu góp một phần quan trọng vào
đời sống của ta.



HÃNG DẦU STANVAC

Giúp Ta Sống Đời Vui Tươi

STANDARD-VACUUM OIL COMPANY VÀ CÁC SẢN-PHẨM MOBILGAS, MOBIL OIL, MOBIL DIESEL V.V...

NHÀ THUỐC

LÀ THÀNH

195 — 201, Đường Tự-Do — SAIGON

Điện-Thoại : 20.577 — Điện-Tín LATHANH — SAIGON

TỔNG PHÁT HÀNH ĐẶC CHẾ

Các Viện Dược-Phẩm danh tiếng:

- LEDERLE (Huê-Kỳ)
- GLAXO (Anh-Quốc)
- LILLY (Huê-Kỳ)
- SQUIBB (Huê-Kỳ)
- PHILIPP ROXANE (Hòa-Lan)
- SCHERING (Huê-Kỳ)
- AMBRINE (Pháp-Quốc)
- DE ANGELI (Ý-Đại-Lợi)
- DON BAXTER (Huê-Kỳ)
- ỚNG CHÍCH
- và
- KIM CHÍCH

« IDEAL »
(Huê-Kỳ)

ĐẶC CHẾ NỘI HÓA :

- IODOPHEDRINE « MUS »
(Thuốc suyễn)
- BANCAMYD (Trị ban cầm trẻ em)
- ELIXIR ANTICHOLERIQUE et ANTIDIARRHEIQUE « MUS »
(Trị tiêu chảy, thiên thời, đau bụng, ói mửa kiết lỵ, kiết dàm, kiết máu)
- SIROP PECTORAL « MUS »
(Thuốc ho)
- MUSTONIC (Thuốc bổ)
- SIROP BEBEMUS (An thần trẻ em)
- ANTIMYCOSE « MUS » (Trị lông ben)
- VERMI « MUS » (Trị sán lải)
- HEPATOMUS (Trị bệnh gan)
- LINIMUS (Dầu thoa bóp)
- CORRICIDE « MUS » (Trị mắc cá)
- CORTAL
(sous licence STERLING)

Tiếp đãi ân cần — Bảo chế kỹ lưỡng theo toa Bác-sĩ
CÓ ĐU : Dược-phẩm — Dụng-cụ y-khoa — Hóa-học phẩm

PHÒNG

UỐN

TÓC

★

SỬA

SẮC

ĐẸP



BẢO AN

213^D Tự Do
SAIGON

*Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime.*



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*



BÁCH-KHOA

Số 70 — Ngày 1-12-1959

	Trang
NGHIÊM-PHÚ-LƯU	Tình-hình kinh-lẽ tại các nước miền Nam và Đông-Nam Á châu. 3
HOÀNG-MINH-TUYNH	Tình thần Tôn-giáo tại Liên-bang Xô-viết 9
PHẠM-HOÀNG	Thắc mắc : Học-vấn chuyên-nghiệp và học-vấn phổ-thông. 18
THANH-THUYỀN	Giá-trị Kinh Dịch 19
TRƯƠNG-VĂN-CHÍNH và NGUYỄN-HIỆN-LÊ	Bàn về vấn-đề phân từ loại Việt-ngữ trong cuốn « Le parler Vietnamien » (Lê-Văn-Lý) 24
ĐOÀN-THÊM	Một vài nguyện-vọng của người đọc tạp-chí 30
TRẦN-VĂN-KHÊ	Nhạc-sĩ Beethoven và giao-hưởng-khúc số 9 36
THUẦN-PHONG	Về hay là Phú bình-dân 40
PHẠM-CÔNG-THIỆN	Nhân đọc « Sandor Pelöfi linh-hồn của hai cuộc cách-mạng » 45
LÊ-NGỌC-TRỤ	Chung quanh bài « Thống - nhất Thoại » của ông Nguyễn-tương-Như. 53
VÕ-XUÂN-Ý	Người ta đã làm hại Hàn-Mặc-Tử như thế nào ? 63
VÕ-ĐỨC-DIÊN — PHẠM-CAO-CÙNG	Ý-kiến về truyện ngắn Việt và ngoại-quốc 69
NGUYỄN-VĂN-CỒN, VŨ-KÝ, GIẢN-CHI	Chung quanh bộ sách « Việt-nam văn-học toàn-thư » 84
HOÀNG-TRỌNG-MIÊN	Xem qua triển-lãm sách 86
TRẦN-QUỐC-ANH	Nhà nông ở Vị-xuyên (thơ dịch) 89
Á-Nam TRẦN-TUẤN-KHÀI	Lời thú tội. 90
LÊ-TÂY-SƠN	Niềm vui (thơ) 94
HƯƠNG-QUY	Giả dò yếu. 95
TRANG-THẾ-HI	Cây đa đồn cũ (truyện ngắn). 105
NGUYỄN-VĂN-XUÂN	

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HOÀNG-MINH-TUYNH

: Cuộc tấn-công của Cộng-sản tại Châu-Mỹ la-tinh.

NGHIÊM-PHÚ-LUU

: Tình hình kinh-tế tại các nước miền Nam và Đông-Nam Á-Châu.

ĐOÀN-THÊM

: Ai là anh hùng hào-kiệt ?

VÕ-QUANG-YẾN

: Ta biết gì về cung trăng ?

NGUYỄN-VĂN-THẾ

: Thú chơi tem.

PHẠM-CÔNG-THIỆN

: Lại chuyện quên đề « xuất-xứ ».

Cs TRÚC-LIÊN, SƠN-NAM,
TRANG-THẾ-HI, Bà VÂN-
TRANG, TRẦN-VĂN-KHÊ,
PIERRE — KÈN DARIVILLE

Ý - kiến về truyện - ngắn Việt và ngoại-quốc.

TRẦN-VĂN-KHÊ

: Lá thư hải-ngoại : Giới-thiệu Việt-nhạc tại Thụy-sĩ.

NGUYỄN

: Phát đạn (truyện dịch).

VŨ-HẠNH

: Cuối Ba-dùm (Truyện ngắn miền Thượng).

VÕ-PHIẾN

: Tuổi thơ đã mất (truyện ngắn).

PHAN-DU

: Một món nợ (truyện ngắn).

KIỀU-YIÊU

: Tương-quần (dịch Liêu-trai).

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. 25.539

Nhà in : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : **Ô. Huỳnh-Văn-Lang**

160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

Một vài ghi xét tổng-quát về tình-hình kinh-tế tại các nước miền Nam và Đông-Nam Á-Châu

• NGHIÊM-PHÚ-LƯU

MIỀN Nam và Đông-Nam Á-Đông là một vùng quan-trọng trong Thế-giới về dân-số và tài-nguyên.

Trong tình-trạng Quốc-tế hiện thời khu-vực này còn là một khu-vực có nhiều vụ tranh-chấp phức-tạp nhất : tranh-chấp trên phương-diện ảnh-hưởng Chính-trị cũng như tranh-chấp trên địa-hạt kinh-tế và Văn-hóa.

Trong bài này chỉ xin đề-cập tới một vài khía-cạnh kinh-tế thôi vì, với các Quốc-gia chậm-tiến, việc thắng-lợi hay thất-bại kinh-tế là việc có ảnh-hưởng quyết-định tới tình-hình Chính-trị tổng-quát :

THỰC-TRẠNG KINH-TẾ

Những sự-kiện sau đây đã chi-phối chặt chẽ thực-trạng kinh-tế tại các nước kể trên.

I — Tình-hình chính-trị đặc-biệt sau cuộc chiến-tranh vừa qua.

II — Tình-hình kinh-tế kém mờ-mang.

III — Việc gia-tăng dân-số

(Hai điểm này đã làm cho lợi-tức trung-bình của người dân rất thấp kém).

IV — Sự phá-hoại nội-bộ của Thực-Dân, Phong-Kiến và Cộng-Sản.

V — Cuộc tấn-công kinh-tế của khối Cộng-Sản.

I. — Tình - hình chính - trị đặc-biệt hiện-tại sau cuộc đại-chiến vừa qua.

Trước và trong cuộc đại-chiến vừa qua, một số đông các nước tại miền Nam và Đông-Nam Á-Đông đã hoặc là thuộc-địa hoặc là bán thuộc-địa của một số quốc-gia Tây-phương.

Thoát khỏi ách thống-trị cũ sau cuộc kháng-chiến chống Thực-dân hay chống xâm - lăng phát - xít, các nước đó đã thu hồi được nền độc-lập và đã hay đang tổ-chức cơ-sở nội-bộ theo chính-thể Tự-do, Dân-chủ mới.

Tuy là những nước có một nền văn-hóa cổ-truyền rất cao, song, trong đại gia-đình Quốc-tế ngày nay, những nước đó còn là những Quốc-gia mới được thiết-lập theo

các chính-thể Đại-nghị, chính-thể Tổng-Thống hay chính-thể Quân-chủ Lập-hiến mới.

Vì còn đương bờ-ngõ trên bước đường củng-cố nền Độc-lập mới thu-hồi được và bảo-vệ chính-thể, nên các Quốc-gia này có nhiều trách-vụ nặng nề trong công cuộc xây dựng chính-trị nội-bộ ngõ hầu tránh mọi sự sai lầm hay những bước tiến quá trớn có thể nguy hại đến nền an-ninh Quốc-gia và tương-lai dân-tộc.

Đối với một số Quốc-gia khác, công cuộc xây dựng còn khó khăn hơn nữa vì song song với việc củng-cố nền Độc-lập, các Quốc-gia này còn theo đuổi thêm một cuộc cách-mệnh cải-tạo xã-hội rộng lớn nữa.

Tình-trạng chính-trị đặc-biệt đó khác hẳn với tình-trạng đã vững mạnh của các nước Dân-chủ Tây-phương, cần đòi hỏi nhiều biện-pháp chính-trị cũng đặc-biệt có thể, trên nhiều khía cạnh, làm giảm trừ tốc-độ và mức-độ phát-triển kinh-tế của xứ sở.

Trong một số Quốc-gia khác nữa tình-thế lại chưa được ổn-định hẳn. Do sự tranh-chấp quan-trọng của các chính đảng hay các chính-kiến trong nước, tại các nước đó việc thiết-lập và thi-hành các kế-hoạch kinh-tế rất khó khăn. Mà cơ-sở chính-trị chưa vững mạnh thì chưa nắm vững được hạ-tầng cơ-sở Quốc-gia và gây được uy-tín để :

— hấp dẫn được việc đầu-tư tài-chính của các tư-nhân ngoại-quốc.

— kiểm-tra được đầy đủ tài-nguyên trong nước.

— động-viên được các tài-lực nhân-lực và vật-lực để đạt được tới đúng kỳ hạn

các chỉ-tiêu đã quy-định trong các kế-hoạch đó.

Trong các nước này, tình-hình chính-trị có ảnh-hưởng quyết-định đối với việc phát-triển các khả-năng Kinh-tế.

Tình-trạng đặc-biệt này chỉ có thể kết-liệu được khi trong nước đó có sự thống-nhất tư-tưởng chính-trị đem tới sự thống-nhất ý-chí và nhân-tâm trong công cuộc xây dựng chung của xứ sở.

II. — Tình-trạng kinh-tế thấp kém.

Theo những bản thống-kê đã thiết-lập thì hiện nay, trên Thế-giới có 85 nước đã được liệt-kê vào số các nước kém mở-mang, dân-số các nước đó vào khoảng 1.800 triệu người tức là $\frac{2}{3}$ tổng-số dân-số Thế-giới hiện nay. Các nước này là các nước tại Châu-Phi, Châu-Á và một số đông các nước Châu Mỹ La-tinh.

Cho tới đầu năm 1959 có 64 nước được thụ-hưởng viện-trợ Mỹ. Trong số 64 Quốc-gia đó thì có 54 nước kém mở-mang hay kém khai-thác.

Tại Á-đông toàn-thể các nước tại miền Nam và Đông-Nam đều là những nước kém mở-mang cả.

Về miền Đông thì có nước Nhật là nước duy nhất tại Á-đông đã có một nền kỹ-nghệ đã phát-triển mạnh-mẽ và một nền kinh-tế tương-đối tốt đẹp.

Về cuối năm 1958 và trong mấy tháng đầu năm 1959 nước Nhật đã giảm nhiều được số hàng nhập-cảng và vẫn giữ được số hàng xuất-cảng theo đúng mức các năm trước. Cán-cân chi-phó đã rất tốt đẹp và vì vậy trên thị-trường tiền-tệ tại Đông-kinh các Hối-xuất tiền-tệ của Nhật-bản đã tăng được 20%.

Ngày nay tạm-thời nền thương - mại Nhật có 2 đặc-điểm sau đây :

a) — trước cuộc đại - chiến vừa qua Nhật-bản đã giao - dịch thương - mại rất nhiều với các nước lân-bang khác tại Á-đông. Các nước này đã thu-thập tới 63% tổng-số hàng xuất - cảng của Nhật. Sau chiến-tranh tỷ-lệ đó đã giảm sút nhiều và tới năm 1957 tỷ - lệ xuất - cảng sang các nước lân-bang đó còn có 36% thôi.

b) — phần nhiều các hàng xuất-cảng của Nhật đều do nước Mỹ trả tiền cả. Một tỷ-dụ : trong năm 1957 Nhật đã xuất-cảng sang miền Nam Cao-ly và Nam Việt-nam vào khoảng 40 tỷ đồng yên, số tiền này đều do Mỹ đài-thọ cả thành ra là một nước hoàn-toàn Á-đông, nước Nhật lại giao-dịch thương-mại nhiều nhất với các nước ở các Châu khác.



Trong các nước kém mở-mang tại miền Nam và Đông - nam Á - đông tình - trạng kinh-tế còn thấp kém nhiều.

Tại các nước này, phần nhiều :

1) — chỉ có một nền nông-nghiệp cò-truyền và lạc-hậu thôi.

2) — chưa có một nền kỹ-nghệ căn-bản nào phát-triển cả mà chỉ có một nền thủ-công-nghệ hay tiểu - công - nghệ theo phương-pháp thô-sơ và giản-đơn thôi.

3) — thiếu vốn kinh-doanh

4) — thiếu chuyên-viên và cán-bộ kỹ-thuật.

Ngoài ra sự tàn-phá do cuộc đại-chiến hay cuộc chiến-tranh nội-bộ gây nên đã phá-hủy các công cuộc kiến-thiết cũ, cùng phá-hủy hay làm phân-tán các tài-nguyên của xứ sở.

Các khu-vực này lại có một dân-số đông-đảo nhất thế-giới và hiện nay có nhiều châu-thành dân-số đã tăng lên gấp ba hay bốn lần so với dân-số trước chiến-tranh.

Tuy nền Độc-lập chính-trị đã thâu-hồi được (trong 12 năm vừa qua số Quốc-gia độc-lập trong vùng này đã tăng lên từ con số 6 tới con số 17) Song các nước đó chưa tiến tới được một nền kinh - tế độc-lập.

Nhất là về thực-phẩm, trong 4 năm vừa qua tổng-số thực - phẩm nhập-cảng đã tăng lên gấp 2 con số cũ. Sự-kiện đó đã tỏ ra rằng có nhiều nước nền nông-nghiệp vẫn còn rất thấp kém.

Tại nhiều nước số đất bỏ hoang có thể canh-tác được hãy còn nhiều. Số đất này sẽ tăng lên nữa (như ở Thái-lan) vì do các công-trình thủy-lợi mới thiết-lập số ruộng mới có thể cày cấy được sẽ tăng thêm hơn.

Các kỹ-nghệ luyện-kim, các kỹ-nghệ sản-xuất dụng-cụ, các kỹ-nghệ bông-vải, tơ-sơ, các kỹ-nghệ sản-xuất thực-phẩm hoặc chưa có hoặc đã có song còn trong thời-kỳ kiến-thiết cơ-bản.

Các xưởng cơ-khí trung và đại quy-mô đều thiếu-thốn cả.

Trong khi đó thì vì kỹ-nghệ hầm mỏ chưa được phát-triển nên việc khai-thác quặng-mỏ than-đá hay các nguyên-liệu thiên nhiên khác đều cũng thấp kém.

Về vấn-đề chăn-nuôi, ngư-nghiệp cũng vậy.

Tóm-tắt lại các Quốc-gia đó còn cần phải cố-gắng nhiều để xây dựng kinh-tế và

nhất là thiết-lập các trang-bị cơ-bản cần-thiết để khai-thác các tài-nguyên và tăng-gia mọi lãnh-vực sản-xuất.

Những tờ-trình của Kinh-Ủy-Hội Quốc-Tế tại Á-Đông và Viễn-Đông cũng đều xác-nhận tình-trạng đó về canh-nông về sản-lượng công-nghiệp cũng như về tình-hình thương-mại.

Theo các tờ-trình đó thì về canh-nông có ghi được một sự tiến-triển chậm-chạp song tốc-độ phát-triển đó không bù lại được với sự tăng-gia dân-số.

Vì vậy, một số các Quốc-gia này đã phải nhập-cảng nhiều thực-phẩm; việc đó không có lợi cho nền kinh-tế Quốc-gia.

Muốn phát-triển mạnh về nông-nghiệp phải cần cải-tiến kỹ-thuật canh-tác, áp-dụng chính-sách đa-canh và tăng-gia sản-lượng nông-nghiệp.

Việc khó khăn khác, là thời giá căn-bản của một số nông-sản chính-yếu như gạo, chè, cao-su v.v... đã bị thay đổi luôn luôn. Việc sút giá thường-xuyên các nông-sản này trên thị-trường là một yếu-tố ngăn cản việc tăng-gia sản-xuất.

Về sản-lượng công-nghiệp, sự phát-triển cũng chậm-chạp như thế.

Lý-do của tình-trạng đó là: những khó khăn trong việc trao đổi thương-mại, việc cung-cấp và phân-phối không được đều-hòa những nguyên-liệu căn-bản, việc tăng-gia tương-đối của các nguyên-liệu đó, việc thiếu vốn và nhất là thiếu chuyên-viên có khả-năng về công-nghệ.

Tại những nước tương-đối tiến-bộ hơn như Nhật-bản, Ấn-độ và Trung-hoa mức sản-xuất công-nghiệp nay đã giảm sút chút ít vì các nước này đã đạt tới mức sản-xuất tương-đối cao trong các năm trước.

Trái lại ở Nam-cao, Đại-hồi, Phi-luật-tân sản-lượng công-nghiệp hiện nay đã tăng lên đôi chút, còn tại Tích-lan, Miến-điện và Nam-dương thì mức sản-lượng đã không tiến-triển được.

Ngành công-nghệ nặng đã được xây dựng và bắt đầu tiến-triển tại Ấn-độ, Trung-hoa và Nhật-bản.

Còn tại các nơi khác thì chỉ có công-nghệ nhẹ và tiểu công-nghệ thôi, tại đó nhân-công rất nhiều song thiếu vốn và thiếu chuyên-viên.

Về việc chuyên-chở thì toàn-thê các nước này đều cần phải có thêm các dụng-cụ và phương-tiện chuyên-chở hiện-dại thêm nữa.

Theo các tờ-trình kể trên thì về thương-mại tình-trạng lại bi-quan hơn. Vì tổng-số nhập-cảng vượt quá xa tổng-số xuất-cảng nên cán-cân chi-phó vì vậy đã mất thăng bằng nhiều.

Trong năm 1955 số thiếu hụt là 750 triệu đô-la. Tới năm 1956 số chênh-lệch lên tới 1.969 triệu. Trong năm 1957, 1958 số thiếu hụt vẫn không giảm.

Trừ nước Nhật ra, số xuất-cảng của tổng-số các nước khác trong vùng này — so với tổng-số trên Thế-giới là 10, 7 trong năm 1950; tỷ-lệ đó đã xuống 6,9% trong năm 1956 và 6,6% trong năm 1957. Tỷ-lệ đó không tăng được thêm lên từ đó tới nay.

III. — Việc gia-tăng dân-số.

Theo những tài-liệu của các cơ-quan Xã-hội của Liên-Hiệp-Quốc thì:

Cách đây non 100 năm (vào khoảng năm 1860) dân-số trên Thế-giới chỉ có 1.250 triệu người thôi.

Dân-số đó hiện nay đã lên quá gấp đôi số 1.250 triệu kể trên tức là vào khoảng 2.700 triệu.

Ngày nay dân-số trên Thế-giới đã tăng lên rất nhanh. Theo sự ước-đoán của một số nhà chuyên-môn thì Thế-giới đã phải mất 200.000 năm mới có được một dân-số là 2.500 triệu. Thế mà ngày nay với sự tiến-hóa hiện-tại chỉ cần có 30 năm thôi số 2.500 triệu đó sẽ có thể tăng thêm lên được 2.000 triệu người nữa.

Vì vậy người ta đã ước-đoán rằng dân-số trên Thế-giới sẽ có thể tăng lên con số 4 tỷ người vào năm 1980 và 6 hay 7 tỷ người vào cuối thế-kỷ này : (năm 2.000).

Theo sự nhận xét thêm thì :

Hiện nay dân-số của các nước tân-tiến trên Thế-giới chỉ chiếm có 1/3 tổng-số dân-số thôi.

Từ nay tới cuối thế-kỷ, tỷ số đó có thể giảm sút xuống còn 1/4 hay 1/5 thôi.

Tại các nước kém mở-mang dân-số đã tăng lên nhanh hơn dân-số tại các nước tân-tiến. Hiện nay tại các nước kém mở-mang tỷ-lệ tử-vong của các trẻ sơ-sinh càng ngày càng giảm đi nhiều.

Hiện nay hơn một nửa dân-số trên Thế-giới đang sống tại Á-châu và từ nay tới cuối thế-kỷ này dân-số đó sẽ tăng lên 3/5 trong tổng-số trên Thế-giới.

Dù kể cả Nga-sô đi nữa thì Âu-châu sẽ càng ngày càng mất thêm quan-trọng về phương-diện dân-số. Hồi đầu năm 1900 cứ có một người Âu thì có hai người Á.

Tới cuối thế-kỷ này thì cứ có một người Âu-châu thì lại có bốn người Á-châu.



Các nhà Xã-hội học phải công-nhận rằng, riêng về Á-châu nếu tốc-độ tăng-gia dân-số không thay đổi thì rồi ra sẽ có một « cuộc nở-bùng thực-sự » về phương-diện dân-số.

Thực vậy từ nay tới năm 1980 riêng về khu Nam và Đông-Nam Á-đông dân-số sẽ tăng lên bằng cả dân-số trên Thế-giới hiện nay.

Mà... tới cuối thế-kỷ này (năm 2.000) thì riêng tại hai nước Ấn-độ và Trung-hoa lục-địa dân-số sẽ ngang với dân-số của... cả Thế-giới...

Trước những sự-kiện quan-trọng đó nhà kinh-tế-học nào cũng phải công-nhận rằng trong những Quốc-gia thuộc khu-vực kể trên khó có thể hy-vọng đề-cập tới được việc tăng-gia lợi-tức cho từng người một...

Theo một số nhà khảo-sát về các vấn-đề dân-sinh thì sự chênh-lệch giữa mức sống của các người dân trong các nước tiên-tiến và các người dân trong các nước kém mở-mang càng ngày càng tăng thêm lên mãi.

Trong năm 1938 lợi-tức tính theo đầu người của một người dân Hoa-kỳ hơn lợi-tức của một người dân Ấn-độ gấp 15 lần.

Ngày nay lợi-tức đó đã gấp hơn những 30 lần.

Trong một số các nước khác tại Nam Á-đông tình-trạng cũng tương-tự như vậy.

Sức sinh-sản dân-số quá nhanh tất-nhiên đã làm hạ thấp mức sống của người dân trong các nước đó... nếu tổng-sản-lượng nông, công-nghiệp không đuổi kịp cái đà tăng-gia dân số kể trên.

(Gòn tiếp)

NGHIÊM-PHÚ-LƯU

BÁCH - KHOA

« **SỔ KỶ-NIỆM ĐỆ-TAM CHU-NIÊN** »

SỔ XUÂN CANH-TÝ

Mong đợi các bạn đọc đã từng theo dõi, khuyến khích
nâng đỡ tạp chí Bách-Khoa trong 3 năm qua,
sẽ gửi thư về tòa soạn chỉ dẫn cho các
ưu điểm, khuyết điểm về cả nội dung lẫn hình
thức, để Bách-Khoa bước sang năm thứ tư
kịp thời cải tiến cho xứng đáng với lòng tin yêu
của bạn đọc hơn nữa.



BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

đã có tập 5 (48-60)

Giá 105 \$ và 110 \$



Có bán tại các hiệu sách và
tại Tòa soạn **BÁCH-KHOA**
160 Phan-đình-Phùng—Saigon

TÌNH-THẦN TÔN-GIÁO TẠI LIÊN-BANG XÔ-VIẾT

(tiếp theo Bách-Khoa số 69)

TÂN TRUYỆN

« Bức ảnh làm phép lạ »

HOÀNG-MINH-TUYNH

của Tendriakov

BÁO chí Xô-viết phản-ứng được phần nào sự cảm-xúc của chế-độ trước tình-thần tôn-giáo ngày càng mãnh-liệt của người dân Nga. Song muốn có một ý-niệm rõ ràng và chắc chắn hơn, chúng tôi tưởng nên chú-ý tới một thứ « hàn thử biểu » khác, tinh - vi hơn, để đo lường đúng mức sự tiến-triển của các vấn-đề xã-hội trong cuộc sinh-hoạt của họ và hiểu thấu được đường lối của đảng Cộng-sản Liên-xô cùng các khuynh hướng đối-lập với họ. « Hàn thử biểu » ấy là văn - nghệ, và ở đây, chúng tôi chỉ xin nói riêng về văn-chương, là chỗ chúng tôi thấy có sự xác nhận rõ ràng vấn-đề mộ đạo hiện nay là một vấn-đề quan-trọng bậc nhất, khiến các nhà lãnh - đạo Đảng phải quan - tâm đặc biệt.

Một trong những triệu-chứng đáng lưu-ý nhất ở địa hạt văn-chương là tân truyện « Tchoudotvornaia » (Bức ảnh làm phép lạ), tác-giả là Vladimir Tendriakov, đăng

trong tập-san Znamia (số 5, tháng Năm 1958, trg 3 tới 55). V. Tendriakov là một tác-giả còn trẻ tuổi, sinh năm 1923, trong một làng thuộc tỉnh Vologda, học hết ban trung-học từ năm 1941. Trong cuộc đại-chiến, ông đã từng chiến-dấu tại Stalingrad và sau đó, tiếp tục học tập tại Viện Văn-khoa Gorki từ năm 1946 đến năm 1951. Năm 1948, ông gia nhập Đảng. Trong số tác-phẩm ông đã viết, có tân truyện « Ouchaby » (Con đường gập ghềnh) — 1958 —, và tiểu thuyết « Tougol Ouzel » (Vấn-đề khó giải-quyết) — 1957. Cuốn tiểu thuyết sau này bị phê-bình là quá bi-quan và ông đã từng bị chỉ-trích nghiêm nhặt.

Tân truyện « Bức ảnh làm phép lạ » ra đời năm 1958 là một trong những tân truyện nổi tiếng của tác-giả. Cốt truyện là một có thác ra đề đưa vào một cuộc tranh luận về xung-đột tín-ngưỡng trong một gia-đình ; đó là câu truyện xảy ra xung

quanh vụ đào được một bức ảnh đã chôn giấu ở dưới đất lâu ngày. Vai chính là em bé thiếu-nhi Rodka Gouliaïev ở làng Goumnichtchi, mới 12 tuổi, mà vừa phải làm chủ thề, vừa phải làm khách thề cho một cuộc xung-dột giữa hai thế-giới không thể gì hòa hoãn với nhau được. Chính Rodka đã tìm thấy bức ảnh, nhưng bức ảnh ấy đã làm cho Rodka thất vọng vì cậu bé khi đào được, tưởng là đào được một rương vàng bạc gì đó, không ngờ lại là một bức ảnh mà « Bà cậu có cả một đồng ở xó nhà. » (tr. 4). Tuy nhiên của đào được cũng vẫn là một của đào được và cậu lẳng-lặng đem cất vào trong nhà.

Tuy cậu bé nghĩ bức ảnh cậu đào được là một cái gì gần như đáng vất đi, song mẹ và bà cậu lại không nghĩ như thế, nhất đó lại là bức ảnh họa chân-dung thánh *Nicolas* là vị thánh bầu chủ của toàn-thể nước Nga (cũng như thánh Giuse là vị thánh bầu chủ của toàn-thể nước Việt-Nam) và là bức ảnh đã từng làm nhiều phép lạ dựng tại một nơi đền gần đó. Hai bà hân-hoan vô cùng và tỏ lòng kính-cần đối với ảnh thánh đã biến mất từ năm 1929, khi vị linh-mục cuối cùng bị phóng trục khỏi Solovki, và nhà thờ bị đóng cửa. Từ ngày hai bà đặt bức ảnh ở nhà thì người đến viếng ngày một trở nên đông đảo và họ cầu nguyện thăm-thì cả ngày...

Cậu bé Rodka cũng bắt đầu sống một cuộc sống mới, tuy cậu không hay biết là cậu đã trở nên một vị thánh sống đối với những người xung quanh; mỗi khi nói đến cậu, ai nấy đều tỏ lòng hâm mộ, gọi cậu là kẻ được « Chúa ban ơn cách riêng », là kẻ được

« Chúa lựa chọn để đem lại lòng trông cậy cho giáo-hữu » (tr. 6). Ông từ giữ đền đã già nua, cầu khấn cậu với những lời như sau; « Lạy cậu, xin cậu cầu xin ảnh thánh cho tôi, xin cậu cầu xin ông thánh *Nicolas* cho thằng con tôi được khỏi điên, khỏi dại và khiến nó trở về nhà. Lời cầu nguyện của tôi không đáng Chúa nghe nữa vì tôi là kẻ tội lỗi. Song chắc chắn những đấng « thánh làm tôi Chúa » sẽ nghe lời cậu và dâng lời cầu nguyện của cậu lên Chúa, vì Chúa hằng ghé mắt trông xem cậu » (tr. 15).

Rodka sống trong khuynh cảnh sôi nổi ấy, trước còn thấy ngờm ngợp, sau sinh ra lo âu, sợ hãi. Từ khi cậu tìm ra được ảnh thánh, bà mẹ cậu bắt cậu phải đeo nơi cổ một thánh giá nhỏ, mặc dù cậu khóc lóc, phản đối và nguyện rửa kịch liệt. Cậu rất sợ bạn bè trông thấy thánh giá cậu đeo nơi cổ. Chúng chế giễu cậu và cảm thấy chúng muốn khai-trừ cậu khỏi đoàn-thể. Quả nhiên, sau cậu bị khai trừ thật. Cậu sinh ra tuyệt-vọng. Thêm vào đó, lại còn có bao nhiêu tai nạn khác. Cô giáo dạy cậu đến gây chuyện với mẹ cậu và vị giáo-sĩ ở tổng kế bên trở thành kẻ thù ác-liệt nhất của cậu. Rồi cậu Rodka đâm ra hoài-nghĩ. Cậu tự hỏi: Không chừng có Thiên-Chúa thật chăng? Trong hàng bao nhiêu ngàn năm người ta vẫn tin có Thiên-Chúa mà không phải những kẻ tin là những kẻ ngu ngốc cả. Ở trường, cô giáo kể truyện ông Léon Tolstoï, ông này cũng đi tìm Thiên-Chúa. Khi ông đi tìm Thiên-Chúa tức là dấu hiệu ông đã tin có Thiên-Chúa rồi. Nhưng tại sao ngày nay chỉ những người già mới tin có Thiên-Chúa? Bà mình tin, cô giáo không tin. Chắc tại Bà mình không giỏi bằng cô giáo.

Nhưng ông Léon Tolstoi viết sách, chắc ông phải giỏi hơn cô giáo chứ ! Thật là không còn biết đặng nào mà rờ nữa ?» (tr. 31).

Rồi Rodka nhất quyết tìm cho ra sự thật. Từ mấy năm trước, có tin đồn ở trong làng, cứ gần nửa đêm, đúng mười hai giờ thiếu mười là người ta nghe thấy ở trong nhà thờ có tiếng kêu rít lên rất ghê sợ, như là tiếng cửa nóc nhà thờ ra vậy. Cậu Rodka ngẫm nghĩ và tự nhủ : « Ta thử tới nhà thờ coi xem sao ! Nếu tiếng động có thật như người ta nói thì chắc Thiên-Chúa cũng có thể có thật được lắm. »

Một tối nọ, cậu đánh bạo tới ngồi trong nhà thờ vắng vẻ quanh hiu, đã gần thành hoang-tàn, với hai người bạn. Gần tới nửa đêm, bỗng có một tiếng động nổi lên, mỗi lúc mỗi lớn, khiến cậu định tai nhức óc, rồi bỗng nhiên im bặt... Rodka không còn nhớ sau khi đó, cậu đã trở về nhà cách nào.

Tác-giả Tendriakov tả tâm trạng của cậu bé bỡ ngỡ như sau : « Và một phép lạ xảy ra. Rodka vốn là một đứa trẻ hay công phần, ưa mạo-hiểm, bỗng nhiên đâm ra bơ phờ, nhút nhát, thỉnh thoảng ôm mặt khóc nức nở, sụp lạy một cách rất cung kính, ngược đôi mắt đắm lệ nhòa lên phía bức ảnh có ánh đèn le lói và thăm thẳm đọc một câu kinh em đã thuộc lòng : « Lạy Chúa, xin Chúa tha tội cho con ! » (tr. 39).

Song, cơn khủng-hoảng thần-bí đó không kéo dài lâu. Bị dao động vì những sự việc dồn dập xảy ra, cậu bé đâm ra thảng thốt, kinh dị, chạy trốn vào nhà cô giáo và kể cho cô này nghe tất cả sự việc. Cô giáo ân cần khuyên nhủ, an ủi cậu bé và đưa

cậu trở lại nhà thờ, chứng minh cho cậu biết tiếng động trong nhà thờ chỉ là vang âm của đoàn tàu hỏa đi qua gần đấy khi đêm khuya. Tín-ngưỡng của Rodka vụt biến trở thành cảm-hồn mãnh-liệt đối với bức ảnh vẽ, nó chỉ là tấm ván sơn mà đã là nguyên nhân phát-sinh ra bao nhiêu chuyện không hay cho cậu.

Trong khi cô giáo đi ra quận lý để báo cáo tình-hình cho Ủy ban quận-bộ Đảng nghe thì mẹ cậu Rodka đồ đi tìm con. Nguyên Rodka, sau khi đã giác-ngộ, tức giận bức ảnh đến cực-độ, cậu lấy búa bõ nát bức ảnh ra. Bị bà đánh, cậu lại chạy trốn khỏi nhà và chực tự tử. Mẹ cậu hoảng sợ và bị cô giáo thúc giục, cũng quyết định từ bỏ bà mẹ già để đi theo con, vì bà cũng bắt đầu không tin có Thiên-Chúa nữa.

Đại khái cốt truyện của Tendriakov là như vậy.

Trong truyện « Bức ảnh làm phép lạ », tác-giả Tendriakov đã đi ra ngoài cái khuôn khổ xưa nay trong lối tuyên-truyền chống tôn-giáo vừa nặng-nề vừa thô-bi của người Xô-viết. Ông cố-tâm dùng phương-tiện tâm-lý để đả-phá tôn-giáo và tín-ngưỡng của người dân đối với Thiên-Chúa. Ông không chế giễu một cách tục tằn và cũng không theo những biểu ngữ kiểu « thuốc phiện của dân - chúng » trước đây nữa. Ông chỉ kể lại (hơi dài dòng một chút) một câu chuyện gần giống với sự thật. Tendriakov không mặt sát công-kích nền tảng tinh-thần của một tín-ngưỡng ý-thức, ông đứng trên một địa-hạt chắc chắn hơn, địa-hạt lễ-nghi và phong-tục để hủy-hoại tôn-giáo tự căn-bản, với một lối lập-luận bề ngoài có vẻ như rất vững vàng. Tự dấy,

ông cố-tình cắt bỏ cái ý nghĩa trọng-trung của tín-ngưỡng trong cuộc sống hàng ngày và hạ thấp nó xuống hàng mê-tín, dị-đoan.

Tín-ngưỡng nơi Thiên-Chúa biến thành một tập quán tai hại, lưu lại từ ngàn xưa, khiến con người mất cả tự tin, tự-cường, không còn xứng đáng là con người nữa.

Các vai trong truyện chia ra làm hai phe ; phe tín-ngưỡng và phe Cộng-sản. Có chỗ đáng lưu ý là phe thứ hai có rất ít người. Tại làng Goumnichtchi, chỉ có nguyên một cô giáo. Xa xa nữa, ta mới thấy có một nhân-viên thường-trực tỉnh-bộ tham-luận với cô giáo về trường-hợp Rodka. Tổ-chức Đảng trong làng hình như không có. Không một ai trong Đảng hay trong Komsomol giúp đỡ cô giáo cả. Trong phe tín-ngưỡng thì có nhiều hạng người, phần nhiều đã có tuổi, tín-ngưỡng vì thói quen, vì truyền-thống và vì đức-tin đã ăn rễ quá sâu.— Một hạng người khác, theo Tendriakov, thì tín-ngưỡng hoặc vì sợ hãi hoặc vì tuyệt-vọng. Đó là trường-hợp của Mẹ cậu Rodka. Đời tư của bà vì không có hạnh-phúc (Rodka là đứa con không cha) nên bà phải tìm đến Thiên-Chúa là nơi bà có thể ăn năn cho khuây nỗi tân-toan.

Phản-ứng của cậu bé Rodka, kinh-nghiệm về thần-bí, về tâm-linh của cậu được trình bày một cách hết sức thuận-lý. Các biến-cố đẩy cậu vào một thế-giới xa lạ, cậu chưa từng được quen biết bao giờ. Cậu được huấn-luyện ở trường theo một tinh-thần khác, cậu cảm thấy lạc-lố trong một thế-giới mới, mà không có ai giúp đỡ cậu. Người ta bắt ép cậu phải làm

một vài việc như một cái máy. Thí dụ, khi cậu làm dấu, cậu làm vì sợ bị trách phạt chứ không làm vì lòng mộ mến một Đấng thiêng-liêng, một giá-trị tinh-thần nào.

Cuộc tranh-luận căn-bản xảy ra giữa vị giáo-sĩ và cô giáo. Ủy-viên thường-trực của tỉnh-bộ Đảng cũng tham dự đôi chút. Vị giáo-sĩ có một tác-phong khả-kính chứ không có vẻ một giáo-sĩ cồ lỗ thời xưa. Ông có những đặc-diểm của một giáo-sĩ đã từng giảng đạo giữa một xã-hội chuyên chế và chống tôn-giáo. Nghĩa là ngoài một đức tin vững chắc, ông còn có ý-chí cương quyết không gì lay chuyển nổi và tài ứng đối, quyền biến rất lanh lẹ. Dáng vẻ và hành-động của ông rất kín đáo ; ông biết rõ khả-năng của ông có thể đòi hỏi chế-độ phải nhượng bộ tới mức nào và không bao giờ đi quá.

Cô giáo trong truyện là một người rất tích-cực, trọng-trung cho chủ-nghĩa chính-thống của Đảng. Giáo-sĩ và tôn-giáo, đối với cô, đều nguy-hiểm. Cô nghĩ : « Ông giáo-sĩ thích-ứng rất tài-tình với lệ luật Xô-viết mà cũng thích-ứng rất mau mắn với những tư-tưởng mới. Không thể uy hiếp, bắt bẻ ông được ở điểm nào : ông tuyên-bố tán-thành tiến-bộ, hòa-bình thế-giới và cũng tỏ ra phản đối kịch-liệt chủ-nghĩa tư-bản. Ông tuân-lệnh của nhà cầm quyền, đồng ý với hết mọi người và đòi hỏi rất ít ỏi ; ông chỉ muốn cho Rodka Gouliaïev tin-tưởng nơi Đấng Tối-Cao, khoan thứ đối với kẻ thù và nhìn nhận uy-quyền ở dưới đất cũng như uy-quyền ở trên trời. Tuy nhiên cái « ít ỏi » ấy có nghĩa là cả một cuộc chiến-đấu gay go giữa chúng ta.» (tr. 27)

Cuộc đối-thoại giữa cô giáo Praskovia Pétrovna và vị giáo-sĩ tại nhà mẹ cậu Rodka

tiết-lộ cho ta thấy khá nhiều diêm mới lạ trong chế-độ Xô-viết hiện nay :

— Bấy giờ cô giáo P. Pétrovna mới quyết-định can-thiệp :

« Thừa cha Démétrius, chúng ta đã gặp nhau thì chúng ta thử nói chuyện với nhau một lát có được không ạ ? »

Không chút ngần ngại, Cha Démétrius khẽ gật cái đầu hoa râm : trông nét mặt ông đủ thấy ông chú-tâm đặc-biệt đến vấn-đề.

— Tôi tuy là người vô tín-ngưỡng, song tôi cũng biết rằng tự-do tín-ngưỡng là tự-do được hiến-pháp công nhận. Không ai có quyền ngăn cấm ai tin theo Thiên-Chúa. Nhưng hiến-pháp cũng ngăn cấm người dùng bạo-lực để bắt kẻ khác phải tin theo Thiên-Chúa của mình. Có phải đúng như vậy không cha ?

Cha Démétrius gật đầu nói : « Vâng, thưa cô đúng như vậy ! »

P. Pétrovna tiếp : « Thế mà, ngay trong nhà này, có người dám dùng vũ-lực để bắt một học-sinh cốt-cán của tôi phải đeo nơi cổ một mẫu ảnh thánh giá thì cha nghĩ thế nào ? »

Bà Gratchicha (bà cậu Rodka) ngắt lời cô giáo :

— « Việc đó không can-dự gì đến cô hết ! »

Cô giáo quay lại mắng át bà cụ :

— « Tôi chưa hỏi bà. Đã tới lượt bà trả lời tôi đâu ? »

— Tôi không cần phải lẫn với lượt gì hết... Việc gì người ta lại đến đây để can thiệp vào việc nhà của tôi ? Cô tới đây để làm gì đó ! »

Cha Démétrius lớn tiếng kêu bà cụ, nói :

— « Này bà Avdotia (tên bà cụ). Tôi cần nói chuyện với cô giáo, bà muốn đuổi chúng tôi ra khỏi nhà hay sao ? »

Bà Gratchicha im bặt, nhưng vẫn lầm bầm ở xó nhà : « Hết củ-soát này rồi lại đến củ-soát khác, muốn củ-soát ở đâu thì củ-soát, đừng có đến nhà người ta mà củ với soát.

Cô giáo nói tiếp :

— « Ở trường thì dạy một đằng, ở nhà thì lại dạy một nẻo. Trường thì bảo trẻ phải xa rời Giáo-hội, nhà thì lại cố tình bắt trẻ đóng vai giả dối. Lúc này không còn phải là lúc thi-hành những biện-pháp nữa chừng.

Nhưng trong cuộc xung-đột này, học-sinh của tôi bị ép giữa hai thế-giới và do đấy, nó trở nên một kẻ tội nguyên. Ông bà, cha mẹ nó muốn tin gì thì tin, tùy ý, nhưng họ không có quyền phó-hoại tương-lai của con cháu. Tương-lai của chúng không thuộc quyền sở-hữu của họ, vô-tình hay hữu-ý, trước mắt xã-hội, họ đã trở thành những tội-nhân đáng trừng-trị, »

Sau khi kính-cần chờ nghe một lát, Cha Démétrius đưa đôi mắt sáng suốt và nhân-từ, nhìn thẳng cô giáo, diêm tĩnh hỏi :

— Trong vụ đó, chắc cô thừa rõ, tôi biết làm gì được ?

— Tôi tưởng khỏi cần phải nhắc bổn-phận của cha trong vụ này. Trong vụ này, cha có liên-quan rất mật-thiết. Cha là cha thiêng-liêng của tất cả gia-đình này, cha có thể giúp tôi một tay đặc-lực.

— Hừ ! Cô vừa dùng hai tiếng « tội-nhân ». Tội-nhân là một người đã làm một tội ác. Chẳng hay cô thấy ở trong vụ này có chỗ nào, có hành-vi nào đáng gọi là tội ác không ? Một đứa trẻ tò mò hỏi mẹ nó là một người có tin-ngưỡng rằng : « Mẹ ơi ! có Thiên-Chúa ở trên trời không ? » Đó là câu hỏi của một đứa trẻ cảm thấy ở trong thâm-tâm nó một đòi hỏi về tin-ngưỡng và là câu hỏi thuộc phạm-vi tin-ngưỡng.

Mẹ đứa trẻ: vì là người có tin-ngưỡng, tự nhiên phải đáp lại, và chắc cô cũng nhận như vậy là chính đáng : « Có, con ạ, ở trên trời và cả ở dưới đất, cũng có Thiên-Chúa ». Tuy nhiên, nếu tinh tò mò của đứa trẻ đưa nó đi xa hơn chút nữa, tất nó lại hỏi : « Thế Thiên-Chúa giống ai, Thiên-Chúa làm gì ? » Tự nhiên, mẹ nó lại phải cắt nghĩa cho nó về Chúa Ba-Ngôt, về linh-hồn bất-diệt, về ngày phán xét chung, v.v... Thế là tin-ngưỡng thâm-nhập tâm-hồn đứa trẻ và đứa trẻ khỏi sự đọc kinh, đeo ảnh vào cổ. Ở đây, tôi không thấy chỗ nào là giới-hạn giữa sự hợp-pháp và bất hợp-pháp, và tôi cũng không thấy tội ác ở chỗ nào. Còn cô, cô thấy tội ác ở chỗ nào, xin cô cứ cho biết. Nhưng tôi hiểu rồi, đối với cô, cô đâu có cần biết đứa trẻ đọc kinh vì bị ép buộc hay do tự nó muốn. Điều cần đối với cô chỉ là ngăn giữ đứa trẻ tin-ngưỡng mà thôi. Có phải đúng vậy không, cô Pétrovna ?

P. Pétrovna nghĩ : Ông cha khôn ngoan thật ! Ông dựa vào pháp-luật Xô-viết để bác lý-luận mình. Và cô chợt hiểu là cô đã đại dột tranh-luận một cách thẳng thắn với một người xảo-quyệt, thuộc vào một thế-giới khác lạ.

Cô đáp : « Có những tội ác không được ghi vào trong bộ luật nào, mà nó làm hại cho xã-hội không ít ».

Vị giáo-sĩ mỉm cười :

— Mỗi người có một cách nhìn nhận sự vật. Cô có cách của cô và tôi có cách của tôi. Song luật-pháp là luật-pháp cho hết mọi người. Và cô nên tin là luật-pháp không đồng-ý với cô đâu. Luật-pháp không thể làm khác được. Nếu luật-pháp muốn độc-đoán qui-định giáo-dục tôn-giáo ở trong gia-đình, thì luật-pháp sẽ lâm vào tình-trạng một mớ mâu-thuẫn và không thể nào còn phân-biệt cái gì là được làm và cái gì là không được làm nữa... Vì vậy cho nên luật-pháp khôn-ngoaan để cho gia-đình tự định-doạt lấy vấn-đề tin-ngưỡng mà không đứng tay vào. Cô Pétrovna thân-ái ạ, cô muốn đi hỏi đâu thì hỏi, cô muốn hỏi Tòa-An hay Cảnh-vệ, tôi chắc không ai ủng-hộ cô đâu. Cô đã nói khá quá lời khi cô dùng hai tiếng tội ác. Tin-ngưỡng không có phương hại gì đến nhà nước cả. Xin cô tin cho, tôi đây, trong phạm-vi thế-lực hèn yếu của tôi, tôi cũng bảo-vệ quyền-lợi quốc-gia như hết mọi người.

Pétrovna đáp : « Chúng ta không bao giờ đồng-ý với nhau được. Tôi chỉ xin nói với Cha một điều. Cha không cần phải nói đến luật-pháp làm gì. Tôi không có ý cầu viện nơi Tòa-An hay Cảnh-vệ. Nhưng còn có một quyền khác là Công-luận. Công-luận sẽ đồng-ý với tôi, tôi tin chắc như thế.

Cha Démétrius mỉm cười rất dễ thương :

— Tôi cũng xin cô tin cho là hành-động của cô, tôi không hề dám ngăn cản (tr. 25 tới 99).

Cuộc tranh-luận thứ hai giữa cô giáo và vị giáo-sĩ cũng diễn ra trong một khung cảnh như trước. Một lần nữa, đó cũng lại là một cuộc tranh-luận về quan-điểm, quan-điểm về thiện ác.

Cha Démetrius nói : « Cô không tin Chúa Ki-tô. Còn tôi, tôi tin Chúa Ki-tô. Nếu tôi nhân danh Chúa Ki-tô thúc giục được một người làm điều thiện, thì cô có thấy như thế là có hại không ? Tại sao cô lại tức giận vì thế ? » (tr. 46). Trước cái mưu mô của vị giáo-sĩ, cô giáo đưa ra quan-niệm trung-thành với đường lối của Đảng. Cô nói : *Tôn-giáo làm cho thế-giới của nhân-loại sinh ra tối tăm và khó hiểu. Nhân-loại không cần phải có cái « roi » luân-lý, dưới hình-thức Thiên-Chúa, mới phân biệt được thiện ác. Tôn-giáo chỉ dùng sự dọa nạt để làm tăng sự hèn nhát, sự khiêm-nhượng và sự làm biếng suy nghĩ ; tôn-giáo gây ra một hạng người lạt nguyên về tâm-lý.*

Đọc qua tân truyện, ta thấy dân làng nài nài xin chánh-quyền mở lại các nhà thờ. Kết-quả rất mong manh, vì vị giáo-sĩ cắt nghĩa là nhà thờ đã bị nhà nước tịch thu. Nơi nào nhà thờ Chúa dùng làm kho, vừa chứa lúa, thì còn có hy-vọng. Vì Giáo-hội có thể điều-dinh với nhà nước lập nên những kho vừa chứa lúa khác và đổi lấy nhà thờ. Sự trao đổi được như vậy, chúng tôi vẫn có sự liên-lạc giữa Giáo-hội và nhà nước và vẫn còn có những bồn-đạo hằng tâm hằng sản cống-hiến của cải cho Giáo-hội được có một số lợi-tức.

Đọc truyện, ta còn thấy nhiều triệu chứng tỏ số giáo-dân ngày một tăng, như đoạn sau đây : « Không phải vì chuyện Rodka mà cô giáo Pétrovna quyết-định

làm báo-cáo gửi lên Ủy-ban quận-bộ Đảng. Nếu chỉ có một chuyện của Rodka thì mình cô cũng đủ để bảo-vệ em nhỏ và đưa bà và mẹ em đến chỗ phục-lý. Song gần đây, những trường-hợp tương-tự xảy ra rất nhiều. Năm ngoái, người ta đã khám phá ra được một « ngọn suối thiêng » tại làng Piatidymska. Trong mùa đông, một thiếu-nữ Komsomol sang tòng bên chịu phép rửa tội. Vụ này không đưa ra phê-blah công khai, vì Frosia đã bị khai-trừ từ trước... Và còn biết bao nhiêu là lễ rửa tội, lễ thánh bầu chủ !... » (tr. 44).

Một đảng-viên khác tuyên-bố không kém rõ rệt : « Một đám ông già bà già đã thúc đẩy thanh-niên quận Ouchtomy đi dự một đám rước vị thánh gì tôi không biết nữa. Mà ai bị phiền trách ? Bọn có lỗi chăng ? Không phải, bọn họ càng ngày càng đông thêm và càng thu được kết-quả ! Chính viên bí-thư Ủy-ban quận và một tên như tôi, cầm đầu « ban tuyên-truyền » bị phiền trách đó ! » (tr. 49).

Nhiều câu nói khác cho ta biết rõ về tình-hình và phương-pháp chống tôn-giáo hiện nay của người Xô-viết : « Khi trên ra lệnh tăng năng-suất của ruộng đất, chúng tôi còn biết cách mà làm vì đã có một khoa-học về ruộng đất với những công-thức rõ rệt và những định-lý không thể chối cãi. Nhưng khi trên bảo chúng tôi : phải phát-triển tuyên-truyền chống tôn-giáo, thì chúng tôi thật không biết đảng nào mà rờ. Có nên đưa hết đồng-chí này tới đồng-chí khác đến làng diễn-thuyết về ngày tận-thế không ? Trước hết, chỉ có những người vô tín-ngưỡng mới tới nghe diễn-thuyết mà thôi. Thứ nữa, nếu những người tín-ngưỡng có đến, thì cũng không phải những bài diễn-thuyết có thể khiến cho họ

đôi lòng. (tr. 48). « Những phương-pháp tranh-dấu cũ, như kéo râu ông giáo-sĩ và tống ra khỏi nhà thờ, hiện nay bị coi như có hại. Chúng ta phải dần mặt-trận chống tôn-giáo, nhưng chúng ta phải tiến lần lần, không nên đề cho người ta cảm thấy. Không thể trong mấy năm, đả-phá ngay được những cái đã xây dựng từ mấy ngàn năm. Không thể lấy bàn tay xô đổ được một cỗ-thụ trăm năm, phải dẫn nó từ nền tảng, từ gốc rễ ». (tr. 49).

« Chúng ta phải đạt tới kết-quả làm cho bà cụ già không tin ở Thiên-Chúa nữa mà tin ở chúng ta. Chúng ta phải chứng-minh khả-năng chúng ta bằng hành-dộng. Trước hết chúng ta phải thêm chút thịt vào nồi « súp » rau cải, quần áo mặc cho ấm áp mùa đông, rồi một máy thu-thanh, điện, sách, phim ảnh. Chúng ta phải có những chứng-minh và chỉ trước những chứng-minh, Thiên-Chúa mới không cưỡng lại nổi. » (tr. 49).

Phản-ứng kịch-liệt và ráo-riết của phê-bình Xô-viết đối với « Bức ảnh làm phép lạ » của Tendriakov là bằng cứ tỏ ra đề-tài của tác-giả hiện nay đang làm sôi nổi dư-luận trong nhân-dân. Một cô giáo viết trong tờ Outchitelskaia Gazeta ngày 5 tháng Năm 1958 :

« Tân truyện đăng ra là một biến-cố quan-trọng. Nó đáng chú-ý vì có giọng rất thành-thật. »

Cô viết tiếp :

« Nhưng tại sao trong truyện, chỉ có một mình cô giáo đứng lên tranh-dấu cho chủ-nghĩa duy-vật. Những trí-thức trong làng, những Komsomols, những người Cộng-sản đi đâu hết ? Chúng ta có quyền hỏi như vậy. Sao không một người nào giúp

đỡ cô giáo ? Tendriakov kể lại một truyện ít nhiều đúng với thật-tế, chắc không thể nào lãng quên việc đơn-cử hành-dộng của một vài phần-tử trung-thành với đường lối của đảng, nếu những phần-tử này thật sự có. Chắc chắn là không có ai cho nên tác-giả mới cố-tình bỏ qua, đề khỏi nhắc đến họ đó thôi. »

Tờ Literatournaia Gazeta ngày 24 tháng Bảy 1958 khen ngợi Tendriakov đã có công vạch mặt những kẻ có « chủ-trương ngu-dân bần ngoài có vẻ như vô hại mà kỳ thật đã làm mất tư-cách của con người ». « Tác-giả làm ta phải lo sợ, và khiến chúng ta phải suy nghĩ về vấn-đề giáo-dục gia-đình hiện nay, cùng chỉ dẫn cho chúng ta thấy những lý-do vì đâu mà những hủ-tục ngày xưa vẫn còn tồn-tại. Tác-giả lột trần những hành-dộng bịp bợm của một số người chuyên lừa gạt những tâm-hồn khờ-khạo và bảo chúng ta đã sơ-khoáng trong cuộc đấu-tranh chống tôn-giáo ».

Mục « thời-sự » tờ Pravda ngày 13 tháng Tám 1958, có đăng bài của I. Riabov nói về « Bức ảnh làm phép lạ » của Tendriakov, trong có đoạn nói :

« Người ta có thể cho rằng câu chuyện tìm ra một « bức ảnh làm phép lạ » không đáng kể lại bằng một tác-phẩm văn-chương quan-trọng, mà chỉ nên kể lại bằng một vài dòng trong mục tin vặt ! Nhưng đây, Tendriakov đã dùng đề-tài ấy viết nên một tân truyện khá dài và chúng tôi nghĩ nhà văn trên đã làm một việc hợp-lý. Không nên đánh giá nhẹ sức phản-dộng của thành-kiến tôn-giáo. Cái đã chết vẫn còn phương-hại được tới cái đang sống... »

Trong khi nhạc-sĩ Lev Oborine tỏ vẻ ngạc nhiên vì còn thấy người dân Nga

« thờ » tương « thánh Nicolas hay làm phép lạ » (Literatournaia Gazeta ngày 14 tháng Tám 1958), nhà phê-bình Arkadi Eliachevitch cho tác-phẩm của Tendriakov là một tiếng kêu cứu, bắt người ta phải chú-ý vào sự thiếu sót trong cuộc đấu-tranh chống tôn-giáo. Ông viết trong tạp-chí Zvezda (Số 9 tháng Tám 1958) : « Chỗ nào kiểm-sát của công-luận ngưng hoạt-động là lại thấy nảy sinh ra lực-lượng của quá-khứ mà người ta tưởng đã lỗi thời và đã biến mất từ lâu... lễ rửa tội, lễ bầu chủ, lễ hôn-phối, nhất là trong những quận cách xa đô-thị. Tất cả những sự kiện đó chứng tỏ chúng ta đã sơ-khoáng trên địa-hạt tuyên-truyền chống tôn-giáo ». Và Eliachevitch phản-kháng : « Chúng ta không thể không biết đến những tai-hại do tàn-tích của tôn-giáo gây nên, chúng ta không thể hòa-hoãn với những lực-lượng ấy và tỏ ra quá ư khoan-hồng. Tân truyện của Tendriakov khuyên chúng ta nên tranh-đấu từng ngày một, và nên tranh-đấu một cách thông-minh, kiên-trì ».

Sau hết xin nói tới bài phê-bình trong tạp-chí Novi Mir (số 9, tháng Chín 1958, tr. 247 — 255) của J. Vinogradov. Đầu đề bài phê-bình rất có ý nghĩa : « Thăm-trạng bi-quan của em bé Rodka Gouliaiev ». Sở dĩ gọi là thăm-trạng vì một em bé Rodka Gouliaiev, cho tới ngày nay, vẫn còn có thể rơi cạm bẫy của một thứ « tâm-lý nhục-mạ nhân-cách và nô-dịch » ; sở dĩ gọi là lạc-quan vì « tâm-lý của thời-đại chúng ta » đang tiến tới chỗ chiến-thắng « cái tín-ngưỡng mù quáng vào một Thiên-Chúa toàn-năng ». Theo tác-giả bài phê-bình thì câu chuyện để lại một cảm-giác

« nhình-tĩnh mà khoái-hoạt », giá-trị nghệ-thuật của nó rất lớn lao, vì « phát-giác được một nghi-vấn rất đáng lo ngại ».

Với tân truyện của ông, Tendriakov đã đập rất đúng chỗ. Vì « văn-nghệ phải dự phần quyết-định vào cuộc tranh-đấu trong mọi biểu-hiện của ý thức hệ tư-sản và mọi tàn-tích của chủ-nghĩa tư-sản trong ý-thức con người. » (Lời của Đệ nhất bí-thư trung-trương Đảng tại Azerbaidjan, tên là Moustafaiev, đăng trong Literatournaia Gazeta ngày 20 tháng Một 1959 :) « Không ai lạ gì thành-kiến tôn-giáo và mê-tín là những tàn-tích dai dẳng nhất của quá-khứ. Thanh-niên ta còn nhiệm phải chúng thì thật là nguy hại vô cùng. Chính đó là chỗ chúng ta phải nhờ cậy vào sự giúp đỡ của các nhà văn. Song các nhà văn, không hiểu tại sao, lại đứng ra ngoài nhiệm-vụ của toàn-dân đó. » Tạp-chí Kommunist (số 17 tháng Mười hai 1958, p. 97) cũng trách văn-văn-chương, hội-họa, điện-ảnh, kịch-trường, vô-tuyến truyền-hình không triệt-đề lợi-dụng khả-năng trong cuộc đấu-tranh chống tôn-giáo.

Chúng ta còn có thể chờ đợi rồi đây đề-tài tôn-giáo và mộ-đạo sẽ còn được đưa lên mào xẻ trên đàn văn-nghệ của Liên-bang Xô-viết một cách hào-hứng, sôi nổi, và chúng ta cũng sẽ còn có thể khám-phá ra được nhiều điều mới lạ trong tâm-hồn của những bôn-đạo Nga đã từng chịu đựng trên bốn mươi năm một cuộc tuyên-truyền hủy-hoại tín-ngưỡng được coi như không-tiền khoáng-hậu.

HOÀNG-MINH-TUYNH



Học - văn chuyên - nghiệp và học - văn phổ - thông

Gần đây, học-văn chuyên-nghệp thường được đem đối-chiếu với học-văn phổ-thông.

Người trọng học-văn chuyên-nghệp quan-niệm học-văn phổ-thông mơ-hồ viển-vông, không thiết-thật.

Người chuộng học-văn phổ-thông quan-niệm học-văn chuyên-nghệp khô-khan, máy móc, thiếu nhân-bản.

Vấn-đề trở nên gay go, chia rẽ, khiến người ta có thể sinh ra hoang-mang, nghi-hoặc và do đấy, sẽ cản trở không ít bước đường tiến-hóa của dân-tộc.

Có điều không ai chối cãi là trước những tiến-phát thần-tốc của nhân-loại hiện nay, mọi vấn-đề văn-học cũng như khoa-học đã trở nên vô cùng phức-tạp và thường có liên-lạc với nhau.

Muốn khảo-cứu tường-lận văn-học của thế-kỷ, ta không thể không xét đến ảnh-hưởng của xã-hội, của chính-trị... đối với văn-học ấy.

Muốn nghiên-cứu đến nơi hóa-học của thời-đại, ta không thể không biết đến lý-học, toán-học, là những ngành có quan-hệ mật-thiết và không thể thiếu đối với môn học ấy.

Muốn quan-sát đứng đắn sự-kiến kém mở-mang của một quốc-gia về kinh-tế, ta không thể bỏ lơ những yếu-tố chính-trị, tôn-giáo hay tâm-lý của nhân-dân sinh-hoạt trên lãnh-thò của quốc-gia ấy.

Việc mò xè bất luận một vấn-đề nào hiện nay cũng đều bắt buộc chúng ta phải sử-dụng cách suy-luận có phương-pháp mà mò xè nhiều vấn-đề khác một trật.

Do đấy, vấn-đề học-văn chuyên-nghệp và học-văn phổ-thông có lẽ cần phải đặt lại. Hoặc, hơn thế, có lẽ không nên đặt thành vấn-đề học-văn chuyên-nghệp và học-văn phổ-thông.

Và, phải chăng, chỉ có vấn-đề học chuyên và học rộng : học chuyên thiếu học rộng, khó đem lại kết-quả thật-hành ; học rộng thiếu học chuyên, thường dẫn đưa tới khái-niệm vu-khoát ?

GIÁ-TRỊ CỦA KINH DỊCH

THANH - THUYỀN

I.— Kinh Dịch là gì?

Kinh Dịch là một bộ kỳ-thư của Trung-hoa, xuất-hiện rất lâu, và qua bao nhiêu biến đổi của thời-đại, vẫn còn tồn-tại. Soạn-giả của Kinh Dịch không phải là một người đã hoàn-thành trong một thời-gian ngắn-ngủi, mà là công-trình sáng-tạo của nhiều người qua nhiều giai-đoạn lịch-sử khác nhau.

Dịch là biến dịch, thay đổi, chuyển động. Quan-niệm vũ-trụ chuyển-biến là quan-niệm của Dịch. Tư-tưởng di-dịch ấy Héraclite đã thể-hiện trong câu : « On ne se baigne jamais deux fois dans le même fleuve » (người ta không bao giờ tắm hai lần cùng trong một dòng sông). Không-tử, khi nhìn dòng nước trôi xuôi, ngày đêm chảy mãi không ngừng, cũng đã buột miệng than : « Thệ giả như tư phù bất xả trú dạ » (nước chảy mãi suốt ngày đêm như thế này ru !)

Nhưng sự chuyển-dịch đó như thế nào, bắt nguồn ở đâu, các soạn-giả của Kinh Dịch đã cùng một quan-niệm như nhau là « Dịch hữu Thái-cực, thị sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái » (Dịch có Thái-cực, Thái-cực sinh hai nghi, hai nghi sinh bốn tượng, bốn tượng sinh tám quẻ...) Vậy, nguyên lý độc

nhất của vũ-trụ là Thái-cực. Thái-cực tức là Đạo. Đạo gồm có âm dương. (Nhất âm nhất dương chi vị đạo). Âm dương là hai thể đối-lập nhưng hòa-hợp với nhau, cọ xát với nhau mà làm cho vũ-trụ sinh-tồn và biến-hóa...

II.— Quá - trình sinh - thành của Kinh Dịch

Kinh Dịch xuất-hiện từ đời Phục-Hy, cách đây trên 6.000 năm (4480 trước Tây-lịch). Phục-Hy, thấy con long-mã hiện ra trên sông Hà có 55 điềm, mà cảm thông với vũ-trụ lập ra Tiên-thiên bát-quái.

Hình ảnh của con thần-mã xuất-hiện trên sông Hà, có 55 chấm, được vẽ ra thành biểu-đồ 55 điềm gọi là Hà-đồ. Trong 55 điềm đó có 25 điềm trắng (dương) và 30 điềm đen (âm). Trong Hà-đồ chứa đủ cả Thái - cực, lưỡng - nghi, tứ - tượng, bát-quái... Hình ảnh của Hà-đồ là hình ảnh của vũ-trụ. Thái-cực nằm ở giữa, hai nghi gồm những số âm, dương nằm hai bên. Vì hai nghi biến-hóa (âm, dương) nên thành tứ-tượng, tứ-tượng biến-hóa nên thành bát - quái. Phục - Hy lấy vạch dài (—) tượng dương, vạch đứt (- -) tượng âm, gọi là hào để lập thành tám quẻ, gọi là Bát-quái. Bát-quái tức là sự chu-hành của vũ-trụ, là đồ - biểu biến - hóa của trời đất

nguyên - thủy rộng lớn, gọi là Tiên - thiên Bát-quái gồm có : Kiền, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn, Chấn, Ly, Đoài.

Đến đời Hạ - vô (khoảng 1989 trước Tây-lịch), vua Hạ-vô lúc trị thủy thấy con rùa có vằn, mang chín điểm, mà lập ra Lạc-thư. Lạc-thư gồm có 9 điểm, tức chứa số. Nếu cộng từ 1 đến 9 ta có một tổng-số là 45. Cho nên 45 là số của Lạc-thư. Trong 45 điểm đó có 25 điểm trắng (dương) và 20 điểm đen (âm). Lạc-thư là một bản-đồ tượng-trưng lúc vũ-trụ đã thành-hình, tức là lúc âm dương, ngũ-hành đã giao-hợp. Thế là cách Phục-Hy 2490 năm, Kinh Dịch lại biến đổi, thêm một sự phát-minh mới.

Mãi đến đời vua Văn-Vương nhà Chu (1144 trước Tây-lịch), nghĩa là 845 năm sau, lúc nhà vua bị giam ở Dữu-lý, mới đem những quẻ trong Tiên-thiên bát-quái của Phục-Hy mà lập thành Hậu-thiên bát-quái. Kinh Dịch lại thêm một phát-minh nữa. Hậu-thiên bát-quái là đồ-biểu chuyển-động của vũ-trụ khi đã thành-hình gồm có tám quẻ : Kiền, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Văn-Vương cũng dùng các quẻ để bói toán, xem những việc cát, hung...

Châu-Công, con của Văn-Vương, lại cắt nghĩa từng hào trong các quẻ gọi là Hào-từ để giải rõ giá-trị của mỗi hào, và đối với bốc phê, giải rõ sự cát hung nằm trong mỗi hào ấy.

Và sau Châu-Công, cũng dưới đời nhà Chu, khoảng năm trăm năm, Khổng-Tử theo những lời Thoán (Thoán-từ) của Văn-Vương và lời Hào (Hào-từ) của Châu-Công, lập ra mười thiên gọi là Thập-dực. Thập-dực gồm có Thoán

thượng truyện, Thoán hạ truyện, Tượng thượng truyện, Tượng hạ truyện, Hệ-từ thượng truyện, Hệ-từ hạ truyện, Văn-ngôn truyện, Thuyết-quái truyện, Tự-quái truyện, và Tập-quái truyện.

Qua bao nhiêu biến-chuyển của lịch-sử, Kinh Dịch vẫn còn tồn-tại. Đến đời Tống, các học-giả chia ra làm nhiều phái để khảo-cứu Kinh Dịch. Kinh Dịch từ Khổng-Tử trở lui đã được chia ra nhiều phái, có nhiều người chủ-trương thành những môn Đạo-học, Tượng-học, Tâm-học và bốc phê. Do đó có một Chu-liêm-Khê, Trình-Dị, Trần-Đoàn, Trương-Tài, Quỷ-Cốc - Tử vân... vân...

III.— Giá-trị của Kinh Dịch

Sau đời Tần, Kinh Dịch được các nhà học-giả trứ-danh nghiên-cứu. Gần đây Kinh Dịch cũng được các học-giả Tây-phương phiên-dịch. Tuy vậy, bằng vào ngôn-tự của Kinh Dịch, ít ai phát-huy một cách tinh-tường tinh-túy của bộ kỳ-thư tối cổ ấy. Ngũ-khí của Kinh Dịch khó hiểu, ít mạch lạc, nếu đem so sánh với ngũ-khí của các bộ sách đời Chu thì thấy khác xa. Chính vì vậy, mà có nhiều học-giả xem Kinh Dịch mãi đến cuối đời chiến-quốc mới xuất-hiện.

Học-giả Hán-nho xem Kinh Dịch chỉ là một quyển sách bốc phê nghiêng về thuật-số, bói toán. Đến sau, người ta lại chú-trọng phát-huy triết-lý của Kinh Dịch. Do đó, tựu trung có hai quan-niệm về Kinh Dịch : Kinh Dịch là một quyển sách dùng để bói toán và Kinh Dịch là một bộ sách chứa đựng một triết-lý cao-siêu.

Vậy thì giá-trị của Kinh Dịch ở chỗ nào ? Phải chăng là một quyển sách chứa

đựng một triết-lý hay là một quyền sách dùng để bocc phê ?

a) *Giá-trị triết-lý của Kinh Dịch.*

Dù Kinh Dịch không phân chia, xếp đặt thành rõ hệ-thống (đấy là đặc điểm của triết-học Á-đông), dù văn-tự của Kinh Dịch không được khúc-triết, rõ ràng, ta không thể không công-nhận giá-trị triết-lý của Kinh Dịch.

Nguyên-lý của Kinh Dịch là coi vũ-trụ luôn luôn biến-hóa không ngừng. Tất cả mọi sự vật đều chuyển-động, biến-dịch.

« Dịch hữu Thái-cực, thị sinh lưỡng nghi... ». Vậy sự biến-hóa của Kinh Dịch là một thứ biến-hóa đi từ đơn-giản đến chỗ phức tạp. Đứng theo bề dọc, thì Thái-cực với sinh ra vạn-vật, nhưng nhìn tổng-quát, thì Thái-cực vốn là bản-thể của vũ-trụ, phát sinh vũ-trụ và cũng là toàn-thể vũ-trụ đó.

Căn-bản của mọi sự biến-hóa là Âm dương. Âm dương là hai nguyên-tắc đối lập, xung khắc nhưng lại hòa hợp, cộ sát với nhau để phát sinh mọi hiện-tượng. Do đó mọi sự vật không ngoài sự kết-hợp của âm dương.

Kinh Dịch cũng còn cho ta thấy quá-trình tiến-triển văn-hóa của Trung-hoa từ thượng-cổ đến thời Khổng-tử.

Thời-kỳ của Phục-Hy và Hạ-vô là thời-kỳ không có văn-tự. Phục-Hy đã thấy hiện-tượng mà cảm-thông vũ-trụ. Do đó mà có Hà-đồ. Hạ-vô cũng dùng hiện-tượng khi vẽ ra lạc-thư. Vậy thì Hà-đồ và Lạc-Thư là quan-niệm của những dân-tộc thời-kỳ tối-cổ trước vũ-trụ.

Những hiện-tượng đơn-giản ấy lại trở thành ý-tượng khi các quẻ thành hình.

Mỗi quẻ chồng lên nhau lại hóa thành một quẻ khác, do một ý-niệm tạo nên. Đấy cũng là lúc mà những dân-tộc có những ý-niệm tiến-bộ, và những phát-minh hệ-trọng. Đến Văn-Vương và Khổng-tử mới dùng văn-tự để giải-thích các Hào. Đấy là thời-kỳ dân-tộc Trung-hoa đã tiến-bộ. Kinh Dịch gồm có ba quan-niệm tuần tự ăn khớp với ba giai-đoạn tiến-hóa của xã-hội. Và từ quan-niệm « Tượng » trong Hà-đồ, Lạc-Thư, trải qua 64 quẻ cho đến các lời « Từ » của Khổng-tử, chứng tỏ rằng mọi sự phân hóa đều đi từ đơn-giản đến phức-tạp vậy.

b) *Giá-trị bocc phê của Kinh Dịch.*

Văn-Vương và Châu-Công lập ra Thoán-từ và Hào-từ để bói toán, vậy thì quả nhiên Kinh Dịch còn dùng để bocc phê.

Tất cả mọi sự vật đều do sự hòa-hợp của âm dương, cho nên mọi sự mọi việc khi đã do âm dương giao-cảm đều toát ra những kết-quả là thịnh, suy, họa, phúc. Đấy là quan-niệm bocc phê của Kinh Dịch. Nhưng mọi tác-động, mọi phản-động giữa vũ-trụ, giữa con người vốn chằng-chịt và phức-tạp, nên sự biến-hóa, tiêu-trưởng của âm dương lại càng phức-tạp hơn. Nhưng âm dương là nguyên-tắc biến-hóa. Biết giản có thể biết phức. Biết tạp có thể biết đơn. Cho nên muốn biết sự việc phải biết âm dương, phải lấy âm dương để giải thích. Nếu âm dương phức-tạp, khó giải, chỉ còn cảm-thông với huyền-vi của vũ-trụ.

Chu-Hy dùng cỏ thi để bói. Quỷ-Cốc-Tử dùng kim tiền khóa (3 đồng tiền) để biết mọi sự việc. Những lời bói của cổ-nhân khắc ở xương thú mai rùa đào được do các nhà khảo-cổ tìm thấy càng chứng tỏ Kinh Dịch còn dùng để bocc phê.

Nhưng Bốc phê cũng không ngoài sự biến-hóa của Âm Dương.

c) *Giá-trị thiên-văn của Kinh Dịch.*

Mọi vật đều kết-hợp bởi Âm Dương, nên khảo-sát sự biến-hóa của Âm dương, có thể biết được sự tiến-triển của sự vật. Tiên-thiên bát-quái là đồ-biểu mọi sự chuyển-biến từ trạng-thái này qua trạng-thái khác của mọi thiên-thể. Từ quẻ Kiền (nóng) để chỉ các định tinh nóng cháy, bát-quái đi lần về quẻ Ly rồi đến quẻ Khôn, để chỉ cho các định tinh đã trở thành nguội lạnh. Quẻ Ly tiến đến quẻ Khảm để chỉ sức nóng của nội-tâm định tinh mới chớm, rồi trở lại quẻ Kiền, khi định tinh bắt đầu bùng cháy lại. Hậu-thiên bát-quái còn dùng để xét những hiện-tượng ở trên mặt đất.

Bát-quái còn dùng để định cho thời-tiết, bốn mùa. Mùa Xuân thuộc Chấn, Tốn, mùa Hạ thuộc Ly, mùa Thu thuộc Đoài, Kiền, mùa Đông thuộc Khảm.

Chấn, Đoài giao nhau nên vào giờ Dần (5 giờ sáng), và Thân (6 giờ tối). Khảm, Ly giao nhau nên nằm vào giờ Tý và Ngọ (12 giờ đêm và 12 giờ trưa).

Sự biến đổi của mặt trăng cũng ăn khớp theo 64 quẻ. Từ quẻ Chấn đến Kiền là Vọng : trăng tròn, âm tiêu, dương trưởng. Từ Kiền lui về Khôn là Hồi : Trăng khuyết. Nếu tính thứ tự thì từ Khôn đến Đoài là trăng vào thời-kỳ Thượng huyền, từ Đoài đến Kiền là trăng tròn, từ Kiền đến Cấn là Hạ huyền, từ Cấn đến Khôn là trăng khuyết.

Cồ-nhân đã dùng Kinh Dịch để xem thiên-văn là thế !

d) *Giá-trị thực-dụng trong Kinh Dịch.*

Kinh Dịch không phải chỉ để bốc phê, để áp dụng vào thiên-văn, mà còn áp dụng vào mọi sinh-hoạt khác.

Nguyên tắc của vũ-trụ vốn là Âm dương, sự sinh-hóa vốn là Ngũ-hành, cho nên mọi việc cần phải thuận theo âm dương, ngũ hành. Nói khác hơn, nhân-sự bắt nguồn ở thiên-lý thì mọi sự việc đều bắt nguồn ở thiên-lý cả.

« Lấy lời thì dùng Từ, lấy động thì dùng Biến, chế đồ thì dùng Tượng, bói toán thì dùng Chiêm » đây là công dụng của Kinh Dịch.

Hệ-từ hạ có câu : « Bao hy thị một, Thần nông thị tác, trác mộc vi tự, nhũ mộc vi lỗi, lỗi nậu chi lợi, dĩ giáo thiên-hạ, cái thủ chư Ích (Phục-hy mất, Thần-nông lên thay, đẽo gỗ làm cày, uốn cây làm cán, đem sự lợi về cày dạy cho thiên-hạ là lấy ở quẻ Ích).

Quẻ Ích gồm có quẻ Tốn nằm trên, có nghĩa là gỗ, và quẻ Chấn nằm dưới, có nghĩa là động. Trên gỗ, dưới động, Thần-nông đã phỏng theo quẻ Ích để chế cày.

Hoặc : « Khoa mộc vi châu, diêm mộc vi tiếp... cái thủ chư Hoán » (khoét cây làm thuyền, chuốt gỗ làm chèo... là lấy ở quẻ Hoán).

Quẻ Hoán trên có quẻ Tốn là gỗ, dưới có quẻ Khảm là nước.

Trên cây, dưới nước, vua Hoàng-đế đã phỏng theo quẻ Hoán để làm thuyền.

Như thế cồ-nhân đã dùng Tượng để chế đồ đạc.

Cồ-nhân còn áp dụng Lạc-thư vào các việc khác. Căn cứ vào hình dáng và số 9

của Lạc-thư, người xưa đã dùng Cửu-trù trong việc chính - trị, dùng Cửu - châu vào việc địa-lý, dùng Cửu-cung vào việc toán-pháp và dùng tính điền vào việc ruộng đất.

Tóm lại, dựa theo hình-tượng của Lạc-thư và các quẻ trong Kinh Dịch, cồ-nhân đã sáng chế ra đồ đạc và phát-minh ra những sáng kiến trong những ngành sinh-hoạt khác.

2) Giá-trị đạo học của Kinh Dịch

Ngoài việc chứa đựng một quan-niệm về vũ-trụ, Kinh Dịch còn là một Đạo sống cho người trí-giả nữa.

Biết được Dịch-lý, tức nhiên biết được Thời, Thế, biết được Đạo Trời. Người quân-tử biết sống theo hoàn-cảnh, biết tiến-thoái theo thời-vụ, biết hòa hợp với những kẻ quanh mình, biết cảm thông với sự vận-chuyển, tức là sống hợp với Đạo Trời vậy.

Trong mỗi quẻ tự nó đã có ý-nghĩa trong mỗi hào :

« Lập đạo Trời là âm và dương
Lập đạo Đất là cương và nhu
Lập đạo Người là nhân và nghĩa ».

Kiểm ba đạo trên đây, gấp đôi thành sáu vạch mà thành quẻ. Cho nên người xưa gọi Dịch là sách học của Âm Dương, Cứng Mềm, Tính-mệnh, Đạo-dức.

Khổng-tử, giữa thời loạn lạc, lúc san-định Kinh Dịch, đã lấy quẻ Kiền, Khôn làm Cha, Mẹ, tổ tông của muôn loài (Kiền Khôn già, âm dương chỉ bản thủy, vạn-vật chỉ tổ tông), lấy quẻ Hàm, Hằng làm đầu mối cho nam nữ (Hàm Hằng già, nam nữ chỉ thủy, phu phụ chỉ đạo). Như thế, nhân đạo đã nằm trong các quẻ Kiền, Khôn, Hàm, Hằng, tượng trưng cho đạo Trời

Đất, cha con, vợ chồng. Ăn uống, nói năng cẩn thận thì lấy theo quẻ Di, ngăn điều giận, làm điều lành thì xem ở quẻ Tồn, quẻ Ích. Vậy thì mọi hành động thường ngày của kẻ quân-tử phải lấy Kinh Dịch làm tiêu chuẩn.

V. — KẾT LUẬN

Như thế, Kinh Dịch không hẳn là một bộ sách chứa đựng một thứ triết-lý, cũng không hẳn là một bộ sách chuyên về bốc phê, mà, như ta đã thấy, còn là một quyển sách chứa đựng những nguyên-tắc về thiên-văn, địa-lý cũng như về nhân-đạo.

Muốn biết được Dịch thì phải biết được Thời. Muốn biết Thời phải biết tính toán lý-số để hành-dộng. Muốn hành-dộng hợp với Trời và Người phải phòng ngừa, tiến thoái theo Họa, Phúc và phải dùng Đạo-dức để dưỡng Tâm.

Triết-học của Á-đông vốn không thấy rõ có hệ-thống, vốn là một lối học tâm-truyền, hàm-dưỡng, và gần như một Đạo Sống. Đạo Sống bắt nguồn tại Thiên-lý nên mọi sự việc đều phải quay về với Thiên-lý cả.

Nhưng căn-cứ vào lịch-sử, căn-cứ vào sự sinh-hoạt cùng ý-thức-hệ của những thời-đại đã đi vào dĩ-vãng, ta không thể chối bỏ giá-trị của Kinh Dịch. Và nếu tư-tưởng của Á-đông vốn tổng-hợp, vốn là một Đạo Sống, vốn bắt nguồn từ Thiên-lý và quay mọi hoạt-dộng nhân-sinh vào Thiên-lý, ta có thể quả quyết rằng Kinh Dịch là sản-phẩm của những tư-tưởng đó.

THANH-THUYỀN

BÀN VỀ VẤN-ĐỀ PHÂN TỬ-LOẠI VIỆT-NGỮ

TRONG CUỐN

« LE PARLER VIETNAMIEN »

(Tác-giả : LÊ-VĂN-LÝ)

TRƯƠNG-VĂN-CHÍNH

và

NGUYỄN-HIỆN-LÊ

(tiếp theo Bách-Khoa số 69)

Từ-tính và từ-vụ

Phân ra *nom, verbe, adjectif, mot personnel, mot de nombre* và *particule*, tác-giả L.P.V. cũng còn gọi là từ-tính (*nature des mots*). Ta hãy trích dẫn hai đoạn dưới đây để chứng-minh :

(...) Nous essayerons de voir (...) si ces mots - témoins n'ont par d'autre fonction que celle de révéler la nature des mots (L.P.V., tr. 143).

(Chúng tôi thử tìm xem (...) những tiếng dùng làm « chứng-từ » đó có còn công-dụng nào khác công-dụng tìm ra từ-tính không.)

La seconde remarque a trait à la nature des mots susceptibles de prendre *những* pour morphème de pluralité : seuls les noms peuvent prendre *những* comme signe de pluriel (...) (L.P.V., tr. 173) (7).

(Đại ý là : Nhận xét thứ nhì thuộc về từ-tính những tiếng có thể dùng *những* để chỉ phức-số : những tiếng đó chỉ có thể là « danh-từ »).

(7) Từ chúng tôi cho in chữ đậm mấy tiếng trong hai đoạn trích trên.

L.P.V. không có mục-dịch nghiên-cứu cú-pháp (8), nên ta không hiểu tác-giả sẽ phân-tích câu nói ra sao, và sẽ nhận-định ra những từ-vụ nào. Tuy vậy, không phải rằng L.P.V. không nói đến từ-vụ (9). Ta hãy dẫn hai đoạn dưới đây :

1) Trang 134, L.P.V. chia một câu như « Nhà có khách » ra ba bộ phận :

Nhà là chủ-từ (sujet),

Có là thuật-từ (verbe) (10),

Khách là túc-từ (complément),

(8) Xem L.P.V., tr. 225-226.

(9) L.P.V. gọi là *fonction grammaticale* (tr. 134), hay *rôle grammatical* (tr. 130), hay *emploi grammatical* (tr. 172).

(10) Chúng tôi dịch *verbe* ở đây ra thuật-từ, vì tiếng *verbe* dùng trong sách ngữ-pháp Pháp có hai nghĩa. Một nghĩa chỉ từ-tính : *verbe* là tiếng dùng để chỉ sự-vật thế nào hay làm gì, tức là chỉ trạng-thái hay động-tác (le verbe est un mot qui exprime que l'on est ou que l'on fait quelque chose ; le verbe exprime donc l'état ou l'action). Một nghĩa chỉ từ-vụ : *verbe* là tiếng trong câu dùng để diễn-tả người ta nói gì đến chủ-từ (le verbe est le mot de la proposition qui exprime ce qu'on dit du sujet). Theo nghĩa sau, chúng tôi dịch *verbe* ra thuật-từ. — Tiếng Anh phân biệt rõ ràng hơn hai quan-niệm về từ-tính (*verb*) và từ-vụ (*predicate*).

và coi chủ-từ (*sujet*), là một chức-vụ ngữ-pháp (*fonction grammaticale*, chúng tôi gọi tắt là từ-vụ).

2) Trang 172, sách ấy nói đến chức-vụ ngữ-pháp (*emplois grammaticaux*) của những tiếng dùng làm « chứng-từ ». Như « chứng-từ » của từ loại A có thể giữ từ-vụ này : « phức-số-từ » (*morphème de pluralité*), « loại-từ » (*classificateur*) và « chỉ-thị-từ » (*démonstratif*).

a) Những tiếng : *những, các, mấy, lắm, bao nhiêu, cả, mỗi* (về từ-tính thuộc loại C), và những tiếng : *nhieu, đông, đầy* (loại B'), dùng làm « phức-số-từ » (từ-vụ) ;

b) Những tiếng *cái, con, người, kẻ, v.v...* (loại A) dùng làm « loại-từ » ;

c) Những tiếng *này, nọ, kia, ấy, đó, nào v.v ;, đực, sống, cái, mái* (thuộc loại C) dùng làm « chỉ-thị-từ ».

Vậy thì *L.P.V* có phân-biệt từ-tính với từ-vụ. Phương-pháp cò-diễn cũng phân-biệt từ-tính với từ-vụ, mà chúng tôi cũng phân-biệt như vậy. Nhưng, vẫn có điểm khác nhau như sau :

1) Phương-pháp cò-diễn có khi lẫn từ-vụ với từ-tính. Tỉ-dụ : *adverbe* (hay « trạng-từ » trong *Việt-Nam văn-phạm*) định-nghĩa theo từ-vụ, mà lại xếp vào loại theo từ-tính.

2) Tác-giả *L.P.V.* cũng như chúng tôi phân biệt rành mạch hơn từ-vụ với từ-tính. Tỉ dụ : *L.V.P.* nói tiếng *những* thuộc loại C (từ-tính) hay tiếng *nhieu* thuộc loại B' (từ-tính) dùng làm « phức-số-từ » (từ-vụ), thì cũng như chúng tôi nói : *thề-từ* (từ-tính) có thể dùng làm chủ-từ, thuật-từ, v. v. (từ-vụ). Nhưng,

định từ-tính, chúng tôi căn-cứ vào ý-nghĩa của mỗi tiếng trong câu : tùy theo tiếng ấy chỉ sự-vật hay sự-trạng mà chúng tôi gọi là *thề-từ* hay *trạng-từ*. Trái lại, tác-giả *L.P.V.* không căn-cứ vào ý-nghĩa, mà dùng phương-pháp « chứng-từ » để định từ-tính.

« *Fonction* » hiểu theo nghĩa nào ?

Ở trên, chúng tôi đã tạm dịch *fonction* dùng trong *L.P.V* ra « công-dụng ». Đến đây, chúng ta đã có thể hiểu tiếng ấy theo nghĩa nào rồi. Tiếng *fonction* dùng trong *L. P. V.* đồng nghĩa với *rôle* và *emploi* (11), vậy ta cũng có thể dịch *fonction* ra « chức-vụ ».

Dường như Ô. Lê-Văn-Lý phân-biệt hai thứ chức-vụ : một chức-vụ về phương-diện từ-tính, tức là phương-diện ý-nghĩa (có sách Pháp gọi là *fonction sémantique*), như trong câu :

(11) Ta hãy đọc mấy đoạn dưới đây trích trong *L.P.V.* :

— (a) Au point de vue fonctionnel, on peut considérer les éléments linguistiques que sont les *Mots* comme des éléments dont le rôle est de présenter une signification ; en d'autres termes, les *Mots* sont simplement des *éléments signifiants*. (tr. 130)

— (b) Le chapitre suivant traitera du comportement de certains mots, que nous appelons *mots vides*, ainsi appelés, du fait qu'à côté de leur fonction ordinaire, fonction provenant de leur nature ou de la catégorie à laquelle ils appartiennent, ces mots vides se prêtent à d'autres rôles et à d'autres combinaisons. Nous verrons qu'à leur multiplicité de fonctions correspond une variété dans leurs combinaisons. (tr. 143)

(c) — Ce second chapitre va examiner quelles sont les autres fonctions que peuvent remplir ces mots-témoins dans l'économie générale de la langue. Autrement dit, nous allons passer en revue les mots-témoins pour décrire leurs différents emplois grammaticaux possibles. (tr. 172)

Tự chúng tôi cho in chữ đậm mấy tiếng trên

**Phải căn cứ vào ý nghĩa
để định từ tính**

La fonction première de *đầy* est d'être adjectif. (L.P.V., tr. 178) (Chức vụ thứ nhất của tiếng *đầy* là dùng làm adjectif) (12).

một chức-vụ về phương-diện ngữ-pháp như ở trang 134, L.P.V. nói đến « chức-vụ chủ-từ » (*fonction de sujet*) là « chức-vụ ngữ-pháp » (*fonction grammaticale*). (Có sách Pháp còn gọi chức-vụ ngữ-pháp là *fonction syntaxique*).

Nếu quả thật vậy, thì chủ-trương của tác-giả L.P.V. cũng không khác của chúng tôi. Nhưng, ông không muốn dùng danh-từ *fonction sémantique*, có lẽ là vì ông không muốn trái với nguyên-tắc của ông, là không bao giờ căn-cứ vào ý-nghĩa mà nghiên-cứu ngữ-pháp, chỉ căn-cứ vào *fonction* (chức-vụ), mặc dầu ông đã định nghĩa từ là nguyên-tổ có ý-nghĩa của ngôn-ngữ :

La linguistique *Fonctionnelle* ne retient pas cette définition du *Mot* (...) (qui) fait appel à l'idée, et par conséquent à la signification, au sens des éléments linguistiques, ce qui est contraire à son principe même, qui fait appel exclusivement à la *Fonction*. (L. P. V. tr. 130)

Quoique nous ayons adopté la définition du mot comme un « élément signifiant », jamais au cours de ce travail, nous n'aurons recours à la signification pour guider nos recherches. (L.P.V. tr. 131)

Nhưng, ta có thể không căn-cứ vào ý-nghĩa mà định từ-tính không ? Và phương-pháp dùng « chứng-từ » để định từ-tính cho tiếng Việt có luôn luôn hợp-lí không ?

(12) Cũng xem đoạn (b) trích dẫn trong lời chú trên : *fonction provenant de leur nature*.

Chúng tôi đã định nghĩa : từ là âm có nghĩa dùng trong ngôn-ngữ để diễn-tả một ý đơn giản nhất. Vậy thì mỗi từ có hai phần : âm và nghĩa, mà chúng tôi coi nghĩa là phần quan-trọng hơn.

Ta nói ra một tiếng (từ), tiếng ấy diễn-tả một ý niệm ta nghĩ trong óc, nhưng đồng thời, cũng tiếng ấy gọi trong óc người nghe cùng một ý niệm như ta. Ta gán cho âm một ý nghĩa, nói đúng hơn thì ta mượn âm để diễn ý, để chúng ta có thể hiểu được nhau. Ta nghe một người nói một thứ tiếng ta chưa từng học qua, thì ta chỉ nhận thấy âm, mà không hiểu nghĩa. Tiếng nói, trong trường-hợp đó, mất công-dụng của nó. Vậy thì bảo rằng nghĩa là phần quan-trọng hơn âm, không phải là vô-lí. Nghĩa là cái tinh-thần, cái nội-dung của từ, mà âm chỉ là cái dấu hiệu.

Nghĩa đã là phần quan-trọng, thì nghiên-cứu về từ, ta có thể không căn-cứ vào nghĩa được không ? Tất-nhiên là không, và định từ-tính càng phải biết ý nghĩa của từ. Dù có dùng phương-pháp « chứng-từ » chẳng nữa, thì cũng phải dựa vào ý-nghĩa. Ti-dụ, hai tiếng *bàn* và *gà*. Ta bảo rằng hai tiếng ấy cùng thuộc loại A (« danh-từ »), vì ta có thể dùng « chứng từ » *cái, con, hay này, sống, mái* để tạo thành những từ kết có nghĩa như :

cái bàn, bàn này,

con gà, gà sống, gà mái.

Nhưng, nếu ta không biết nghĩa hai tiếng *bàn, gà* ; nếu ta không hiểu *bàn* là tiếng chỉ đồ vật, *gà* là tiếng chỉ động-vật ; thì sao ta lại biết dùng loại từ *cái* để nói *cái bàn*, và dùng loại từ *con* để nói *con gà*. Nếu ta lại

không biết thêm rằng gà thuộc giống chim, thì sao ta lại nói gà sống, gà mái, mà không nói gà đực, gà cái. Và lại không biết nghĩa của bàn, gà, thì sao biết được rằng cái bàn, con gà, gà sống, gà mái là từ kết có nghĩa.

Hoặc giả, phải đặt hai tiếng bàn, gà, vào câu nói, rồi cứ xem tiếng đặt trước và tiếng đặt sau, nếu những tiếng này là tiếng được chọn làm « chứng-từ » cho loại nào, thì xếp hai tiếng bàn, gà, vào loại ấy. Tỉ-dụ xem hai câu sau này :

Ông có ưng mua cái bàn này không ?

Tôi mua hai con gà sống.

không cần phải hiểu nghĩa cũng có thể định hai tiếng bàn, gà thuộc loại A. Nếu vậy thì hai câu này :

Cái nết đánh chết cái đẹp.

Bán cho tôi cái đẹp hơn.

cứ theo phương-pháp « chứng-từ », hai tiếng đẹp cùng thuộc vào một loại (loại A) sao ? Không phải thế. Ta hiểu nghĩa, căn-cứ vào nghĩa thì nhận-định thấy rằng hai tiếng đẹp ấy thuộc hai loại khác nhau, mà tiếng cái ở câu trên (cái đẹp) là loại-từ, còn tiếng cái ở câu dưới không phải là loại-từ.

Tác-giả L.P.V. cũng nhận như vậy, nên luận về tiếng cái, ông có nói rằng tiếng này dùng làm loại-từ, cũng còn có thể dùng làm « đại-danh-từ » thay cho « danh-từ chỉ đồ-vật » :

Cái peut encore servir de pronom remplaçant un nom de chose :

Tôi có hai cái vườn : cái nhỏ giống đậu, cái to giống trà, (L.P.V., tr. 186)
Nhận được hai tiếng cái in đứng trong câu tỉ-dụ dẫn trên, không phải là loại-từ,

mà là « đại-danh-từ » thay cho vườn, ít nhất ta phải biết rằng hai tiếng nhỏ, to, không phải là tiếng chỉ sự-vật.

Vậy thì dấu sao cũng phải hiểu nghĩa mới định được từ-tính. Tác-giả L.P.V. đã thấy rõ điều đó, nên mới viết rằng : những tiếng nào có thể hoặc đặt trước hoặc đặt sau « chứng-từ » để tạo thành một từ kết có nghĩa thì cho vào cùng một loại.

Phương-pháp « chứng-từ » chưa chắc đã hoàn-toàn

Phương-pháp « chứng-từ » chưa hẳn đã là hoàn-toàn hợp-lí. Dùng nó, ta không thể định được từ-tính của một số tiếng, hoặc có định được là định một cách dễ lẫn lộn. Chúng tôi hãy lấy vài tỉ-dụ dưới đây :

1) Theo L.P.V., trang 166, thì « tiếng xưng hô » (*mots personnels*) chỉ gồm có :

tôi, tao, tớ, mình,

mày, bay, ngươi,

nó, hắn,

và ta có thể dùng tiếng chúng làm « chứng-từ » đặt trên những « tiếng xưng hô ».

Điều đó chỉ đúng một phần : ta nói chúng tôi, chúng mày, chúng nó, v.v., nhưng không thể nói chúng ngươi, chúng hắn mà phải nói các ngươi, và cũng không thể nói các hắn. Vậy thì chúng không phải là « chứng-từ » của ngươi và hắn, và phải cho ngươi vào loại A (lấy các làm « chứng-từ »). Còn tiếng hắn, dùng « chứng-từ » nào để định từ-tính cho nó ?

2) Trang 195, L.P.V. xếp hai tiếng trong, ngoài vào loại C, nhưng không cho biết vào tiểu loại nào của loại C. Tất-nhiên

là không thể xếp vào « tiếng xưng hô » hay « tiếng chỉ-lượng », vì ta không thể nói *chúng trong, chúng ngoài*, mà cũng không thể nói *độ trong, chừng trong, ngót trong, từng trong* hay *thứ trong* (độ, chừng, ngót, từng, thứ là « chứng-từ » của « tiếng chỉ-lượng »). Vậy, xếp vào loại « phụ ngữ-từ » chăng ? Nhưng trong danh sách liệt kê hỗn hạng « phụ ngữ-từ », ta không thấy có *trong, ngoài*.

Sao tác-giả L.P.V. không xếp hai tiếng *trong, ngoài* vào loại A, như ở trang 170 ông đã xếp rất đúng tiếng *thế* vào loại này, vì ta có thể nói : *trong này, ngoài này*.

3) Theo trang 146 và 180 trong L.P.V., thì mỗi là « chứng-từ » đứng trước loại A, (*mỗi người, mỗi nước, mỗi ngày*). Nhưng ta có thể nói :

Người ta mỗi tuổi mỗi già.

Cô ấy mỗi ngày mỗi đẹp.

Vậy thì mỗi cũng có thể đặt trước một tiếng thuộc loại B' (*rất già, khá già, hơi già ; rất đẹp, khá đẹp, hơi đẹp*).

4) L.P.V. cho rằng *vẫn, vốn*, là « chứng-từ » của loại B (tr. 162), không thể là « chứng-từ » cho loại A (tr. 157). Nhưng xem mấy câu dưới đây :

Hoa sen mọc bãi cát lằm,

Tuy rằng lằm lằm, *vẫn* mầm hoa sen.
(ca dao)

Khúc đàn này *vẫn* khúc đàn ngày xưa.
(Tản-Đà)

Vốn người huyện Tích châu Thường.
(Nguyễn-Du)

Có tên dưới trường *vốn* dòng kiện nhi.
(Nguyễn-Du)

thì ta thấy *vẫn, vốn*, có thể đứng trước những tiếng thuộc loại A được đấy chứ ?

5) Rất chi dùng làm « chứng-từ » cho loại B' (L.P.V., trang 163), không thể làm « chứng-từ » cho loại A. Nhưng ta có thể nói :

rất mực, rất đối,

mà *mực, đối* thuộc loại A (*mực nào, mực ấy, đối này*). Vậy thì chủ-tương của L.P.V. không đúng nữa.

Chúng tôi tưởng không cần dẫn thêm ti-dụ để chứng-minh rằng không thể chỉ dùng phương-pháp « chứng-từ » mà định từ-tính cho tiếng Việt được.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận rằng phương-pháp « chứng-từ » không phải là không có cái hay. Nhưng ta chỉ có thể dùng « chứng từ » làm một phương-pháp phụ để quyết - định một tiếng thuộc loại nào (thể-từ hay trạng-từ), khi tiếng đó khó giải nghĩa.

Ti-dụ, hai tiếng *thế* và *dấu*. Căn-cứ vào các từ-diễn hiện-hữu, ta rất phân vân không biết nên xếp chúng vào loại nào. Phương-pháp « chứng-từ » sẽ giúp ta giải được sự thắc mắc. Ta nhận thấy hai điều này :

a) những tiếng *này, ấy, nào*, thường hay đi sau thể-từ ;

b) tiếng *trợ-từ* rằng có thể đứng sau một số khá nhiều trạng-từ (*nói rằng, biết rằng, thấy rằng, viết rằng, nghĩ rằng, cho rằng, v.v.*).

Đã nhận ra vậy, mà ta lại thường nói :

thế này, thế ấy, thế nào,

dấu rằng,

thì ta có thể vững tâm mà xếp tiếng *thế* vào loại thể-từ và tiếng *dấu* vào loại trạng-từ.

Nhưng, cũng có trường-hợp phương-pháp « chứng-từ » không giúp chúng ta được nữa, mà ta phải dùng đến một phương-pháp phụ khác, là phương-pháp loại suy.

Ti-dụ : nhờ phương-pháp « chứng-từ » mà ta đã định được từ-tính của *thế*, thì ta có thể xếp những tiếng *vầy* (= thế này), *vậy* (= thế ấy), *sao* (= thế nào) cùng một loại với *thế*.

Nói-tóm lại, theo chúng tôi nghĩ thì định từ-tính, phương-pháp chính là căn-cứ vào ý nghĩa mỗi tiếng. Nhưng, gặp trường-hợp khó khăn, ta có thể dùng hai phương-pháp phụ, là phương-pháp « chứng-từ » và phương-pháp loại suy.



Chúng tôi không được ai « huấn-luyện » về môn ngữ-học, chỉ tự học trong ít nhiều sách của người ngoại-quốc khảo-cứu về ngữ-học (linguistique) và ngữ-pháp (grammaire), mục đích là tìm hiểu tiếng Việt và ngữ-pháp Việt. Đã tự học, thì tất-nhiên có chỗ hiểu chưa thấu, mà lại phê-bình tác-phẩm của « một nhà ngữ-học khuôn mẫu », một « nhà được huấn-luyện một cách chính-thống » về khoa

ngữ-học, một vị « có uy-tín trong học-giới » (13), thì tránh sao được cái tội vọng-ngôn.

Nhưng, chúng tôi nghĩ ; dù là một nhà chuyên-môn, dù là một nhà được huấn-luyện đi nữa, thì mười điều nhận xét cũng có thể có một điều sai (Phạm-Duy-Khiêm là thạc-sĩ ngữ-pháp mà cuốn *Việt-Nam văn-phạm* như thế này !) ; và những kẻ không được huấn-luyện, thì mười điều nhận-xét cũng có thể có một điều đúng (Trần-Trọng-Kim đâu phải cử tú Hán-học, mà bộ *Nho - giáo* thì như thế kia !) Nghĩ vậy, chúng tôi viết bài này, trước hết để góp ý-kiến với những vị học-giã lưu tâm tới Việt-ngữ, sau nữa để được ông Lê-Văn-Lý chỉ bảo cho những điều chúng tôi chưa hiểu rõ trong phương-pháp của ông, một phương-pháp rất mới mẻ mà chúng tôi cũng trọng như tất cả các phương-pháp khác, miễn là giúp cho chúng tôi hiểu thêm Việt-ngữ.

Chúng tôi mong rằng Ô. Lê-Văn-Lý hiểu cho chỗ thành-tâm của chúng tôi như vậy.

TRƯƠNG-VĂN-CHÍNH

và

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(13) Theo Ô. Nguyễn-Đình-Hòa, *Bách-Khoa* số 62, trang 45. và số 66 trang 17.

Danh ngôn, danh lý

GUƠNG MẪU

- ✱ Người trên là chỗ « trông vào » của người dưới. Người dưới thường ngược mắt trông lên người trên, và gương mẫu của người trên càng có giá-trị nếu càng được người dưới tán-đồng.
- ✱ Cử-dộng thận-trọng không sơ-suất với ai ; dung-mạo đoan-trang không khinh-bạc với ai ; ngôn-ngữ cẩn-thận, không lỗ-miệng với ai. (Lễ-Ký)

Một vài nguyện-vọng của người đọc tạp-chí

ĐOÀN-THÊM

Thưa ông Chủ-nhiệm,

Ông có bảo tôi góp ý-kiến để giúp vào sự cải tiến tạp-chí Bách-Khoa.

Thiện-chí cải-tiến không ngừng của quý-báo rất đáng hoan nghênh, song tôi thành-thực mà vẫn có thể chủ-quan, nên xin miễn trả lời trực-tiếp.

Tốt hơn hết, là tôi thử trình bày vài nhận xét chung đối với số đông tạp-chí hiện nay, hay đúng hơn, những *nguyện-vọng của một người ham đọc*, với tư-cách độc-giả chớ không ở lập-trường nhà phê bình.

Ở trường-hợp có điều gì đáng chú ý và cũng liên-quan tới Bách-Khoa, xin quý báo tùy nghị xét định và tự liệu.

Sự cải-tiến còn tùy nhiều điều - kiện, nhất là tài-chánh và chuyên-môn, và tôi cũng hiểu sự khó khăn của nhiều tòa báo. Tuy nhiên, chúng ta vẫn phải cố kiểm điểm, và *ít ra cũng phải mong muốn đã*, thì mới nghĩ tới thực hiện dần khi nào có thể.



Trước hết, tôi vẫn ước ao một sự trình bày nhiều mỹ-quan hơn. Nếu nhớ lại những Nam-phong, Thanh-nghị,... khắc khổ, lênh-kênh,... thì quả đã có tiến, song sự tiến-bộ cần mạnh hơn, căn cứ không những vào dĩ-vãng của ta, còn vào tình-hình chung của báo-chí ngoại-quốc mà ta phải nhận sự cạnh-tranh hữu-ích; nhiều báo đã có một ít tranh ảnh, song thường chưa được rõ ràng tươi sáng. Chữ in hay thuộc cỡ nhỏ xiu (corps 8, 6) rất hại nhốn-quan, trong khi hầu hết báo ngoại-quốc thì phau in chữ lớn (corps 12, 16) và cách dòng rộng rãi; những tính-cách đó không riêng gì cho báo-chí phổ - thông, bình-dân, phụ - nữ hay nhi-đồng, mà chung cho cả những cơ-quan ngôn-luận nghiêm - khắc hay nghiên-cứu khô khan. Đối với độc-giả chúng tôi, dễ-tài càng đứng đắn, hình sắc càng phải dễ coi, thì cảm giác êm dịu mới sửa soạn cho tâm-hồn sẵn sàng thưởng thức: cũng như bánh kẹo có gói gém hay đóng hộp đẹp dễ thì mới được tiêu thụ mạnh. Và chúng tôi có khó tính thì các tòa báo mới cố-gắng; vả lại, nếu người

mua nhật-trình đọc xong thì vứt đi hoặc đem làm giấy gói đồ, người mua đều đều tạp-chí hay giữ lại như sách, có khi còn đóng bìa cứng, để lưu làm tài-liệu ta cứu vể lâu dài : cho nên càng ưa đẹp.

Về đẹp có thể tăng nhiều, ngoài lối thông thường vì màu sắc và chữ in, bằng những tranh ảnh quảng-cáo đầy rẫy ở các tạp-chí ngoại-quốc. Văn biết điều này còn tùy ở các hãng các tiệm chiếu hàng, song nếu các ông chủ và các tòa báo lưu tâm sửa đổi, chắc chắn sẽ lợi cho cả đôi bên : ở nước ngoài, người ta quảng cáo nhiều nhất bằng hình vẽ, với một số chữ tối-thiểu mà thôi ; trái lại, ở ta, hình như nhiều ông chủ chỉ muốn thật nhiều chữ, kể rất tỉ mỉ về đặc-tính hóa-phẩm, thể-lệ đặc-biệt, địa-chỉ xí-nghiệp, số điện-thoại v.v... có khi bằng nhiều thứ tiếng. Nhưng mấy khi có độc-giả nào chịu hy sinh thời giờ nghiền ngẫm các tài-liệu kinh-tế đó ? Và dài dòng văn-tự đâu đó bằng một nụ cười tươi, một bông hoa nở, hay nét vẽ gì hài-hước ý-nhị, liếc mắt đã ưa và muốn tán tài ? (1).

Đã có bạn trong một tòa soạn bảo tôi rằng : chiều ý độc-giả như vậy, kể thì cũng được, nhưng phí tổn nhiều hơn và giá báo sẽ tăng, người mua lại phân nản, nên nhớ rằng đồng-bào ta không dư tiền. Nếu in chữ lớn, khi số trang phải giữ nguyên thì số bài sẽ ít đi, tờ báo có vẻ nghèo nàn về nội-dung. Dù sao, phần đông người đọc cũng dễ tính, không đòi hỏi nhiều.

(1) Ấy, quảng-cáo trên màn ảnh cũng mắc cái tội đó : khán-giả đã sốt ruột chờ phim, lại bị vướng mắt vì những bài chiếu hàng rất nhiều chữ; giá thư có can-đảm đọc thì cũng không đủ thời-giờ vì chỉ giây phút là ánh văn-chương biến mất.

Những điều kể trên đều có phần đúng, và chưa thể nhất-đán thay đổi hết cả, khi giá giấy đắt, công in cao, túi tiền của đa-số đồng-bào có hạn : chỉ tăng một vài đồng, cũng có thể mất một số độc-giả.

Tuy-nhiên, về cách ấn-loát rõ ràng, thiết nghĩ cũng nên xét kỹ lại : giá-trị của tờ báo, đâu phải ở số bài ? Số đó ở xứ ta, thường lên tới 15-16 mỗi kỳ, vượt quá số trung-bình 8-10 ở nước ngoài. Nên giá thử có rút đi một vài bài, chắc cũng không hại lắm.



Về nội-dung, tôi xin lưu ý quý-báo tới tình-hình chung trước khi trình bày sở-nguyện riêng về từng loại.

Hiện nay, có 15 tuần-báo, 31 nguyệt và bán nguyệt-san. 32 đặc-san xuất bản khá đều trong thực-tế, hàng tuần hay hàng tháng, tổng cộng 78 tạp-chí Việt-ngữ : không quá nhiều đối với tổng-số dân, nhưng có lẽ cũng đủ để phân tán mất số độc-giả mà phần đông chỉ tụ tập ở các thành-phố và tỉnh-lỵ ; thời-giờ và tâm-trí họ lại còn phải chia xẻ cho nhật-trình, sách, điện-ảnh v.v...

Như vậy, mỗi tòa báo phải nỗ lực hơn để tranh thủ và duy trì số bạn đọc, và phải làm thế nào thu hút được nhiều tầng lớp xã-hội, ở cả các vùng thôn quê nữa, thì mới mong có tương-lai. Song nhu-cầu bành trướng đó, tuy nhiều ít tùy theo mỗi loại tạp-chí, cũng bắt buộc quan niệm lại hình-thức và nhất là nội-dung, để phù hợp với tâm-lý mỗi giới, mỗi phái, mỗi tuổi.

MỘT VÀI NGUYỆN VỌNG CỦA...

Điều-kiện này không cần-thiết lắm đối với những báo mà người đọc cũng như người viết, mặc-nhiên thừa nhận những sự ép buộc của đề-tài : chuyên-môn, kỹ-thuật, khoa-học, tôn-giáo, v.v... Mua vì muốn học, không phải để tìm khoái trá nhưng để trau dồi trí-thức, tất nhiên sẵn sàng chịu đựng mọi sự khô khan miễn là bổ-ích. Về phần tác-giả, thì dù muốn hay không, cũng phải đặt rõ vấn-đề, diễn giải, viện dẫn, chứng minh, phân tích, qui nạp... theo những phương-pháp, từ-ngữ của vật-lý, hóa-học, hành-chánh, sử-học, pháp-lý, v.v... (chỉ có chừng 15 báo). Đọc-giả họa chẳng chỉ đòi hỏi sự xác-thực, khúc-triết, cao-minh, công-phu sưu-tầm... song nếu vậy, số người khó tính, chắc tương-đối ít.

Bạn đọc cũng không đòi hỏi nhiều, đối với những báo có tranh ảnh, truyện phim, tiểu-thuyết điểm-tình... tương-tự như *Confidences*, *Nous deux*, *Rêves*, *Cinéma*... chỉ khác có thơ mới, và ăn loát chưa được sáng sủa bằng của Pháp. Một số người trẻ tuổi đón coi, cốt mua vui chốc lát, ngắm hình mỹ-nhân, tò mò xem công-chúa Margaret được gán cho vị-hôn-phu thứ bao nhiêu, mơ màng đắm phút theo những vần điệu khốc thu, than cô-liêu trong những nỗi-niềm "ngổ ngàng" "heo hút" "xôi xa", nhớ em với rất nhiều môi, mắt và bàn tay... Có những vị phụ-huynh nghiêm khắc đã bực mình và công kích, vì e ngại rằng trào-lưu lãng-mạn đó sẽ lôi cuốn con em đi quá trớn. Riêng tôi thiết nghĩ thanh-niên thiếu-nữ mới lớn, thường dễ ngã vào tâm-tình, và đôi khi một chút mơ mộng xét ra chẳng đến nỗi tai hại : chắc họ thừa hiểu rằng, sinh trưởng giữa giai-đoạn tranh đấu cho sự

tồn vong của đất nước, và trong khi bao nhiêu triệu bạn trẻ xứ ngoài thi đua vui sống lành mạnh để còn đảm nhận trách-nhiệm lớn lao của thế-hệ, không lẽ nào họ để cho tâm-hồn ngược dòng tiến-hóa mà chìm đắm trong sâu thẳm, trong những ủy-mị điều-tàn mà chính người Pháp, thi-nhân Pháp đã xa lánh từ hơn một thế-kỷ rồi. Dù sao, họ chẳng tha thiết, nếu tìm thấy dễ dàng ở quanh họ những văn-phẩm ích-lợi hơn, nhưng cũng phải có sức hấp-dẫn : tôi nghĩ tới những tạp-chí phổ-thông cần-thiết cho họ cũng như cho tất cả chúng ta.

Loại tạp-chí này cũng đã khá nhiều, tôi xin đề quý-báo và các bạn đọc xét đoán lấy. Duy tôi vẫn ước vọng nhiều, chính vì thấy những cơ-quan đó còn có thể tiến mạnh hơn nữa, mà chưa chịu vận dụng hết khả-năng để phát triển. Thành thử trong hai điều-kiện vừa kể, mới được một, ích-lợi thì cũng có, hấp-dẫn thì chưa đủ.

Tôi đã được hân-hạnh đọc nhiều bài nghiên-cứu, bình-luận rất có giá-trị về chánh-trị, xã-hội, kinh-tế, triết-lý, v.v... tài-liệu súc-tích và khéo sử-dụng, lập-luận vững chắc, ý-kiến xác đáng,... tôi có cảm-tưởng tốt đẹp như khi đọc các nhà văn có tiếng ở báo-chí ngoại-quốc. Song tôi không khỏi e ngại rằng các bài đó khó phổ-biến, vì ngay một số người có tuổi, đã qua cấp trung-học rồi, cũng không lý hội được dễ dàng, vì lời văn tuy trác-luyện nhưng quá trừu-tượng, thiếu những tỉ-dụ hay những dẫn-chứng cụ-thể như ta thường thấy ở các văn-phẩm nước ngoài. Như thế thì làm thế nào giúp ích được cho đại đa-số đồng-bào ?

và khi đăng trong một tạp-chí phổ-thông, không rõ quý-vị tác-giả có tự hỏi xem định nói chuyện với giới nào, hay là cứ việc viết rồi tùy sức người đọc ?

Đã có vị bảo tôi : đề-tài cao thì phải khó, và không thể buộc một giáo-sư đại-học hay một ông tiến-sĩ viết như một phóng-viên tâm-thương. Câu đó khiến tôi nhớ lại mang máng ý-kiến của nhà bác-học Renan : nhân-loại chưa đồng tiến nếu chỉ một thiểu-số trí-thức vượt cao quá trình-độ quần-chúng như vài bông lúa dại (de folles avoines) vọt trên cánh đồng. Tôi lại thắc mắc tự hỏi : sao trong báo bỏ túi như Reader's Digest của Huê-kỳ, lắm khi có những vấn-đề rất cao siêu về khoa-học, chuyên-môn, chánh-trị như nguyên-tử-lực, tình-hình Cận-đông, v.v... mà trong vài trang nhỏ, ý-kiến của nhiều nhà học-giả hay văn-hào nổi danh vẫn được thu gọn và trình-bày một cách giản-dị phân minh, khiến người ít học cũng hiểu và ưa thích nữa là khác ? Vậy thì chúng ta có định cố gắng hướng vào toàn dân hay không ?

Nếu có, — ai mà chối cãi là không ? — lại còn một vấn-đề nữa cần phải giải-quyết càng sớm càng hay : phổ biến sâu rộng dưới mọi hình-thức các trạng-thái văn-minh Tây-phương mới được truyền-bá gọi là, trong 80 năm vừa qua ở các thành-thị mà thôi. Những nước hậu-tiến chung quanh ta đều nhận thấy khuyết-diểm lớn lao đó, và cố bồi đắp bằng các thứ sách báo nhỏ, đề gieo rắc bất-cứ kiến-thức gì có lợi cho đời sống đại-chúng, máy cày, nước uống, kịch ảnh, nhà ở sáng sủa, sự học-hành ở nước ngoài, v.v... tất cả những điều hay vẻ đẹp ở các xứ tiền-tiến để mọi người dân trông thấy mà noi theo (tỉ như

ở Miến-diện, có những tập Pyidawtha : All aspects of World Knowledge) (1).

Tạp-chí phổ-thông có thể và cần giữ một vai trò trọng-yếu để góp phần vào sự phát-động những phong-trào cải-tiến đó. Song đã hướng về đời sống mới, tôi thiết nghĩ phần chính của tờ báo phải dành cho các vấn-đề hiện-tại, hiện-đại, nếu không phải là những thời-sự linh-tính ở nhật-trình. Về điểm này, tôi xin dịch qua loa, để nhường lời cho nhà văn-hào G. Duhamel :
 « một tạp-chí xứng với tên gọi phải ghi
 « vết tích của tất cả mọi sự đáng chú ý xảy
 « ra trên thế-giới : phải phê-bình các tác-
 « phẩm, lược thuật các việc quan-trọng ; kể
 « lại và xét đoán về hành-động con người
 « và làm rạn tỏ các tính tình, giới-thiệu
 « những sáng-tác mới có thể phản chiếu
 « tinh-thần muôn thuở qua những thế-sự
 « hiện-thời, tạp-chí phải như một tiểu vũ-
 « trụ trong đó tất cả sự vật trên hoàn-
 « cầu được in bóng và phân loại theo
 « tầm quan-trọng... » (2)

(1) Mới đây, báo Saturday Evening Post (5.750.000 độc-giả) có sáng-kiến mở ra một mục đặc-biệt gọi là « Cuộc phiêu-lưu tinh-thần » (L'aventure de l'esprit) để các nhà thông-thải, bác-học *stét* cho đại-chúng về những vấn-đề trọng-đại nhất của thế-giới hiện nay, tỉ như việc thám hiểm không-gian, khoa-học và học-thuật nhân-bản, v.v... Xem chừng đã được hoan-nghênh (Informations et Documents — 1/15 Juillet 1959). Chúng ta rất nên theo dõi công cuộc này để rút kinh-nghệm.

(2) « Une véritable revue doit porter trace de
 « tout ce qui se passe de notable dans le monde :
 « elle doit commenter les ouvrages, mentionner les
 « événements, relater et juger les actes des hom-
 « mes, éclairer leur caractère. Une revue digne de
 « ce nom doit en outre présenter des œuvres nou-
 « velles propres à donner un reflet de l'esprit éter-
 « nel dans ses aventures du jour. Elle doit être un
 « microcosme où les éléments du monde viennent se
 « peindre et se classer selon leur ordre de grandeur
 « et leur importance réelle (G. Duhamel — Place, rôle et importance des revues. La civilisation écrite).

Nếu xét theo quan-diểm đó, thì các tạp-chí của ta có dành cho những vấn-đề của thế-giới và của thế-hệ một chỗ danh dự không ?

Dù không thể đọc hết, nhưng nếu theo dõi đề so sánh kiểm - điểm các mục - lục thường in trên bìa tạp-chí, tôi có nhận thấy những điểm chung ; thường thường ở mỗi số, một phần khá lớn gồm những bài nghiên - cứu về cổ học : triết - lý Khổng, Mạnh, Lão, Trang, cổ-văn Việt-nam hay Trung - hoa, Nguyễn-Công-Trứ, Cao-Bá-Quát, Cung oán,... Kiều, Kiều, và rất nhiều Kiều ; — một phần về sáng-tác văn-nghệ : thơ mới và nhất là tiểu-chuyết ngắn dài. Rồi lác đác, một vài bài, dăm mục ngắn, về văn-minh thế-giới và những thực-trạng Việt-nam. Với một số bạn, tôi tha thiết mong rằng phần thứ ba này sẽ được mở rộng, và mỗi ngày một rộng hơn nữa.

Vì nếu coi tạp-chí là một phương-tiện giải-trí, dễ quên bớt những sự vất vả hàng ngày, dĩ-nhiên tôi chỉ vui thích nếu gặp gì mới lạ, dù là cảnh, tình, hay chuyện xảy ra. Nhưng nếu cứ bắt tôi trở lại mãi Chính-phụ hay Đoàn-trường Tân-thanh, mà hàng chục vạn người cũng như tôi đã được đọc, phải đọc từ tiểu-học, trung-học, từ khi còn Đông-dương tạp-chí hay Nam-phong, thì dầu vẫn khâm phục Thị - Điểm hay Tiên-Điền, thiết quả tôi chẳng còn can đảm đọc nữa, chỉ thấy văng vẳng bên tai một câu hát cũ của L. Boyer : « Nói cho tôi nghe chuyện khác, parle-moi d'autre chose ».

Chuyện khác, là những gì ? là các loại văn mới, ở trong xứ hay ở nước ngoài, các trào lưu tư-tưởng mới, sự tiến triển của nghệ-thuật ca-kịch, điện-ảnh, âm-nhạc, hội-họa, thân-thể và sự-nghiệp các đại văn-

hào mà nhân-loại không thiếu,... để tôi thỏa mãn tính tò mò và xem người ta có những gì hay mà học, rút kinh-nghiệm mà tìm lối tiến. Tôi ước được các tạp-chí trau dồi bổ túc giúp bằng những kiến-vấn mà các cụ giáo tôi xưa kia cũng chưa kịp truyền thụ vì e ngoại chương-trình, chớ không dám đòi hỏi các báo trùng nhiệm với công việc ở nhà trường. Còn giá thử quý-báo cứ bảo tôi mãi rằng thơ ông Tú-Xương rất hài-hước trào-phúng, thì tôi cũng đành cảm ơn mà thôi.

Lại còn một phạm-vi mông mênh vô-tận, mà chẳng mấy khi tôi được dẫn vào đề học hỏi nhiều hơn : đó là thực-tế ở chung quanh ta, sự tiến hay thoái của xã-hội ta, các trạng-thái sinh-hoạt của mỗi giới đồng-bào. Đã nhiều phen tôi bực quá mà không biết cầu ai giúp cho nhẹ mình : tại sao tôi biết đại-khái tình-trạng thanh-niên Anh, Pháp, Mỹ, v.v.,... mà chẳng biết hơn 7000 sinh-viên nam-nữ của ta sống ra sao, ưa ghét gì, mong ước gì, có muốn lấy vợ lấy chồng sớm không... ? Ai tả cho tôi những nỗi buồn vui, những hy-vọng, sự thay đổi trong tâm-lý hay cách sống của bao nhiêu gia-đình bỏ miền Bắc để di-cư vô Nam ? Vì những lý-do gì nghề ăn-loát của ta chậm tiến và giá sách mỗi ngày một cao hơn ? Tại sao các giới văn-nghệ chưa đi được tới những tổ-chức nhiều sinh-lực để cùng tiến, trong khi phong-trào nghiệp-đoàn công-nhân và công-ty doanh-nghiệp phát-triển mau lẹ ?... Kề sao cho siết ?...

Ở mọi lãnh-vực, còn biết bao nhiêu vấn-đề chung cho toàn-dân, đã từng được giải-quyết ở các nước tiền-tiến nhưng chưa được chú-trọng ở ta. Nhưng mỗi khi được nghĩ tới và nêu ra, thì phần nhiều đòi hỏi những giải-pháp cấp-tốc, cũng như những

bệnh mắc từ lâu chưa biết, đến khi phát ra mới thấy cần cấp cứu : tình-trạng này chung cho cả nước hậu-tiến ở khắp Đông-Nam-Á.

Nhưng đã chậm tiến thì phải lo dần bước, từ bàn đạp hiện-tại hướng về các mục-tiêu tương-lai, chớ không thề lãng-vãng mãi ở những chân trời dĩ-vãng : về nguyên-tắc, cổ-học cần được tiếp-tục nghiên-cứu để phục-hưng những giá-trị tinh-thần mà nhiều dân-tộc bị ngoại-trị lâu năm đã lãng xa; song trong thực-tế, chỉ có thể được người thời nay quan-tâm, chừng nào tỏ được rằng có thể áp-dụng để giải-quyết những vấn-đề hiện-dại, như tôi đã có lần trình với quý-báo.



Tôi xin nhắc lại rằng tôi thông-cảm lắm về mọi sự khó khăn, và ngoài thỉnh-cầu của tôi, còn biết bao nhiêu đòi hỏi khác của chư-vị độc-giả, làm thế nào mà chiều ý hết được ?

Tuy-nhiên, đã là nguyện-vọng, thì xin cho phép ước mong nhiều : ước mặt trăng mà rồi nhân-loại cũng sắp được, hưởng chỉ những điều có thừa ở báo-chí nước ngoài, và cũng đã thấy ở ta, tuy còn ít. Tôi tin tưởng vào tương-lai tạp-chí Việt-Nam.

Kính thơ,

Đ. T.

★ Khi người dưới thấy người trên làm việc không ngừng, coi rẻ tiện-nghỉ, khinh-thường lợi lộc, không màng danh-giá ; khi người dưới biết người trên chỉ có một đam mê là đam mê làm cho công việc của tập-thể được chạy và lo toan hạnh-phúc cho người dưới, thì người dưới cũng sẽ thâm-nhiễm được đức-độ của người trên, họ sẽ không từ chối một công việc gì đối với kẻ họ đã biết là không hề vụ-lợi, vụ-danh.

Trái lệ chi

Vợ Đường-Minh-Hoàng là Dương-Qui-Phi hay ăn trái lệ chi; mỗi năm tỉnh Quảng-đông phải đem lệ chi về tiến. Do đấy, thi nhân nổi tiếng đời Đường là Đỗ-Mục có câu thơ rằng :

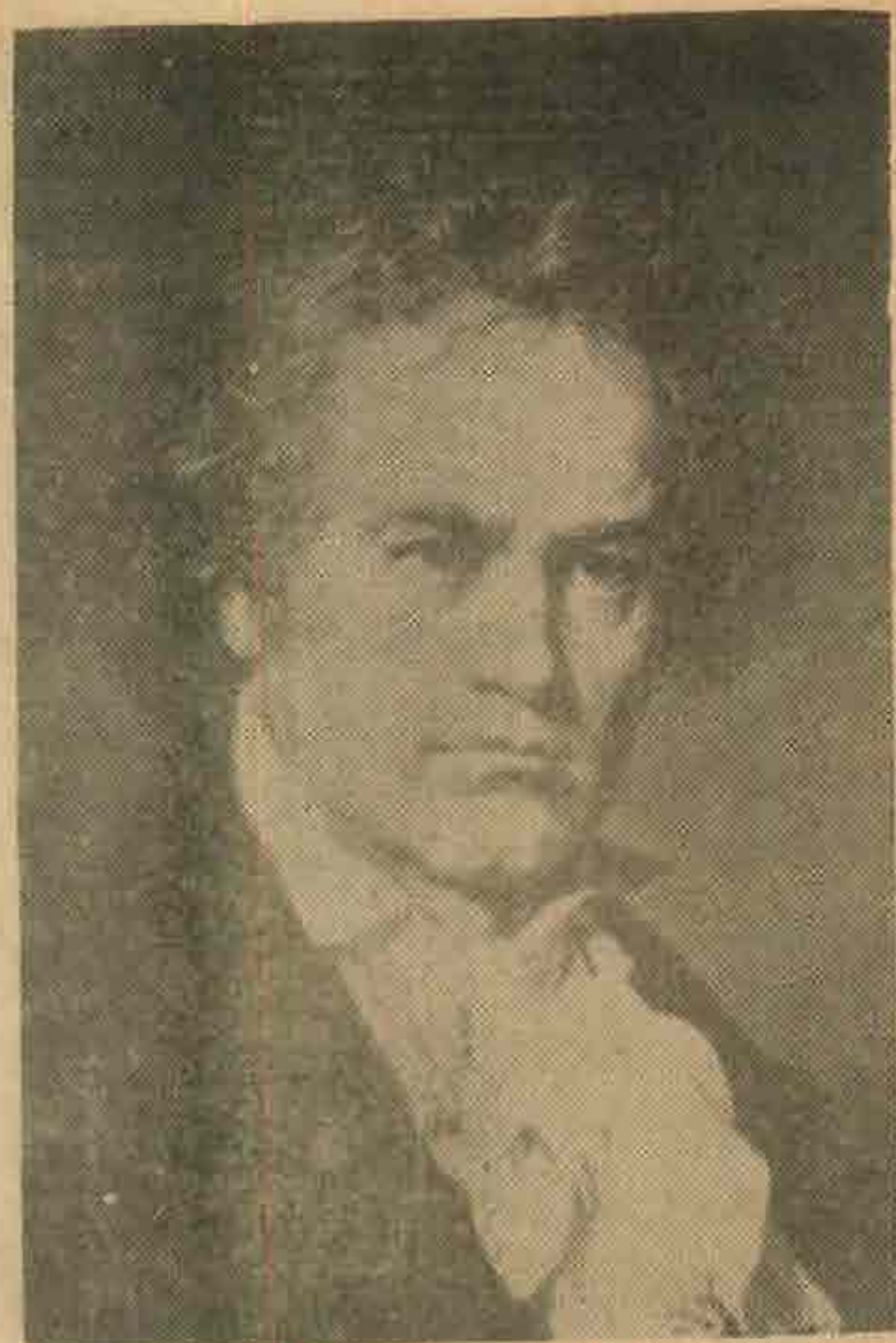
« Nhất kỳ hồng trần Phi tử tiếu,

Vô nhân tri thị lệ chi lai. »

(Thấy ngựa chạy cuốn bụi hồng mà Qui-phi cười,

Ai chẳng biết rằng đó là lệ chi đã tới.)

Và cũng do đấy trái vải, người Trung-hoa gọi là lệ chi, còn có một tên rất văn vẻ là : « Phi tử tiếu ».



Nhạc - sĩ BEETHOVEN

(BẾT - HỒ - FẦN)

V À

Giao-hưởng-khúc số 9

* TRAN-VĂN-KHE

Tiêu dẫn. — Trong bài này, chúng tôi không định viết về thân-thể của nhạc-sĩ Beethoven. Chúng tôi chỉ xem qua trong hoàn cảnh nào, nhạc - sĩ sáng - tác giao-hưởng-khúc số 9, sơ-lược phân-tách nhạc-phẩm ấy, và ghi lại vài cảm-tưởng của chúng tôi khi nghe bản nhạc ấy. Bạn đọc nào muốn biết rõ về tiểu-sử của nhạc-sĩ Beethoven, xin xem lại các quyển nhạc-sử. Nhưng để tiện cho các bạn đọc, chúng tôi nhắc qua vài điểm trong đời của nhạc-sĩ và định nghĩa danh-từ giao-hưởng-khúc. Trong khi phiên âm tên các nhạc-sĩ Đức, chúng tôi cố ghi lại giọng đọc của người Đức, vì vậy, các bạn đọc đừng lấy làm lạ, khi thấy chữ phiên-âm khác hẳn cách đọc của các bạn từ trước đến giờ, nếu các bạn đọc như người Pháp.

Nhạc-sĩ Ludwig Van Beethoven, (Ludơ-vích fãn Bết-hồ-fần), người nước Đức sanh tại thành Bonn năm 1770, Gia-đình

của nhạc-sĩ gốc gác tại tỉnh Brabant (Bờ-ra-băng) nước Bỉ.

Tuy chịu ảnh-hưởng của các nhạc-sĩ phái cổ-diễn như Johann Sebastian Bach (Yô - han Xê - bát - xian Ba-khơ), Joseph Haydn (Yô-zef Hai-đơn), Mozart (Mô-txa-tơ), nhạc-sĩ đã vượt ra ngoài khuôn-khò chật hẹp của nghệ-thuật cổ-diễn, và khai-mào cho lãng-mạn (romantique).

Mặc dầu mang bệnh điên từ năm 1796 (cho tới năm 1819 thì nhạc - sĩ không nghe được tí nào nữa) nhạc-sĩ vẫn sáng-tác dồi dào : 9 giao-hưởng-khúc (symphonies), 6 cạnh-tấu-khúc (concerto) cho đàn pi-a-nô và giàn nhạc, 17 tứ - tấu - khúc (quatuors), ca - kịch Fi-dê-li-ô (Fidelio) 39 mô-phạm-khúc (sonates) và nhiều biến-khúc (variations) tất cả trên 300 nhạc-phẩm.

Nhạc-sĩ từ trần năm 1837.

Giao-hưởng-khúc là gì ? Từ trước đến giờ, các nhạc - sĩ Việt - nam thường dùng danh-từ *hòa-tấu-khúc* để dịch chữ symphonie. Trong một cuộc đàm-đạo, tôi được biết rằng các nhạc-sĩ Trung-hoa dùng danh-từ *giao-hưởng-khúc*. Chúng tôi lại thấy rằng, chữ symphonie gốc là tiếng Hy-lạp, gồm có 2 phần : *sun* : cùng với nhau ; *phoné* : âm-thanh. Trong danh-từ *giao-hưởng-khúc*, chữ giao có nghĩa là qua lại, kết-hợp với nhau, và chữ hưởng có nghĩa là tiếng. Theo ý chúng tôi danh - từ giao-hưởng-khúc đi sát với chữ symphonie hơn danh-từ hòa-tấu-khúc. Danh-từ hòa-tấu-khúc có thể dùng để chỉ những nhạc-phẩm sáng-tác trong giai-đoạn giao-hưởng chưa thành hình (trước Hai-đơn và Bê-tô-fân).

Cũng như một mô-phạm-khúc (sonate), giao-hưởng-khúc có 4 phần :

- 1^o Vui, hoạt : Allegro
- 2^o Khoan diệu (Andante hoặc Adagio)
- 3^o Nhanh nhẹn (Scherzo hay Menuet)
- 4^o Chung khúc Finale

Một mô - phạm - khúc chỉ viết cho một hoặc hai nhạc-khí, trong một giao-hưởng-khúc, có chiết-phần cho các nhạc-khí của một giàn nhạc quân - huyển (orchestre symphonique).



Nhạc-sĩ Beethoven, một thiên-tài trong nhạc-giới đã sáng-tác rất nhiều nhạc-phẩm có giá-trị. Nhưng trong các loại, người đã xuất-sắc nhất trong loại giao-hưởng-khúc. Nhạc-sĩ thoát ra ngoài con đường mà các bậc tiền-bối như Joseph Haydn (Yô-zê Hai-đơn) và Mozart (Mô-txa-tơ) đã vạch sẵn, và sáng-tác các giao-hưởng-khúc với

nguồn hứng và phương-pháp mới, bắt đầu từ giao - hưởng - khúc số 3. Trong số 10 giao-hưởng-khúc của Beethoven (Bê-tô-fân) giao-hưởng-khúc số 10 viết chưa xong thì nhạc-sĩ đã từ-giã cõi đời. Giao-hưởng-khúc số 9 có thể gọi là giao-hưởng-khúc cuối-cùng của nhạc-sĩ, đã tiêu-biểu cho một nghệ-thuật già-dạn và phong-phú.

Nhạc-phẩm này, không những dài hơn các giao-hưởng-khúc kia, và có cả phần hợp-ca cuối cùng (Finale avec chœur) lại còn biểu-dương một tâm-trạng khác hẳn của nhạc-sĩ, không phải say mê hay hẩn-học, mà yêu đời và thơ-thới. Nhạc-sĩ bắt tay với cả nhân-loại, quên nỗi khổ riêng mình để ca tụng tình thân hữu đại-đồng. Nhưng từ lúc giao-hưởng-khúc số 8 ra đời (1812) đến lúc giao-hưởng-khúc số 9 hoàn-thành nhạc-sĩ không sáng-tác nhiều như trước.



Vì đâu đàn chẳng nên cung ?

Trước thì chỉ độ một đôi năm, có một giao-hưởng-khúc mới ra mắt công chúng : số 1 năm 1800, số 2 năm 1803, số 3 năm 1804, số 4 năm 1806, số 5 năm 1807, số 6 năm 1808, số 7 và số 8 năm 1812. Vì đâu từ năm 1812 đến năm 1824, nhạc-sĩ không những chẳng viết xong một giao-hưởng-khúc mới, mà cũng ít sáng-tác các loại khác ?

Năm 1812, danh tiếng Beethoven đã lẫy-lừng, hoàng-thân và vua chúa các nước đều cảm-phục tài nhạc-sĩ. Các hoàng-thân Lichbowsky (Li-sơ-bô-u-xơ-ki), Lobkowitz (Lốp-cô-vít-xơ) và Kinsky (Kin-xơ-ky) hàng năm giúp cho nhạc-sĩ số tiền 4.000 florins (phờ-lô-ranh). Theo lẽ thì nhạc-sĩ được rảnh trí, không bận vì đời sống hằng

ngày, có thể sáng-tác dồi dào hơn. Nhưng trong mấy năm từ 1812 đến 1814, nhạc-sĩ được dân-chúng yêu, chỉ nhờ mấy bài nhạc ái-quốc. Sau khi gót giày quân-đội Nã-phá-Luân đè nhất chà đạp các nước Áo, nước Prusse (Pơ-rút-xơ), Beethoven gởi lòng phấn-uất chống xâm-lãng trong những bản nhạc hùng như hợp-ca « Đức-quốc tái sinh » (*Germanias Wiedergeburt*), « Phút huy hoàng » (*Der Grosse Augenblick*).

Nhạc-sĩ không sáng-tác dồi dào như trước, một phần chỉ vì bệnh điếc ngày càng thêm nặng, nhất là vì cảnh gia-đình rắc rối và từ năm 1814 trở đi bận rộn vì tiền nong.



Thay em nuôi cháu nên người

Trong tờ chúc-ngôn ngày 14 tháng 11 năm 1815, em út của nhạc-sĩ, ông Karl Beethoven (Cạc-lơ Bết-hô-făn) mong rằng sau khi mình quá vãng, tương-lai của đứa con ông — cùng tên Cạc-lơ — được bác lo giùm. Nhưng cũng với nhạc-sĩ, bà góa-phụ của Cạc-lơ nhũ-danh là Johanna Reiss (Yô-han-na Rai-xơ, — con gái một thương-gia tại thành Vienne (Viên) cũng được quyền bảo-trợ đứa bé mồ-côi. Nhưng bà ấy tánh tình không đứng đắn, không màng sự giáo-dục cho con, nên nhạc-sĩ Bết-hô-făn, sau khi em lâm chung ngày 15 tháng 11 năm 1815, ra Tòa xin bỏ quyền bảo trợ của bà do tờ chúc-ngôn đặt ra. Tòa xử nhạc-sĩ được kiện ngày mồng 9 tháng Giêng năm 1816 và kể từ đó, nhạc-sĩ Bết-hô-făn trọn quyền định-đoạt về sự giáo-dục đứa cháu mồ-côi. Trọn quyền định-đoạt, nhưng

cũng phải một mình lo châu-cấp cho cậu Cạc-lơ. Trong lúc em nhạc-sĩ đau, người đã tốn rất nhiều tiền để chạy thuốc men (1), nay lại còn phải lo nuôi cháu ăn học để nên người. Đã vậy, nhạc-sĩ còn phải đối phó với bà em dâu trong khi bà này tìm đủ mưu mô để bắt lại đứa con của bà. Nhiều lúc bà đã khuyên con trốn ra khỏi trường để về ở với bà, mà bà thì chỉ ham vui chơi chẳng thiết gì đến sự giáo-dục của con. (2) Cậu Cạc-lơ lại lêu-lồng chơi bời, ham mê cờ bạc, thích đánh billards (bi-a), học hành chềnh mảng, từng học môn thương-mãi tại trường Bách-Khoa, mà thi hoài không đỗ, đến thất chí, mua súng lục định tự-tử, luôn luôn làm bận lòng bác.

Nhạc-sĩ vừa tốn tiền, vừa mất thì giờ quý báu để lo cho cậu Cạc-lơ ăn học hầu sau này có được một địa-vị khả quan trong xã-hội. Người không bao giờ phiền hà cháu và rất sung-sướng được chăm nom đứa « con cưng » như người thương bảo. Mà nhạc-sĩ nào phải giàu có chi ? Vì thương em, thương cháu, nên không kể thì giờ và không tiếc tiền bạc. Lắm lúc, nhạc-sĩ phải sáng-tác theo ý muốn của những nhà xuất-bản để có chút ít tiền. Trong một tập ghi cầm-tướng, nhạc-sĩ có viết : « Mô-phạm khúc số 106 (*Sonate Op. 106*), sáng-tác trong trường-hợp cấp bách. Không gì khò

(1) Theo quyển *Notice sur Beethoven* (Tiểu-dẫn về Bết-hô-făn) của Ries, bản dịch của Legentil. Trong một bức thư nhạc-sĩ gửi cho ông Ries, người cho biết đã tốn trên 10.000 phơ-lô-rauh trong lúc chạy thuốc men cho em.

(2) Theo ông J. G. Prod'homme thì có một hôm nhạc-sĩ bắt gặp em dâu của ông có những cử-chỉ không chính-dáng với cậu Cạc-lơ tức là con ruột của bà !

bằng phải làm việc dễ sanh nhai ». Đến năm 1823, trong lúc nhạc-sĩ định viết Giao-hưởng-khúc số 9, thì phải ngưng cả công việc lại để viết những biến-khúc số 120 (Variations Op. 120) theo nhạc-đề do nhà xuất-bản và soạn nhạc Đì-a-bê-li (Diabelli) đưa ra.



Nhưng, bỗng đâu sóng gió bất kỳ

Cách gia-đình đã rắc-rối, cuộc sống đã bấp bênh, bao nhiêu chuyện không may lại xảy đến dập-dồn. Nhưng « Mạnh thường Quân trước thường giúp tiền cho nhạc-sĩ, rủ nhau cỡi hạc chầu trời : Lichnowsky (Li-sơ-nô-xơ-ki), năm 1814 và Lobkowitz (Lố-b-cô-vít-xơ) năm 1816. Thế là đi đời số tiền 600 phờ-lô-ranh mà nhạc-sĩ lãnh hằng năm. Năm 1812, Hoàng-thân Kinsky (Kin-xơ-ki) qua đời, trong di-chức có để lại cho nhạc-sĩ một số tiền mà con cháu của người quá vãng không chịu giao cho nhạc-sĩ, đến đời phải dợt tòa ở Pờ-ra-ha (Prague, kinh - đô nước Tiệp) tuyên án ngày 18 tháng Giêng năm 1814 cho phép nhạc-sĩ thừa hưởng 2479 phờ-lô-ranh. Hết kiện nọ đến kiện kia, mấy phen ra trước tụng-đình. Nhạc-sĩ có sáng-tác một nhạc-phẩm theo đề-tài của ông Maelzel (Mạnh tzel). Ông này lại tuyên-bố rằng đề-tài và nhạc của ông ta cả. Nội vụ đưa ra trước Tòa thành Viên (Vienne). Maelzel luôn luôn vắng mặt và người đại-diện của ông ta tìm cách kéo dài vụ kiện đến nhạc-sĩ phải bực mình.

Những chuyện rắc rối trong gia-đình, mấy lúc túng bấn và các vụ kiện cáo lôi

thôi làm cho nhạc-sĩ không viết xong giao-hưởng-khúc số 9, trong thời hạn định trước. Nhưng lúc ấy, lòng nhạc-sĩ không bận vì tình-ái như lúc viết giao-hưởng khúc số 2 (1803) lúc nhạc-sĩ say mê nàng Giulietta Guicciardi (Gi-u-lê-ta : Guy-si-ac-di), hay lúc viết giao-hưởng-khúc số 4 (1806) khi nhạc-sĩ mới đính hôn cùng cô Thérèse de Brunswick (Tê-rê-zơ-dơ Bờ-rung-xơ-vích), không bỗng, như khi biết cô Elizabeth Prentano (Ê-li-za-bét - Bờ-ren-ta-nô) (Giao hưởng khúc số 7 năm 1812) hay cô Amalie Sebald (A-ma-li-Xê-ban-đơ) (giao-hưởng-khúc số 8, năm 1812). Lòng nhạc-sĩ không còn hân học vì bệnh điên (1), mà đã lãng đi. Nhạc-sĩ đã tìm được sự an-ủi trong cảnh vật thiên-nhiên (2) (giao-hưởng-khúc số 6), trong tình phụ-tử mà Beethoven đã trút cho đứa cháu mồ côi. Nhạc-sĩ thấy yêu đời lại sau những cơn đau khổ và trong đoạn cuối của giao-hưởng-khúc số 9, mấy lời thơ ca ngợi tình thân-hữu đại-dồng của thi-sĩ Schiller vang dậy. Nhạc-sĩ Beethoven bắt tay với nhân-loại.

(còn tiếp)

TRẦN-VĂN-KHÊ

(1) Xem quyển «Notice» của Ries và Wegeler trang 66, 67. Ngày mùng 2 tháng 5 năm 1810. Beethoven có viết cho Wegeler : « Tôi rất sung sướng, có lẽ tôi sẽ là người sung sướng nhất đời, nếu bệnh điên yêu quái không ở mãi trong tôi. »

(2) Trong một bức thư gửi cho cô Teresa Malfatti (Tê-rê-xa - Mah-fát-ti) Beethoven có viết : « Tôi lấy làm sung sướng khi tôi được đi dạo trong rừng giữa cỏ cây. Không ai có thể thích đồng quê hơn tôi. »

Xem tập thơ của Beethoven do ông Nohl sưu-tầm, tr. 65.

THUẦN-PHONG

VỀ hay là PHÚ BÌNH-DÂN

L.T.S. Sau bài Về của Ông Nguyễn-Văn-Hầu trên Bách-Khoa số 69, ngày 15-11-1959, Ông Thuần-Phong, một bạn văn quen thuộc, có gửi tiếp đến cho chúng tôi bài sau đây, để giúp bạn đọc Bách-Khoa thêm một số tài liệu về loại « phú bình-dân » này.

Nói đến về tức nhiên, trước hơn hết, người ta thoát nghĩ đến một loại bài hát nhi-dồng, những bài hát của trẻ em đọc lên, trong khi cùng nhau chơi giỡn, dưới ánh trăng đêm, trước sân nhà, hay trong sân lúa.

Đó là những bài văn vần rất ngắn, có bài thuần là bài tập nói và tập nhớ, như bài ở cuối quận đánh đũa :

Qua cầu
Hầu thê,
Bê bàng,
Sang ngón,
Chọn tay,
Ngày giờ,
Giờ gì,

Giờ già,
Áo mi,
Ý mao,
Chị Ba mầy,
Chị Tư tao,
Rủ với nhau,
Đi qua cầu,
Té xuống ao,
Nhào xuống vũng,
Nghe cái tùm,
Núm cái thê,
Nè cái thum,
Sang tay này,
Chuyển tay kia,

(Đánh thê)

Bài về Các thứ rau là một bài trong
loại bài học từ-ngữ, và vận-vật :

Nghe về nghe về,
Nghe về các rau :
Thứ ở hỏn-hào
Là rau ngành-ngạnh ;
Trong lòng không tánh,
Vốn thiệt tâm lang ;
Đất rộng bờ ngang,
Là rau muống biền ;
Quan đời thấy kiện,
Bình-bát nấu canh ;
Ăn hơi tanh tanh,
Là rau bắp cá ;
Có cha không mẹ,
Rau má mọc bờ :
Thò tay sợ dơ,
Nó là rau nhót,
Rau cay như ớt,
Vốn thiệt rau rằm ;
Sống trước ngàn năm,
Là rau vạn thọ ;
Tánh hay sợ nợ,
Vốn thiệt rau co.
Làng hiếp chẳng cho,
Nó là rau húng ;
Lên chùa mà cúng,
Vốn thiệt hành hương ;
Glục ngựa buồng cương,
Là rau mã-đề.

(Về các thứ rau)

Còn bài dưới đây có tánh-cách ngô-nghe
vui về cũng như những câu đồng dao :

Dung-dăng dung dè,
Dắt trẻ đi chơi,
Đến ngõ nhà trời,
Lạy cậu lạy mợ,

Cho cháu về quê,
Cho dê đi học,
Cho cóc ở nhà,
Cho gà nấu bếp,
Sì sà sì sụp.

Có những bài về ngẩn, đùa hơi cho trẻ
con trong lúc chơi giỡn tập-thề, như :

Ông đi qua,
Bà đi lại,
Chợ nhần hồng,
Chồng bông lên !

Đó là bài trẻ em nói lên trong khi tập
bước cao qua hai tay nắm lại. Còn khi cút-
bắt thì chúng lại nói :

Chặt cây dừa,
Chừa cây mõng,
Cây tầm phồng,
Cây mía lau,
Cây nào cao ?
Cây nào thấp ?
Cây mía dấp,
U hồn con chạy !

(Cút-bắt)

Đến khi chỉ-định đũa kiếm những đũa
trốn, các em nói bài :

Nước đồ lá khoai,
Mười hai chong chóng,
Đũa bện áo trắng,
Đũa bện áo đen,
Đũa xách lông đèn,
Đũa cầm ống thụt,
Đũa thụt một hơi,
Tút !

(Trốn Kiếm)

Đó là một ít bài về đề vừa chơi, vừa học, học những điều phổ-thông theo tuổi của trẻ em. Lại còn có bài về học chữ nho nữa :

Oa là con ếch, nó nhảy ra chơi.
Chúc là cây đuốc soi vào thấy nó.
Thủ là tay bắt bỏ vào xời (1).
Mẫu là mẹ ngồi xoir tất cả!
Tử là con ngồi khóc hu hu!
Mỗi người một hư chỉ vì con ếch.

(Về ăn ếch)

Bài về này vui hơn bài về Tam-Thiên-Tự của nhà nho đặt cho trẻ em học vỡ lòng :

Thiên, trời,
Địa, đất,
Thất, mất,
Tồn, còn,
Tử, con,
Tôn, cháu,
Lục, sáu,
Tam, ba,
Gia, nhà,
Quốc, nước...

Trong những bài về nhắc lại trên đây, người ta nhận thấy một đặc-diểm là sự *thống-nhứt dân-tộc*. Sự thống-nhứt ấy còn biểu-hiện rõ-rệt hơn nữa trong những bài về của người lớn đặt ra, trong công-dụng của về khắp ba phân-bộ của xứ sở.

Thật vậy, nhân-dân đã biết công-dụng hiệu-lực của về, biết rằng "trong một nước không có trường học, không có sách báo, nhân-dân phải tìm lấy sáng-kiến để sinh-tồn và tăng-tiến, phải tự ý bày ra

phương-tiện học-tập và tuyên-truyền" (1), họ đặt về đề phổ-biến kinh-nghiệm làm việc, đề giáo-hóa lẫn nhau, đề hoạt-động chánh-trị : về, chẳng khác ca-dao, là bài học không chữ, là bài báo bằng lời, là trường học và là khí-cụ tranh-dấu của bình-dân. Cho nên người ta không lấy làm lạ sao ở miền Bắc có bài về dạy đánh chèo (2) :

Về về về
Hay nghe về
Anh đánh chèo
Đan phải nạo
Sau khi ngâm
Lại chớ nhầm
Dùng đay tía
Nhiều mẫu khía
Chèo không tròn
Lại hay đòn
Chọn đay trắng
Dóng dày thẳng
Dai và bền
Rắn mà mềm
Tay phải khỏe
Căng chạc tẻ
Chèo thẳng bằng
Đánh phẳng phẳng
Vặn cho chặt
Rút cho thật
Chèo nhẵn trơn
Kéo tốt hơn
Lại không tỏ
Dăm nước vô
Dăm nước nâu
Chèo sẵn lâu
Tha hồ tốt (3).

(1) Thuần-Phong, Giảng Văn Đệ Tam, tr. 29, Á-Châu xb, 1958.

(2) Chèo : đây lược.

(3) Hoàng-Công-Khanh, Trại Tân-Bồi, tr. 127, Vở Đất xb, 1958.

(1).— Xoir : cái lờ.

Còn trong Nam có bài Về Gái hư,
mục-dịch giáo-dục :

Đầu hôm ngủ tới canh tư,
Còn nằm mà ngủ, muỗi thì nó cắn đư
cả vùa.

Canh năm thì động trống chùa.
Còn nằm mà ngủ, chúng lùa một bên.
Ngủ thì quên tuổi quên tên,
Ngủ cho mặt trời mọc đã lên ba sào.
Sáng ra dãi đũa hàng rào,
Còn đương ngáy ngủ té nhào trong gai.
Quét nhà long một long hai,
Con mắt đảo-dắt thấy trai ngó chừng.
Bày ra cất áo cất quần,
Cất không kích tắc nhấc chừng cất
ngang.

Vải thời một tắc một quan,
Cất thời khoét lỗ khoét hang đâu còn.
Bày ra bánh cứt bánh hòn,
Nắn bằng chiếc đũa, hấp còn bột không.
Sáng ra đi cấy vắn công,
Cấy thừa cấy nời đi không về rồi.
Bày ra nấu vớt cháo bồi,
Cháo không có xác ắn rồi nhả ra.
Từ nay cho tới hăm ba,
Cậy mai tới nói người ta không thềm.
Chị em thấy vậy nói gièm,
Nấu canh chua tợ như hèm khó ắn.

Làm bộ liu-lăng,
Bánh bò bánh thuẫn,
Làm không mi-mừng,
Lớp trọc lớp đen,
Sang qua bánh men,
Thiệt là chai ngắt,
Làm bộ ngoe-ngoắc,
Đi hấp bánh gừng,
Quạt lửa phùng phùng,
Mặt vàng như nghệ,
Uồng công bốn bề

Học lúc vắn-minh.
Nghĩ lại phận mình
Thiệt là thừa thớt.

Lúa gạo đồ lão-thào lọt thọt,
Trong bếp gà bươi té bẹ tanh bành.
Vá không ngay đường chỉ đường canh,
Nấu không biết món chua, món mặn,
Cha mẹ nói : « Mấy này mặn mặn »
Chị em than thở lại ngừng quần
Đi chợ bánh trái mua xằng,
Thịt cá quên sau quên trước.
Đi đám mang giày thậm thọt,
Bỏ ra hề làm việc bánh quay.
Việc đứng đường để nó làm thầy,
Việc khôn khéo hai tay dính mỡ.
Nghĩ phận mình sao không mất cỡ ?

Ở Trung, bình-dân đặt Về Khâm-sai đề
bài - xích bọn quan của Nam - Triều vào
Quảng-nam cần quét quân kháng-chiến, bấy
giờ gọi là Nghĩa-Hội :

Lẳng lẳng mà nghe,
Cát vè Sai đạo.
Danh vị trấp bảo,
Vụ dĩ an dân,
Khâm-sai đại-thần,
Kéo vô Đà-nẵng,
Tướng quân đều sẵn,
Tán-lý tán-tương ;
Chú Bang chú Thương,
Chú Đề chú Lãnh ;
Quân ròng tướng mạnh,
Các đội các cơ ;
Đánh trống mở cờ,
Kéo vô tỉnh cũ ;
Phân quân vừa đủ,
Phát vãng thượng du ;
Thác-cá Rập-cu,
Đội đường tấn liệu ;
Nhứt thời phương liệu.

VỀ HAY LÀ PHÚ BÌNH-DÂN

Vấn miếu đồn binh ;
 Ai thấy cũng kinh,
 Gọi Khâm-sai giỏi ;
 Kêu dân tới hỏi,
 Rằng nghĩa đã tàn ;
 Hạnh hoặc tương an,
 Thị vì thanh sự ;
 Sau lên Phong-tử,
 Nghĩa đồng tứ vị ;
 May chăng hề chi,
 Nhờ ba chú Pháp.
 Thâu qua Yên-giáp,
 Trở lại La-thành ;
 Từ ấy thất kinh,
 Và làm và sợ ;
 Tướng chi ; tướng dở,
 Vị luyện quân tinh,
 Chẳng có tây binh,
 E không khỏi chết.
 Chước chi cũng hết,
 Năm ngoài năm nít,
 Làm chẳng ra chi,
 Lại thêm ấn bẩy ;
 Lũ quân đi lấy,
 Các tướng về chia.
 Thôi đã tràn đìa,
 Cái chi chẳng rách ;
 Cái quần đã rách,
 Cái áo tả-tơi ;
 Cũng giành mà quơ,
 Huống chi cái khố ?
 Kể thì dào mả,
 Người lại phá nhà ;
 Nhưng chó những gà,
 Nhưng heo những vịt,
 Bớt mà ăn thịt,
 Lại bán lấy tiền,
 Đem về Thừa-thiên,
 Nghĩa, Bình, Quảng-trị,
 Thậm vì khả bi,
 Quân lệnh Khâm-sai !
 Thiên hạ ai ai,

Chớ tin mà mắc,
 Thác từ đánh giặc,
 Hại ngả bình dân,
 Thiên địa quí thần,
 Nguyên kỳ chiếu giám,
 Nói càng thêm thắm,
 Chẳng biết làm sao.
 Hiệu lệnh đường nào,
 Quân gia đến thế ?
 Hà mưu hà kế,
 Hà lực hà tư !
 Vội những đồ hư,
 Đề đi ăn giết.
 Bọn nào đặc lực :
 Tấn trật thăng quan,
 Lớn bé một đoàn,
 Vô sở bất chí.
 Nhon dân nghị nghị,
 Thùy lạc chi từng
 Sự thế như cùng,
 Quảng-nam ở lỗ.
 Trời làm chi khờ,
 Thất đảo bát điên !
 Nói lắm cũng phiền,
 Như tư nhi dĩ.
 Nghĩa hội đồng kỳ... (1)

Tiêu-biểu sự thống nhất xứ sở đặc-biệt hơn hết là bài Về con cua, được phổ-biến từ Nam chí Bắc :

Thú quí mặc thú,
 Đời những muôn đời ;
 Có một người hừng chí lộng khơi
 Dòng thi lễ tánh Trương Thủ-Chỉ,
 Lòng kim thạch chẳng ham phú quí
 Tiết ngọc lành ý muốn thanh nhàn,
 Noi Thái - Công đạo chốn thạch bàn,
 Học Khương-Tử đối miền thiên-trạch...

(Về con cua, trích)

THUẦN - PHONG

(1) Nguyên của thông - phán Phan - Tấn ở Quảng-nam chép cho.

(Lời chú của P. Trương-Vĩnh-Ký)

Tiếng chuông báo nguy trong làng biển-khảo :

NHÂN ĐỌC « SANDOR PETÖFI, LINH HỒN CỦA HAI CUỘC CÁCH-MẠNG »

★ — PHẠM-CÔNG-THIỆN

NGÀY trước, vào những lúc nhàn-tản, tôi thường lấy thơ của Petöfi ra đọc để nuôi-dưỡng tâm-hồn. Petöfi là nhà thơ vĩ-dại nhất của Hung-gia-lợi ở thế-kỷ XIX ; ông chỉ sống có 26 năm mà cũng được liệt vào hàng những nhà thơ trứ-tình danh tiếng của nhân-loại.

Thơ ông nhẹ-nhàng, giản-dị, có nhiều màu sắc rất độc-đáo, nhiều hình ảnh cực đẹp. Trước khi xảy ra cuộc Đại hồi - sinh của dân - tộc Hung năm 1848, Petöfi thường làm những bài thơ cực kỳ ủy-mị (như bài *Ma chérie m'a bien blessé*, bài *Tu aimes le printemps* chẳng hạn), đôi lúc ta cũng đọc được nhiều bài chứa-chan tình-cảm trong sạch, lâng-lâng (chẳng hạn như bài *Dans mon pays natal*, bài *De loin*).

Ông thường mơ-mộng viễn-vông, trốn xa thật tại ; có lúc ông lại muốn làm chim để bay mãi trên mây ! (bài *Les Nuages*).

Mơ-mộng là thế, ủy-mị là thế, nhưng đến lúc toàn - dân cần ông, ông lại cách-mạng hơn ai hết. Thơ ông lại trở nên hùng tráng, phấn-nộ, có ma-lực « lôi » người ta

vùng dậy để tranh-dấu đến cùng (chẳng hạn như bài *Debout, Hongrois*, bài *L'Europe est silencieuse*, bài *Les Poètes du XIXe siècle*, bài *Une pensée me tourmente...*). Cũng như một C. Péguy hay một Korner, ông đã tử-trận trong khi tranh-dấu giành Tự-do và Vinh-Quang cho dân-tộc. Bởi thế, tôi yêu Petöfi vô-cùng. Yêu người thì muốn tìm hiểu người : hể nào được tài-liệu gì về Petöfi, là tôi mừng khôn tả.

Mới đây, trong tạp-chí Sinh-Lực tháng 10 năm 1959, tôi tìm thấy một thiên cáo-luận về Petöfi. Tôi có mỹ-cảm ngay với người viết thiên cáo-luận ấy ; tôi thăm cảm-ơn tác-giả đã cho tôi thêm một dịp tìm hiểu kỹ Petöfi.

Tác-giả bài cáo-luận ấy là ông Lê-Thành-Nh. ; tôi đã từng biết tên ông qua những bài cáo-luận đăng ở *Giáo-Dục Phổ-Thông* như *Trường-hợp Baudelaire* (G.D.P.T. số 41 ngày 1-7-59) *Vấn-đề Thượng-đế trong văn-học sử Pháp* (G.D.P.T. số 45 ngày 1-9-59), *André Gide, người con hoang của thời-đại* (G.D.P.T.

số 48 ngày 15-10-59). Tôi đã cố gắng đọc kỹ những bài cáo-luận ấy và đương có ý-dịnh viết vài bài góp ý-kiến cùng ông, thì tôi lại được gặp tên ông một lần nữa qua bài Petöfi trên tạp-chí *Sinh-Lực*. Tôi hi-vọng lần này sẽ được đọc một thiên cáo-luận hoàn-toàn của ông.

Đọc xong rồi, tôi cảm thấy vừa vui vừa buồn. Vui vì ông Lê-Thành-Nh. đã chịu khó viết một bài về Petöfi để tôi có dịp đọc lại một lần nữa; buồn vì bài cáo-luận ấy có nhiều khuyết-diểm quá, thành ra tôi mất nhiều thích-thú để theo dõi cuộc đời ly-kỳ của Petöfi.

Hình như ông Lê-Thành-Nh. giống tôi ở chỗ: yêu Petöfi đến cực-độ. Bởi yêu quá nên đôi lúc thành... « mù quáng » chẳng (« But love is blind and lovers cannot see the pretty follies that themselves commit ! » Shakespeare)

Tôi xin lần-lượt góp những ý-kiến sau đây cùng ông trên tinh-thần trao đổi, học hỏi với nhau.

Đề mào đầu thiên cáo-luận, ông viết: « Trên một khoảng đất rộng nằm cuối bờ sông Danube ở Corse thuộc thành-phố Budapest » (trang 9). Tôi không hiểu ông muốn nói gì, có lẽ ông nhầm chẳng: sông Danube ở đảo Corse, quê-hương của Napoléon, mà lại thuộc thành-phố Budapest? Ở Corse có sông Danube ư? Có lẽ ông nhầm danh-từ riêng « Danube le Corso ».

Sau đó vài dòng, ông có dịch mấy câu thơ của Petöfi, ông dịch mà không trích nguyên-văn (hoặc bản dịch tiếng Pháp) để kèm theo:

*Hãy đứng dậy, hỡi những người
Hung-gia-lợi*

*Tò-quốc đang kêu gọi chúng ta
Chúng ta muốn nô-lệ hay muốn tự-do
Đó là số phận chúng ta cần phải chọn
lấy*

Theo tôi hiểu thì Petöfi viết những câu trên như vậy:

*Debout, Hongrois, la patrie nous appelle.
C'est l'heure à présent ou jamais.
Soyons esclaves, Soyons libres,
Voici le sort qu'il faut choisir*

(Maurice Croizard dịch)

hay là:

*La patrie vous appelle, debout Hongrois
Maintenant ou jamais, vous avez le choix
Vivons nous esclaves, ou dans la
liberté?*

C'est aujourd'hui que cela sera décidé.

(E. Benzeze dịch)

Ông Lê-Thành-Nh. đã bỏ quên câu « c'est l'heure à présent ou jamais » hay « Maintenant ou jamais... c'est aujourd'hui... ». Sở-dĩ có nạn « tam sao thất bản » là thế! (có người nói với tôi rằng có lẽ ông dịch câu ấy không được. Trách như vậy ư nghiêm-khắc quá chẳng?).

Ông viết tiếp theo: « Những văn thơ của thi-sĩ có thể đặt ngang hàng với những công-trình sáng-tạo của một Victor Hugo hay một Rouget de Lisle » (trang 9). Câu văn cũng hơi tối, có lẽ ông muốn nói *Leconte de Lisle* thay vì *Rouget de Lisle*? *Leconte de Lisle* là thi-sĩ của Pháp ở thế-kỷ XIX ai cũng biết tiếng. Còn *Rouget*

de Lisle không có làm thơ, chỉ là tác-giả bài quốc ca Pháp *La Marseillaise*. Như thế đâu thể nói : « những vần thơ của thi-sĩ có thể đặt ngang-hàng với những công-trình sáng-tạo của... một Rouget de Lisle » ! Ông lại viết : « Trước mắt họ chỉ có một Petöfi làm bằng đồng đen » (trang 9) ; ở trên câu này chừng một đoạn, ông viết : « một bức tượng đúc bằng đồng đỏ » ! Từ « bức tượng bằng đồng đỏ » biến thành « bức tượng bằng đồng đen », kẻ cũng lạ ! Chỉ một bức tượng mà đã thay đổi chất hai lần. Qua trang 10, ông viết : « Nhà in Quốc-gia giành giựt mua cho được những vần thơ của thi-sĩ để cho kịp in và phát-hành ra trong ngày. Gặp dịp, thi-sĩ không quên đưa ra những yêu sách khó khăn » Ông thực đã nhầm lẫn to lắm.

Không có. « nhà in quốc-gia nào giành giựt mua cho được những vần thơ của thi-sĩ. Gặp dịp, thi-sĩ không quên đưa ra những yêu sách khó khăn ! » Xin ông trưng dẫn tài-liệu cho tôi rõ. Vô-tình ông đã « nhục mạ » Petöfi, một chân thi-sĩ như Petöfi đâu có bắt chẹt ai như vậy ! Tôi có đọc kỹ tiểu-sử của Petöfi trong khá nhiều sách mà không thấy nói thế. Tôi nhờ ông minh-giải cho tôi hiểu ông đã căn-cứ vào tài-liệu nào mà « vô-đoán » như vậy ? Ông viết tiếp : « Trong một câu chuyện, một người bạn thường nói đùa với Petöfi : Sandor, mày là người Hung-gia-lợi, chứ không phải dân Magyare (một thứ dân mọi rợ ở Đức lúc bấy giờ) đâu » (trang 10).

Sự thật, Petöfi là người Slovaque (ở Tiệp-khắc), ông tự nhận là dân Hung-gia-lợi, chứ ông không có dòng máu chính-thống của dân Hung. Câu « mày là Hung-

gia-lợi, chứ không phải dân Magyare ». Ông muốn... « khôi-hài » chăng ? Có lẽ ông Lê - Thành - Nh. không hiểu chữ *Magyar* (chứ không phải *Magyare*). Dân *Magyar* nghĩa là dân Hung-gia-lợi. Dân Hung gọi nước họ là *Magyarország* (nghĩa là « tổ-quốc của dân Magyar »). Một lần nữa, ông Nh. lại vô-tình nhục mạ nhân-dân Hung-gia-lợi một cách rất nặng nề (ông viết : « dân Magyar là một thứ dân mọi rợ ở Đức lúc bấy giờ » nghĩa là « dân Hung là một thứ dân mọi rợ ở Đức lúc bấy giờ » !!!).

Ông lại viết tiếp :

« Cậu bắt đầu ham đọc truyện. Quyền truyện đầu tiên là quyền « Cicéron », tiếp theo Sandor học thêm về Pháp-ngữ ».

Không có quyền sách nào là quyền « Cicéron » cả ! Cicéron là một trong những nhà đại hùng-biến của La-mã, chứ không phải nhan-đề của một quyền sách ! Hình như ông Nh. dịch sai câu : « il lit Cicéron ». Câu này có nghĩa là « Petöfi đọc sách của tác-giả Cicéron » chứ không phải « Petöfi đọc quyền sách nhan-đề là Cicéron » !

Sang trang 11, người ta đọc : « Bước sang ranh giới mới, ông không còn thích đọc « Cicéron » nữa mà chuyển sang đọc « l'Art d'aimer » của Ovide. Ông bắt đầu mơ, mơ đến một người tình giống như nhân-vật Emilie trong tác-phẩm ». Lại sai nữa. Tác-phẩm nào ? Nhân-vật Emilie ở đâu ? Petöfi yêu Emilie ; nàng là một người thật có xương có thịt, con gái của một mục-sư, chứ không phải nhân-vật trong tác-phẩm.

Cũng ở trang 11, người ta đọc : « Vienne cũng gần giống như Hung-gia-lợi thế mà

lại xuất-nhập-cảng nhiều gây thành một thị-trường tiêu-thụ rất mạnh của thế-giới trong thời bấy giờ ». Tôi không hiểu ông Nh. muốn nói gì ? « Vienne cũng gần giống như Hung - gia - lợi » mà giống cái gì ? Giống ở chỗ bị nô-lệ Áo ư ?

Ở trang 13, « Ignace Szendrey, người kế-vị bá-tước danh-tiếng Karolyi », Ignace Szendrey không phải là người kế - vị bá-tước Karolyi ! Ông căn-cứ vào đâu đây ? « Ở đó chiều nào cũng có một nhóm người tụ họp để bàn cãi về lịch - sử dòng họ Girondins ». Ai có học lịch - sử Pháp lại

không hiểu Girondins là một chính-dảng thời cách-mạng ở Pháp ! (Sao lại gọi là « dòng họ » ?) Cũng ở trang 14, ông viết sai như sau « Một chính-phủ độc-lập đầu-tiên của người Hung-gia-lợi ra đời, nhưng hình - thức đế - chế vẫn còn tồn - tại. Vị hoàng-đế trẻ tuổi François-Joseph lên trị vì thay-thế vua Ferdinand... François-Joseph ngần-ngại không dám dùng chính-sách cai trị như cũ, v.v... » Ferdinand và François-Joseph là hoàng - đế của Áo ; nhân - dân Hung-gia-lợi không nhận là hoàng-đế của họ ! (mặc dù Hung-gia-lợi là thuộc-địa của Áo).

Ngoài ra, ông Nh. còn vướng nhiều lỗi lầm đáng-tiếc khác. Bài cáo-luận gồm 7 trang, trang nào cũng có lỗi. Mà lỗi lớn nhất là... ông Lê-Thành-Nh. đã dịch trọn bài của một tạp-chí Pháp mà — vô-linh hoặc hữu-ý quên đề xuất-xứ... tôi xin minh-chứng vài ba đoạn thôi :

Nguyên-văn chữ Pháp
của MAURICE CROIZARD :

Sur la petite place oblongue qui termine au bord du Danube le Corso de Budapest, dix mille étudiants scandent un hymne qui est la *Marseillaise* hongroise..

Au milieu de la place, au milieu d'eux, se dresse, sur son socle de pierre, la statue de bronze de Sandor Petöfi, l'auteur de ces vers, qui est à la fois le Victor Hugo et le Rouget de l'Isle hongrois. C'est le 23 Octobre 1956. Il est 17 heures. Quelques jours plus tard, tout Budapest est dans la rue. Le président Geroe fait appel aux chars Soviétiques. Pendant les jours dramatiques de Novembre, la statue de la place Petöfi sera le point de ralliement des insurgés et l'homme qu'elle représente, le symbole même de la révolte historique du peuple hongrois contre la tyrannie.

Thiên Cáo-luận
của Ông LÊ-THÀNH-NH. :

Trên một khoảng đất rộng nằm cuối bờ sông Danube ở Corse (sic) thuộc thành-phố Budapest, mười ngàn sinh-viên tụ họp đồng đảo và cùng cất giọng đồng-ca một bản hát với một giọng hùng-hồn cương-quyết. Đó là bản quốc-ca Hung-gia-lợi, hay nói một cách văn-chương hơn, đó là bản *Marseillaise* của dân-tộc Hung... Giữa khoảng đất rộng đó, giữa đám người nồng-nhiệt đó, một bức tượng đúc bằng đồng đỏ đặt trên một bực đá cao, nổi hẳn lên và in đậm trên nền trời trong xanh và êm dịu [...] Những văn thơ cách-mạng của thi-sĩ có thể đặt ngang hàng với những công-trình sáng-tạo của một Victor Hugo, hay một Rouget de Lisle. Giờ phút lịch-sử vừa diễn ra trên đúng vào ngày 23 tháng Mười năm 1956 lúc 17

Dix mille bras sont tendus dans un même élan d'enthousiasme vers l'homme de bronze drapé dans sa cape romantique et figé par le sculpteur main ouverte vers le ciel dans l'attitude de la déclamation, un peu à la manière du Rouget de l'Isle de l'imagerie populaire. Pour les révolutionnaires d'aujourd'hui, l'image du révolutionnaire d'autrefois, dont ils ont retrouvé d'instinct le geste et les « mâles accents », semble soudain prendre vie.

15 Mars 1848. Ce jour-là, sous une pluie battante, dans les jardins du musée National, la jeunesse de Budapest avait déjà entonné en chœur le *Debout Hongrois* autour de son poète vivant, et l'avait adopté comme hymne national. Ce jour-là, l'empire des Habsbourg qui tient la Hongrie sous sa tutelle a senti ses bases chanceler. L'imprimerie Nationale a été prise d'assaut et, en même temps qu'un manifeste de revendications, les vers de Petöfi, imprimés dans la journée, ont été affichés sur tous les murs de la ville. Le poète, porté en triomphe, devait écrire : « Nos pères, nos ancêtres, pendant un siècle n'en ont pas fait autant que nous en vingt-quatre heures ».

giờ. Vài ba ngày sau, thành-phố Budapest chính-thức nổi dậy chống chế-độ độc-tài hà-khắc của Cộng-sản... Lãnh-tụ Geroe phải kêu cứu quân-đội và chiến-xa Nga sang đàn-áp. Trong suốt mấy ngày bi-đát vào tháng mười một, chỗ bức tượng Sandor Petöfi đã biến-thành nơi tụ họp thường-xuyên của các lãnh-tụ cách-mạng... Mười ngàn cánh tay giơ lên, thề cùng làm chung một một việc. Trước mắt họ chỉ có một Petöfi làm bằng đồng đen (sic) khoác chiếc áo choàng lông-tử, nhưng họ vẫn thấy cái tinh-anh của thi-sĩ đi về chứng-kiến việc làm của họ hôm nay.

Ngày 15 tháng 3 năm 1848. Ngày đó, dưới cơn mưa tầm-tã, trong những ngôi vườn của cở-viện quốc-gia, thanh-niên đô-thành Budapest đã cất tiếng hát bản *Debout Hongrois* chung quanh thi-sĩ và con người tài ba đó đã được nhận theo như cung-điệu thuần-túy dân-tộc (sic). Hồi đó dòng họ Habsbourg còn cai-trị ở xứ này. Có thể nói, đó là một chế-độ hà-khắc dưới những hình-thức độc-đoán. Người ta đã xem những sự việc xảy ra đó như là những triệu-chứng đầu-tiên của một sự sụp đổ, hạ bệ. Nhà in quốc-gia giành giựt mua cho được những vần thơ của thi-sĩ để cho kịp in và phát-hành ra trong ngày. Gặp dịp, thi-sĩ không quên đưa ra những yêu sách khó khăn. Mỗi lần thơ của Petöfi được in ra người ta thấy xuất-hiện ngay trên khắp các mặt tường trong thành-phố. Đứng trước cái danh-vọng đến đột-ngột đó, Petöfi đã viết : « Ông cha chúng ta ra công xây dựng trong suốt một thế-kỷ, nhưng không hơn gì mấy công-trình của chúng ta trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ. »

Tôi xin miễn trích dẫn thêm nữa, sợ rườm. Tóm lại : Ông Lê-Thành-Nh. đã dịch trọn một thiên *cáo-luận bằng chữ Pháp của Maurice Croizard*, đôi khi dịch thiếu nhiều đoạn mà ông hiểu mập-mờ. Ông Lê-Thành-Nh. thường dịch sai nhiều đoạn vì có lẽ ông không hiểu nghĩa trọn câu văn ; những lỗi ấy có thể... hại độc-giả nhiều lắm, chẳng hạn :

Nguyên-văn chữ Pháp

L'imprimerie Nationale a été prise d'assaut et, en même temps qu'un manifeste de revendication, les vers de Petöfi, imprimés dans la journée, ont été affichés sur tous les murs de la ville.

La jeunesse de Budapest avait déjà entonné en chœur le *Debout Hongrois* autour de son poète vivant, et l'avait adopté comme hymne national.

C'est un enfant très chétif, a-t-elle dit au père, je ne crois pas qu'il vive longtemps».

Les beaux jours ne dureront pas. Deux ans séparent Sandor du moment où il aura l'âge requis pour être bachelier, lorsqu'il apprend brusquement que son père est ruiné.

Vienne, d'ailleurs, considère la Hongrie comme une colonie, lui achetant ses produits agricoles à des prix dérisoires et lui revendant des produits industriels au-dessus des cours mondiaux. Enfin, même la langue magyare est tombée en désuétude, du moins dans la haute classe de la société. On ne la parle plus que dans les campagnes.

Câu văn dịch sai của ông Lê-Thành-Nh.

Nhà in Quốc-gia giành-giặt mua cho được những vần thơ của thi-sĩ để cho kịp in và phát-hành ra trong ngày. Gặp dịp, thi-sĩ không quên đưa ra những yêu sách khó khăn. Mỗi lần thơ của Petöfi được in ra người ta thấy xuất-hiện ngay trên khắp các mặt tường trong thành phố (!) (trang 10).

Thanh-niên đô-thành Budapest đã cất tiếng hát bản *Debout Hongrois* chung quanh thi-sĩ và con người tài ba đó đã được nhận theo như cung-điệu thuần-túy dân-tộc (!) (trang 10)

« Ông có đứa con dễ thương quá, nhưng không biết nó có sống được lâu dài không?» (chétif là « dễ thương » ư ?) (trang 10)

Những ngày tươi đẹp không bao giờ kéo dài cả. Hai năm xa gia-đình, ông đã thu-thập được rất nhiều kết-quả khả-quan trên đường học vấn. Sandor đậu tú-tài đúng lúc được tin ở nhà bị buôn bán lỗ lã nên phải khánh-kiệt gia tài. (trang 11)

Vienne cũng gần giống như Hung-gia-lợi thế mà lại xuất-nhập-cảng nhiều gây thành một thị-trường tiêu-thụ rất mạnh của thế-giới trong thời bấy giờ... Ngôn ngữ Magyare càng ngày càng bị bỏ quên dần, người ta rất ít nói đến những người lam-lú ở thôn-quê (!) (trang 11)

« Elle envahit, raconte-t-il, mon âme, mon cœur et mon cerveau et mes nerfs. Vive la République ! m'écriai-je, et je restai debout comme paralysé ».

Une pensée sans cesse me tourmente
Mourir sur les coussins d'un lit !...
Lorsque les mots d'adieu monteront à
mes lèvres
Qu'ils soient tous étouffés par le fracas
du fer.

« Nó đã chiếm hết hồn tôi, tim tôi, đầu óc tôi và cả những giây thần-kinh của tôi. Hoan-hô chính - thề cộng - hòa. Tôi đã đứng thẳng người như một kẻ tàn tật (1) (trang 14).

Một tư-tưởng đến hành-hạ tôi không ngớt
Chết trên giường êm gối ấm...
Khi những tiếng từ - giả tràn lên
môi tôi
Chung quanh tất cả trấn-áp bởi âm-
thanh vũ-khí va-chạm (1) (nghĩa là gì ?)

Đại-khái là thế... Ông Lê-Thành-Nh. đã vướng vào những lỗi nặng như vậy. Danh-từ giáo-giới gọi là : « lỗi giết được con bò ! » Có người ngờ rằng ông thiếu căn-bản Pháp-ngữ chăng ?



Mới đây, Françoise Sagan than-phiền không phải vì tác-phẩm mới nhất của nàng (*Aimez-vous Brahms*) không được tiếp đón nồng-hậu... nhưng vì một nhà văn Hòa-lan Mel d'Orval đã dùng nhiều đoạn trong *Un certain Sourire* để làm văn của riêng mình trong quyển *Comme l'aube...* F. Sagan đang kiện tụng gãi-gao lắm (*Figaro littéraire*, 12-9-59, trang 10).

Ở trời Tây, chuyện đạo văn cũng thường thấy, song không đến nỗi nhiều quá như

ở Việt-nam lúc này, mà trường-hợp trên đây là một thí dụ điển-hình.

Kẻ viết bài này hy-vọng giống lên nơi đây một tiếng chuông báo nguy, đề lưu-ý các vị trích-dịch, lược-thuật hay phỏng theo... sau đây sẽ thận-trọng hơn và ý-thức được trách-nhiệm của mình, không những đối với độc-giả, mà còn đối với cả tiền-đồ văn-hóa dân-tộc nữa.

PHẠM-CÔNG-THIỆN

★ Sinh-hoạt của người trên, đối với người dưới, oai-nghi hơn là tiếng lớn của người trên. Nếu sinh-hoạt của người trên trái ngược với lời nói của họ, thì mâu-thuẫn ấy sẽ làm cho kẻ yếu hoang-mang và kẻ mạnh bất-bình.

★ Giữ việc đạo nghĩa, làm việc trung-tín, trọng việc danh-tiết.
(Âu-dương-tu)

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành-lập tại các
nước Viễn-Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

THẮC MẮC CỦA BẠN ĐỌC :

CHUNG QUANH BÀI

« THỐNG-NHẤT THOẠI »

của Ô. Nguyễn-Tương-Như

L.T.S.— *Bách-Khoa* số 54 ngày 1-4-1959 có đăng bài « Góp ý-kiến về việc thống-nhất thoại », của Ô. Nguyễn-Tương-Như, trong đó tác-giả cho biết là, khi ở viện bảo-tàng Los-Angeles (Mỹ) ông đã được thấy cuốn *Chinh-phụ-ngâm* bằng chữ nôm, in mộc-bản mà ông cho là nguyên-thoại. Theo bảng chỉ dẫn thì « cuốn sách đó được in năm 1728 và các nhà khảo-cổ sau khi dùng phương-pháp hóa-học để kiểm-chứng đã nhìn nhận là đúng ».

Năm in sách 1728 trên đây đã gây nhiều thắc mắc cho bạn đọc. Vì không biết địa-chỉ của Ô. Nguyễn-Tương-Như để tìm gặp trao đổi ý-kiến, nên Tòa-soạn *Bách-Khoa* đành nhờ hỏi lại viện bảo-tàng Los-Angeles về cuốn *Chinh-phụ-ngâm* cùng năm in sách 1728 trên đây.

Trong khi chờ trả lời, chúng tôi xin cho đăng sau đây nguyên-văn các thắc mắc đã gửi tới để bạn đọc rộng đường nghiên-cứu.

Ý-KIỆN Ô. ĐẠM-NHƯ N. T.

Ông Nguyễn-Tương-Như trong *Bách-Khoa* số 54, vừa phát giác một việc rất quan-trọng cho văn-học sử : có một quyển *Chinh-phụ-ngâm* chữ nôm, in mộc-bản, ở viện bảo tàng Los Angeles. Cứ Nguyễn-quân mách thì theo bảng chỉ-dẫn, cuốn sách đó được in năm 1728, và các nhà khảo cổ sau khi dùng phương-pháp khoa-học để kiểm-chứng, đã nhìn nhận là đúng.

Thời-diềm in sách 1728 (niên hiệu Bảo Thái đời Dụ-Tôn) rất quan-trọng, nó làm đảo lộn tất cả các giả-thuyết về dịch-giả *Chinh-phụ-ngâm*, và cả thuyết về thời-

diềm sáng-tác *Chinh-phụ-ngâm* chữ Hán nữa.

Thật vậy, về thời-diềm sáng-tác, xưa nay các văn-sử gia cho rằng Đặng-Trần-Côn viết *Chinh-phụ-ngâm* vào khoảng 1740 đầu triều Cảnh-Hưng, khi trong nước có nhiều giặc-giã.

Bản dịch xuất-bản 1728, bản chữ tắt phải ra đời từ trước. Vậy thời diềm 1740 phải bỏ đi. Đặng-Trần-Côn soạn *Chinh-phụ-ngâm* năm nào ? Đặng nhỏ tuổi thua Đoàn-Thị-Điềm.

— Đoàn-Thị sinh năm 1705, cứ Tang-thương ngẫu-lục, Đặng bị Đoàn-thị chê là trẻ con — thí dụ Đặng kém Đoàn-thị năm tuổi, nghĩa là sinh năm 1710, thì khi viết *Chinh-phụ-ngâm* chữ Hán, chưa đến 20 tuổi, khi ấy có lẽ chưa đậu hương. Thật là khó tin.

Đến các giả-thuyết về các dịch giả. Cứ ông Hoàng-Xuân-Hân thì bản dịch mà ta thường biết là của Phan-Huy-Ích. Nay thuyết ấy bị đánh đổ hẳn, vì bản ấy đã được in ra từ 1728, nghĩa là khi Phan-Huy-Ích chưa sinh ra (Phan sinh năm 1740) nhưng Phan-Huy-Ích có dịch *Chinh-phụ-ngâm*, vậy bản dịch ấy là bản nào ?

Ý-KIỆN Ô. LÊ-NGỌC-TRỤ

Bản *Chinh-phụ-ngâm-khúc* diễn nôm truyền-tụng trong dân-gian, và được liệt vào chương-trình văn-học là một dịch-phẩm xuất-sắc, văn-chương trang-nhã làm-ly, có phần lẫn cả nguyên-tác bằng Hán-văn của Đặng-Trần-Côn.

Bản này « từ các bậc danh-nhân, văn-sĩ cho đến trai gái thôn-quê, ai mà không đọc » lại đã gây nên một nghi-án về dịch-giả, bà Đoàn-Thị-Điễm hay ông Phan-Huy-Ích ? Mặc dầu trong quyển *Chinh-phụ-ngâm bị-khảo* ông Hoàng-Xuân-Hân đã dẫn chứng-cứ « để chứa một điều lầm trong lịch-sử văn-chương nước ta », nhưng văn-học-giới nước nhà vẫn còn phân-vân. Ai ai cũng muốn tìm thêm những chứng-cứ đích-xác mong đem tia sáng rọi tan mọi nghi-án này.

Ông Nguyễn-Tương-Như được dịp may xem 2 trang của cuốn *Chinh-phụ-ngâm* bằng chữ nôm, in mộc-bản, khi

Vậy nay còn lại thuyết bản dịch ấy là của Đoàn-thị-Điễm như người ta truyền tụng xưa nay. Đoàn-thị sinh năm 1705, năm 1728 mới có 23 tuổi và đã dịch xong *Chinh-phụ-ngâm* trước tuổi ấy. Nếu đúng vậy thì thật là kỳ-tài.

Vì ích lợi của văn-học sử, rất mong các cơ-quan hữu-quyền (viện Khảo-cổ, các trường Đại-học văn-khoa) nhờ ngay viện Bảo-tàng Los Angeles chụp vi-ảnh quyển *Chinh-phụ-ngâm* chữ nôm đó để chúng ta có thể giải-quyết một mối ngờ từ hơn hai trăm năm nay.

viếng viện bảo-tàng Los-Angeles (Mỹ) với một bạn người Đại-hàn. Ông hân-hoan báo tin trong bài « Góp ý-kiến về việc thống-nhất thoại » (*Bách-Khoa* số 54, ngày 1-4-1959). Và sau khi giải-thích, ông kết-luận : « Do đó cuốn này chính là nguyên-thoại »

Mới xem đoạn đầu bài này, chắc ai cũng như chúng tôi, đều há-hê sẽ còi-mở nổi thắc mắc, vì có thể nhờ quyển ấy sẽ biết được đích-xác ai là dịch-giả bản văn kiệt-tác truyền-tụng lâu nay.

Nhưng khi đọc đến đoạn « Tôi lại xem bảng chỉ dẫn bằng Anh-ngữ, thấy nói cuốn sách đó được in năm 1728, và các nhà khảo-cổ sau khi dùng phương-pháp hóa-học để kiểm-chứng đã nhìn-nhận là đúng. « Theo sách *Tục truyền-kỳ* xuất-bản năm 1811, thì bà Đoàn-Thị-Điễm lấy lễ ông Nguyễn-Kiều, ông này đậu tiến-sĩ năm 1715, do đó ta suy-doán ra năm 1728 bà Đoàn-Thị-Điễm hãy còn sống.

« Nếu bản dịch *Chinh-phụ-ngâm* không phải là của Đoàn-Thị-Điễm mà của một nho-sĩ khác (ông Hoàng-xuân-Hân đã chứng minh như vậy) thì nho-sĩ này có lẽ đã sống tới năm 1728... »

Độc hết đoạn này, tôi hết sức phân-vân. Tôi còn ngờ ấn-công tạp-chí *Bách-Khoa* sắp lộn năm 1728, nhưng khi đọc kỹ, như đã trích-dẫn cả đoạn dài ở trên, thì thấy ông Nguyễn-Tương-Như nhắc đến ba lần cái năm in quyển sách là 1728 (một ngàn bảy trăm hai mươi tám) với những điều giải-thích rành-rõ thêm.

Tôi còn cần-thận nhờ một bạn ở Tòa-soạn *Bách-Khoa* cho xem lại bản-cáo thì cũng vẫn y như đã đăng : 1728.

Chỗ lạ hơn nữa là các nhà khảo-cổ sau khi dùng phương-pháp hóa-học để kiểm-chứng đã nhìn-nhận là đúng.

Nếu quả như vậy, thật là rắc-rối : vì quyển dịch lại có trước nguyên-tác. Theo bảng chỉ-dẫn bằng tiếng Anh của viện bảo-tàng Los Angeles thì quyển dịch nôm này in mộc-bản năm 1728, trong khi nguyên-tác bằng Hán-văn của Đặng-Trần-Côn hơn mười năm sau, mới chào đời (khoảng năm 1741-1742).

✱

Trong văn - học - sử Việt - nam, chung quanh quyển *Chinh-phụ-ngâm*, có lắm điều không phù-hợp nhau, trong khi sự thật lịch-sử chỉ có một.

Thật vậy, nếu khảo-xét những tài-liệu liên-quan đến ông Đặng-Trần-Côn, tác-giả, và bà Đoàn-Thị-Điễm, dịch-giả (tạm dùng thuyết đã phổ-thông), trích trong các sách-vở, từ quyển *Tang-thương ngẫu-lục* của hai ông Phạm-Đình-Hồ và Nguyễn-Án, đến bài dẫn của ông Maurice Durand trong quyển « *La complainte de l'épouse du*

guerrier de Đặng-Trần-Côn » (*Chinh-phụ-ngâm-khúc* của Đặng-Trần-Côn) (1) và quyển *Chinh-phụ-ngâm bị-khảo* của ông Hoàng-Xuân-Hân, chúng ta sẽ gặp nhiều nỗi « rắc-rối ». Và chúng ta lại càng đồng-ý ước mong được sao mau có bản chụp vi-ảnh toàn bộ quyển *Chinh-phụ-ngâm* chữ nôm, in mộc-bản, trưng bày tại viện bảo-tàng Los Angeles, như ông Nguyễn-Tương-Như đã đề-nghị, để may ra tìm thêm được diễm ánh sáng nào nữa chẳng.

✱

Về ông Đặng - Trần - Côn, bộ *Tang-thương ngẫu-lục* do ông Trúc-Khê Ngô-Văn-Triệu dịch theo bản in năm Bình-thân (1896) (2) có bài của Tùng-Niên (Phạm-Đình-Hồ) như vậy :

« Ông người làng Nhân-Mục, huyện Thanh-Trì, bạn của đảng Tiên-quân tôi xưa...

« ...Trong khoảng trường-ốc, văn-chương ông tiếng lừng thiên-bạ. Bấy giờ Chúa Uy-vương bị bệnh, phải dời đến ở cung Thường-Liên, kinh-thành tối đến cấm lửa rất ngặt. Ông đào hầm ở dưới đất để đọc sách không bỏ bê lúc nào...

« ... Khoảng năm về già, ông làm ra khúc *Chinh - phụ - ngâm*, cả thấy đến mấy nghìn lời. Làm xong đưa ông Ngô-Thì-Sĩ xem, ông Ngô thán-phục mà rằng :

« — Văn này đánh-đồ cả lão Ngô già này chứ còn gì nữa (3).

(1) Tập - san của Hội Đông - dương Khảo - cổ (BSEI, No 2, 2^o trím. 1953).

(2) Đăng trong *Phổ-thông bán-nguyệt-san*, số 6, tháng 12, năm 1943.

(3) Ông Hoàng-Xuân-Hân dịch « Văn như thế này thì áp-đao lão Ngô này » (*Chinh-phụ-ngâm bị-khảo*, tr. 20).

« Khúc ngâm ấy người ta sao chép,
« truyền sang đến hai tỉnh Quảng-Đông,
« Quảng-Tây nước Tàu, có người thức-
« giả nói : « Tinh-thần trút cả vào đây,
« tác-giả bài này chẳng qua chỉ ba năm
« thì chết. »

« Sau ông làm đến chức quan ngự-sử
« rồi mất đúng như lời trên ấy. »

Ông Tùng-Niên còn kể chuyện ông
Đặng-Trần-Côn bị bà Đoàn-Thị-Điễm
chê, trong bài « Bà vợ thứ ông Nguyễn-
Kiều » như sau : « ... Ông Đặng-Trần-
« Côn mẫn tiêng, có đưa bài thơ đến đề
« xin được vào thăm, bà (Đoàn-Thị-
« Diễm) cười mà rằng :

« — Cậu học-trò mới học ấy, bỏ gì
nói chuyện.

« Ông Đặng tức giận trở về, cố chí
mài giũa sự học. Sau trở nên một bậc
danh-sĩ ».

★

Về bà Đoàn-Thị-Điễm, cũng trong
Tang-thương ngẫu-lục có bài « Bà vợ thứ
ông Nguyễn-Kiều » của Tùng-Niên vừa kể
trên, xin trích một đoạn liên-quan đến gia-
thất và tuổi tác của bà :

« ... Bà kén chồng khe-khắt lắm, bao
nhiều người muốn lấy, bà đều không vừa ý.
Đến khi đã quá tuổi cập-kê, lấy về ông
Hạo-Hiên. Trong chốn khuê-môn, vợ chồng
kính trọng với nhau như khách, đương
thời lấy làm một chuyện đẹp.

« Ông Hạo-Hiên mất, những học-trò
theo học ông lại theo học bà, thành danh
được mấy chục người. Bà có làm ra
tập *Tục truyền-kỷ*, trong có ba truyện *Hải-
Khẩu linh từ*, *Vân-Cát thần-nữ*, *An-ấp
liệt-nữ* (1), còn lưu-hành ở đời.

«

« Năm bà 78 tuổi, vẫn còn đi lại ở kinh-
kỳ, mở trường dạy học ».

Theo *Nam-Hải dị-nhân* của Phan-Kế-
Bính và Lê-văn-Phúc (Hà-nội, 1930), thì
« ... Thị Diễm kén chồng kĩ lắm, không ai
lấy được. Ngoài 20 tuổi mới lấy lễ quan
Thượng-thư ở huyện Từ-Liêm là Nguyễn-
Kiều.

«

« Thời Long-Đức (1732-1735) (đời
vua Thuần-Tôn họ Lê) có sứ Tàu sang
phong-vương, Hoàng-Thượng sai Diễm
đứng chực ở ngoài cửa Đoan-môn... »

Theo *Tạp-biên*, mà ông E. Gaspardone
dẫn ra, thì chuyện đón sứ Tàu với Nguyễn-
Quỳnh xảy ra năm Quý-Mão đời Lê-Dụ-
Tôn (1723).

★

Bộ *Tang-thương ngẫu-lục* (quyển
thượng và quyển hạ) do hai ông Tùng-
Niên Phạm-Đình-Hồ (1768 - 1740) và
Kính-Phủ Nguyễn-Án (1770 - 1815) viết
ra khoảng đầu Gia-Long. Ông Phạm-
Đình-Hồ, con ông Phạm-Đình-Dư sinh
năm 1768, tuy sinh sau hai danh-sĩ Đặng-
Trần-Côn và Đoàn-Thị-Điễm trên nửa thế-
kỷ, song cũng còn được biết nhiều về hai
thì-nhân, ông Đặng-Trần-Côn là bạn thân
của thân-phụ ông, bà Đoàn-Thị-Điễm thì

(1) Theo *Bi bliographie annamite* (Việt-Nam
thư-tịch) của E. Gaspardone (B.E.F.E.O, 1934)
thì ông Phan-Huy-Chú ghi tới 6 truyện. Song *Tạp-
biên* (năm Bảo-Thái thứ năm : 1724) ghi có ba
truyện kể trên. Theo tài-liệu này, thì bà viết *Tục
truyền-kỷ* hồi nhỏ, chưa đầy 20 tuổi. Bà sinh năm
1705, và có lẽ đã viết trước khi quyển *Tạp-biên*
ghi lại, nghĩa là trước năm 1724

« năm bà 78 tuổi vẫn còn đi lại ở Kinh-kỳ... » Bà Đoàn-Thị-Điễm sinh năm 1705, nếu 78 tuổi còn đi lại ở Kinh-kỳ, thì tính theo dương-lịch vào năm 1782, ông Phạm-Đình-Hồ cũng đã 15 tuổi. Ông tư-chất thông-minh, trẻ tuổi thì đậu sinh-dồ, lẽ nào sơ-hở trong sự hành văn dùng chữ.

Đồng soạn *Tang-thương ngẫu-lục* với Phạm-Đình-Hồ, ông Nguyễn-Ấn nhỏ hơn hai tuổi (sinh năm 1770), chắc cũng biết những chuyện đã kể ra, không lẽ thấy chỗ sai mà không phủ-chính. Hai ông đều người khoa-bảng, tác-phẩm của hai ông chẳng lẽ không thể không tin được.

Vậy nên ông Maurice Durand có lẽ đã vịn một phần lớn vào tài-liệu của hai ông viết trong *Tang-thương ngẫu-lục* để giải-đáp bài toán xem ông Đặng-Trần-Côn soạn quyền *Chinh-phụ ngâm-khúc* vào năm nào.

Xin tóm tắt đại ý những chỗ quan-trọng trong bài « dẫn » bằng Pháp-văn của ông Durand.

Chúa Uy-vương Trịnh-Giang bị bệnh vào năm 1739... Ông Đặng-Trần-Côn có thể bị bà Đoàn-Thị-Điễm chê trước năm ấy. Thì vào năm 1739, người ta không lấy làm lạ mà thấy ông vì « tức giận... cố chí mài giũa sự học. »

Và năm 1740, ông chưa soạn *Chinh-phụ-ngâm*.

Nhưng trong *Lịch-triều hiến-chương*. Ông Phaa-Huy-Chu (1782-1840) có nói « sách *Chinh-phụ-ngâm* là bởi hương-cống Đặng-Trần-Côn soạn, nhằm đầu Cảnh-Hung, việc binh nổi dậy, người ta đi đánh phải lìa nhà, ông cảm thời thế mà làm ra. »

(Trong hai năm 1739-1740 trong đời Chúa Trịnh-Giang, các vùng lân-cận ở bốn trấn chung quanh kinh-dô đều bị chiếm. Triều-dình truất Trịnh-Giang dâm bạo và tôn em là Trịnh-Doanh lên ngôi chúa, đầu đời Cảnh-Hung (tháng năm âm-lịch năm Canh-thân, 1740) thì các cuộc loạn mới bị dẹp tan dần-dần).

Ông M. Durand bàn : « Định năm 1740 là năm soạn *Chinh-phụ-ngâm* dường như không được xác-đáng lắm. » Người ta biết, theo *Tang-thương ngẫu-lục*, khi năm về già, soạn xong *Chinh-phụ-ngâm*, ông có trình cho Ngô Thì-Sĩ. Mà Ngô Thì-Sĩ, nhà phê-bình sử nổi danh, thì sinh năm 1726. (1) Hồi 1740, Thì-Sĩ mới có 14 tuổi, (nhỏ hơn ông Đặng-Trần-Côn những 16 tuổi ; theo *Chinh-phụ ngâm bị khảo* của Hoàng-Xuân-Hãn, ông Đặng sinh khoảng 1710), tuổi ấy không đủ cho ông Đặng-Trần-Côn phục (sau khi bị bà Đoàn-Thị-Điễm chê) mà trình cho xem.

Đứng về phương - diện nhà thơ, Ngô-Thì-Sĩ là tác-giả quyền *Anh-ngôn thi tập*, trong đó ông bắt chước theo lối của thi-sĩ Bạch-Cur-Dị đời Đường. Với tư-cách ấy, Ngô - Thì - Sĩ mới có thể phê - phán tập *Chinh-phụ-ngâm* của Đặng-Trần-Côn, vì ông này cũng bắt chước theo lối thi-văn đời Đường. *Lịch-triều hiến-chương* nói Ngô-Thì-Sĩ soạn *Anh-ngôn thi tập* hồi còn trẻ ; nếu cho ông nổi tiếng vào lúc 20 tuổi, nghĩa là vào khoảng 1746, ta có thể định vào khoảng năm ấy ông Đặng-Trần-Côn soạn xong *Chinh-phụ-ngâm* và trình cho Ngô - Thì - Sĩ xem. Nhưng trái lại, ông Ngô - Thì - Sĩ được lừng danh từ khi đã

(1) Theo Hoàng - Xuân - Hãn : Ngô - Thì - Sĩ (1725 - 1780) trẻ hơn Đặng-Trần-Côn đến chừng 15 tuổi.

đậu tảo-sĩ (năm 1766) và soạn bộ *Việt-sử tiêu án*. Nếu cho vào khoảng ấy, và việc đó có thể lắm, thì phải dời lại đến năm 1766, hoặc không chừng còn trễ hơn, để định năm soạn *Chinh-phụ-ngâm* mới hợp lý.

Ông M. Durand vịn vào việc « trình cho Ngô-Thị-Sĩ xem » mà định năm soạn *Chinh-phụ-ngâm-khúc*, có lẽ cũng đã bằng-cứ vào câu trả lời của Ngô-Thị-Sĩ — đã dẫn ở đoạn trước —, vào câu « năm về già » và vào « tuổi 78 » của bà Đoàn-Thị-Điễm.

« Văn niên », « tuổi già », tính theo Việt-nam là vào khoảng năm mười trở lên. Nếu theo ông M. Durand định vào năm 1766, thì Đặng-Trần-Côn lúc ấy được 57 tuổi và bà Đoàn-Thị-Điễm, 62 tuổi, tính theo tuổi ta. Bà cũng còn sống, vì *Tang-thương ngẫu-lục* nói bà năm 78 tuổi vẫn còn đi lại ở kinh-kỳ, để diễn nôm bản *Chinh-phụ-ngâm*.

Đây là xét theo giả-thuyết của ông M. Durand, nhưng sự thật, theo ông Hoàng-xuân-Hân thì *Tang-thương ngẫu-lục* chép nhiều chuyện không đúng sự thật hẳn : « ... Câu chuyện kể rằng ông đưa *Chinh-phụ-ngâm* cho Ngô-Thị-Sĩ xem, thì chắc không có » (*Chinh-phụ-ngâm bi-khảo*, lời chú số 10, cuối trang 16).

Và bà Đoàn-Thị-Điễm không sống quá 78 tuổi, và chết trước chồng, chết sau anh.

Thật vậy, ông Hoàng-xuân-Hân nhờ vào gia-phả họ Đoàn : do cháu rề ông Đoàn-Doãn-Luân (là anh ruột của bà) chép, ấy là quyền *Đoàn-thị Thập-lục*, và vịn vào bài văn-tế của ông Nguyễn-Hạo-Hiến (Nguyễn-Kiều) tế vợ, cho biết bà Đoàn-Thị-Điễm sinh năm Ất-đậu (1705), mất ngày 11

tháng chín năm Mậu-thìn (1748), thọ 44 tuổi (1).

Và sau khi dẫn-chứng để giải-thích, ông Hoàng-xuân-Hân viết : « Ta có thể kết-luận rằng *Chinh-phụ-ngâm* làm vào khoảng 1741-1742 » và « ta còn đoán được năm Đoàn-Thị-Điễm diễn ca khúc ngâm ấy. Sau này, ta sẽ thấy rằng (lúc) ấy vào trung-gian khoảng 1742-1744 ». (Sách dẫn trên, tr. 16).



Đã giải-thích rành-rõ về năm soạn và năm dịch quyền *Chinh-phụ-ngâm-khúc*, ông Hoàng-xuân-Hân lại lúng-túng về năm ông Đặng-Trần-Côn mất, làm cho độc-giả phải phân-vân.

Trong *Chinh-phụ-ngâm bi-khảo*, trang 16, ông viết :

« Ta có thể kết-luận rằng *Chinh-phụ-ngâm* làm vào khoảng năm 1741-1742.

« Bảy giờ Trần-Côn tuổi chưa đến 40. Nếu lời chép trong *Tang-thương ngẫu-lục* nói « ông mất ba bốn năm sau đó » là đúng, thì ông mất vào khoảng năm 1745, và chỉ thọ chừng bốn mươi tuổi ».

Xem trở lại trang 14, cũng vẫn thấy ý ấy : « Ở đời Lê, không đậu đại-khoa thì khó lòng lên chức cao ở triều-đình. Cho nên ông (Đặng-Trần-Côn) chỉ làm đến

(1) Ông Thuần-Phong vịn theo tài-liệu của ông Trúc-Khê (*Những tài-liệu mới về nữ-sĩ Đoàn-Thị-Điễm*) định bà mất ngày 11 tháng 9, năm Bính-dần (1746), hưởng dương được 42 tuổi (*Chinh-phụ-ngâm-khúc giảng-luận*, tr. 54). Ông Hoàng-xuân-Hân nói *Đoàn-thị Thập-lục* chép chuyện bà... đi Nghệ-An vào năm Mậu-dần (1758) là sai, vì *Hành-trạng Nguyễn-Kiều* chép : « Năm Mậu-thìn, Cảnh-Hưng thứ 9 (1748), ông được lệnh vào giữ chức tham-thị ở Nghệ-An ». Bà mất vào chuyến đi năm ấy, nên ông Hân sửa lại Mậu-thìn.

chức Ngự-sử-dài Chiếu-khám rồi mất. Theo sau đây, có lẽ ông mất vào khoảng 1745, và thọ chưa đến 40 tuổi. » Rồi ông Hân lại chú thêm ở cuối trang 14 : « Năm mất cũng như năm sinh, hiện nay chưa biết rõ. Nhưng sau đây, tôi phỏng đoán ông mất vào khoảng năm 1745 ».

Nhưng đến trang 21, lời chú số 15, ông Hân viết : « Đoạn nối sau có : « Cuối cùng, ông chết khi ở chức Ngự-sử-dài Chiếu-khám như lời đoán kia. » Vì điều chép ấy, tôi đã phỏng đoán ông mất vào khoảng 1750 ».

Người đọc hết sức phân-vân !

Nhà học-giả và thạc-sĩ toán học đã phỏng chừng ông Đặng-Trần-Côn sinh vào khoảng năm 1710. Nếu mất vào khoảng năm 1745 thì ông Đặng-Trần-Côn thọ lối 35 tuổi. Nhưng ông Hoàng-Xuân-Hân đã viết « thọ chừng bốn mươi tuổi », « thọ chưa đến 40 tuổi », nên ông có lời đính-chính. Ở trang 283, *cải-chính và bổ-khuyết* như vậy :

trang 14 (cuối) : 1750

trang 16 (hàng 18) : 1750

nghĩa là phải đọc 1750 thay cho năm 1745.

Nếu như đã đính-chính, thì càng thấy ông lúng-túng, vì năm 1750 không phù hợp với năm ông Đặng-Trần-Côn soạn *Chinh-phụ-ngâm* là 1741 - 1742, như đã giải-thích, rồi « mất ba bốn năm sau đó ».



Sau rốt, người ta chưa tin hẳn vào thuyết của ông Hoàng-Xuân-Hân nêu ra cho Phan-Huy-Ích (1750-1822) là dịch-giả bản truyền-tụng. Ông viết, tr. 55, *Bản Phan-huy* : — « ... nếu bài ấy cũng y hân

như bài ta viết, thì ta còn có thể nghi rằng người họ đã tự gán bài kia cho ông tỏ mình. Nhưng bài ấy có mười ba vế khác hẳn thoại thường, khác mà lại kém hay. Không lẽ rằng người họ Phan đã tự-chữa ra như vậy ».

Nếu bản Phan-Huy-Ích có « mười ba vế khác hẳn thoại thường, khác mà lại kém hay », thì bản diễn-nôm được truyền-tụng là của dịch-giả nào ? người đọc chắc phải tự hỏi như thế.

Có người không tin nơi thuyết ông Hân cho bà Đoàn-Thị-Điềm là tác-giả bản dịch có đề hai chữ *Nữ giới*, 女 戒, là bởi chữ Hán *giới* 戒 là « răn ». Song tra *Từ Hải*, chữ 戒, nghĩa thứ bảy, cũng đồng nghĩa với chữ 界 « giới » là « cõi ». *Hán-Việt tự-diễn* của Thiều-Chửu, nơi chữ *giới* 戒, nghĩa thứ năm, cũng ghi : « Cõi, cũng như chữ *giới* 界 ».

Như vậy, biết đâu ông Hoàng-Xuân-Hân chẳng có một phần hữu lý.

Chúng ta nên nhớ rằng *Tang-thương ngẫu-lục* không nói đến chuyện bà Đoàn-Thị-Điềm có diễn nôm *Chinh-phụ-ngâm-khúc*.

Nghệ-văn chí của Lê-Quý-Đôn (1726-1784) và *Kinh-tịch chí* trong *Lịch-triều hiến-chương* của Phan-Huy-Chú (1782-1840) mà hai ông E. Gaspardone và Trần-văn-Giáp diễn dịch ra Pháp-văn cũng không nói đến điều ấy, ta có thể hiểu rằng khi xưa mấy cụ nhà nho không ghi lại văn nôm, chính bản *Kim-Vân-Kiều* của Nguyễn-Du cũng không có chép trong hai quyển của Lê-quý-Đôn và Phan-Huy-Chú.

Song chỗ lạ là « gia-phả họ Đoàn không có nói đến dịch-phẩm *Chinh-phụ-ngâm*

CHUNG QUANH BÀI « THỐNG-NHẤT THOẠI »

khúc » (theo ông Thuần-Phong, *Chinh-phụ ngâm-khúc giảng-luận*, trang 20), trong khi những giai-thoại văn-chương lại được ghi chép đầy đủ do rờ của con trai ông Đoàn-Doãn-Luân biên soạn.



Với mấy nỗi thắc mắc kể trên, sau khi đọc bài của ông Nguyễn-Tương-Như trong

tạp-chí *Bách-Khoa*, chúng tôi lại càng đồng ý mong ước, như lời Nguyễn tiên-sinh đề-nghị, có được bản chụp vi-ảnh toàn bộ quyển *Chinh-phụ ngâm* chữ nôm, in mộc-bản, trưng bày tại viện bảo-tàng Los-Angeles, đề may ra nhờ những bài tựa lời dẫn của quyển ấy mà tìm thêm được điểm ánh sáng nào.

LÊ-NGỌC-TRỤ

« Kịch diễn xong rồi »

« Kịch diễn xong rồi » (*Acta est fabula*), đó là câu xua mỗi khi diễn kịch xong, người ta dùng để báo buổi trình diễn đã chấm dứt. Vua Auguste, hoàng-đế La-Mã, khi lâm chung, cũng nói câu ấy và là câu nói cuối cùng của ngài. Hình như văn-hào Pháp Rabelais trước khi chết cũng nói : « Trò diễn xong rồi » (*La farce est jouée*).

K I M - C Ő

Nguyệt-san bằng tiếng Pháp, chuyên về thư-tịch
xuất bản tại Paris (Pháp)

Giám-đốc, kiêm chủ biên : NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

Phó giám-đốc : DU-TẤN

MỤC-ĐÍCH :

1. Giới-thiệu các sách vở, báo chí, xưa và nay, có liên-quan đến Việt-nam và A-đông, trong mọi lãnh vực : khoa-học, nhân-văn (Kinh, Tàì, Pháp, Sử, Địa, Văn, v.v...)
2. Trích đăng lại các bài báo hoặc tác-phẩm bằng tiếng Việt có giá-trị, xưa và nay, để cống hiến các nhà khảo-cứu trong nước hay quốc-tế. Mỗi bài trích đăng sẽ có kèm theo một bài toát yếu bằng tiếng Pháp.
3. Lâm nền tảng để tiến tới việc thành-lập một « Trung-tâm Tài-liệu Việt-nam ».

Tư-phần muốn có báo biếu, và các cơ-quan ngôn-luận muốn trao đổi báo chí, xin giao-thiệp thẳng với

Chủ biên : NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

51, rue Geoffroy St-Hilaire

(Pháp)

PARIS (5^e)

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital : 1 Milliard de Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 105.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, *Đại-lộ* NGUYỄN - HUỆ
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM - PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B. P. 122

Succursale de Hongkong

8/8 A Queen's Road Central

Tel. 21.000 et 23.000

P. O. Box no 763

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Iraq, Syrie et Liban (B.N.C.I. * A *); à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN); à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Malta (British and French Bank); à Bâle (Banque pour le Commerce International); à Mexico (Banco del Atlantico); à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

Người ta đã làm hại

Hàn-Mặc-Tử như thế nào ?

• VÕ - XUÂN - Ý •

NGÀY chủ-nhật 15-11-59, thiên hạ kéo nhau khá đông đến Viện Quốc-gia Âm-nhạc để nghe nhà thơ Quách-Tấn nói về nhà thơ Hàn-Mặc-Tử. Người ta ngồi chật cả vòng trong, đứng chật cả vòng ngoài và có rất nhiều người, cho đến khi ra về, vẫn chưa thấy mặt mũi diễn-giả như thế nào.

Đối với một số, nghe Quách-Tấn nói về Hàn-Mặc-Tử là điều thú-vị. Từ lâu người ta đều rõ họ Quách là người gần gũi Hàn nhiều nhất và nhờ đó họ sẽ được nghe phát giác lắm điều mới lạ về đời nhà thơ xấu số.

Nhưng cũng khó mà có điều mới lạ khi những điều họ Quách nói ra thiên hạ đã đọc thấy từ lâu trong quyển *Thân thế và Thi văn Hàn-Mặc-Tử* của Trần-Thanh-Mại. Đến các giai-thoại về sự đặt bút hiệu của Hàn-Mặc-Tử mà họ Quách cố ý giấu tên của mình thì người ta cũng đã biết rõ qua bài của Phạm-Công-Thiện đăng trong Giáo-dục Phổ-thông. Diễn-giả có giải-thích một đôi danh-từ khó hiểu trong thi ca Hàn-Mặc-Tử như *Song lộc triều nguyên*, *Phượng trì*... mà theo diễn-giả thì từ xưa đến nay chưa ai giải thích cho chính xác. Thực ra nếu có một bức đại

thánh nào quán thông kim cổ e rằng cũng không hiểu nổi bởi vì những danh từ trên đều là do sự sáng tạo, hay nói đúng hơn, do sự bịa-đặt của Hàn. Cả đến những câu trong bài *Cuối thu* :

Và ai gánh máu đi trên tuyết

Mảnh áo da cừu ngấm nở nang ?

nếu không có họ Quách ở gần để nghe Hàn giải thích là điều Hàn thấy trong cơn thác loạn thần-kinh thì cho đến vạn-dại — nếu vạn đại còn nhớ Hàn-Mặc-Tử là ai — cũng chưa chắc có người hiểu nhà thi-sĩ nói gì. Loại thơ ấy có lẽ phải gọi là loại thơ giải-thích.

Kể ra ông Quách-Tấn đã nói khá rõ những nét chính về đời Hàn. Ông nói chậm rãi, chân-thực và cách trình bày từ tốn, hiền lành, thỉnh thoảng điểm thêm một vài giọng điệu hóm hình rất bình tĩnh, quen thuộc trong cách hành văn của những người cựu học, làm cho không khí trở nên thân mật.

Suốt trong hai tiếng đồng hồ, người ta đã ngồi và đứng nghe hết sức nhiệt-thành. Thỉnh-thoảng vào những chỗ cảm-dộng nhất của một đôi bài thơ Hàn thì thỉnh giả cười ồ lên rất thú-vị, nguyên-nhân

không phải là những bài thơ đau thương của Hàn vui vẻ đến thế. Nhưng chỉ vì giữa lúc cô ca-sĩ đang uốn giọng ngâm thơ thì một người nhiếp ảnh đến quì xuống trước mặt để chụp hình và thiên-hạ vội vàng cho rằng những cử-chỉ ấy thích thú hơn thơ của Hàn. Ngoài ra, thính-giả vỗ tay nhiều nhất, sôi nổi nhất là khi nào các câu thơ có nhiều chất lãng-lơ của Hàn-Mặc-Tử được đọc lên, chẳng hạn :

*Ô kìa, bóng nguyệt trần trường tắm
Lệ cái khuôn vàng dưới đáy khe.*
(Bên lên)

hoặc :

*Bằng đêm hôm ấy, êm như rót
Lời mật vào tai ngọt sứng sờ.*
(Tối Tân-hôn)

Cũng như đoạn họ Quách mô-tả cụ-thể chuyến đi thăm lâu ông Hoàng của Hàn-Mặc-Tử với người yêu trong đêm và gặp mưa đông hai người ôm riết như thế nào thì thính-giả tỏ ra sảng-khoái, hả-hê hết sức và cùng với diễn-giả quên rằng chính cái phút ấy họ Hàn vương phải căn bệnh thâm thương.

Tường cũng phải đính-chính rằng không phải tất cả thính-giả đều một nhiệt-tình như thế. Một số khá đông vẫn lấy làm xấu hổ trước những phát-biểu đầy nhiệt-tình ấy nhưng vì sự xấu hổ vốn âm-thầm mà sự hoan-nghenh lại sôi nổi cho nên người ta dễ tưởng rằng tất cả người nghe đều cùng chung một tư-cách đề kỷ-niệm thi-nhân. Hiện-tượng vỗ tay này không riêng gì trong cuộc nói chuyện về Hàn-Mặc-Tử, mà bất cứ trong công-cuộc nói chuyện nào cũng đều xảy ra như thế. Ý-kiến của diễn-giả dù sâu sắc bao nhiêu,

lập-luận của diễn-giả dù chặt chẽ bao nhiêu cũng ít khi được hưởng những tràng vỗ tay tán thưởng. Nhưng nếu diễn-giả đề-cập đến bất cứ những cái gì có quan-hệ xa gần đến vấn-đề luyện-ái, thì lập tức sẽ có một số đáng kể đem toàn thân ra để phát-biểu sự hoan-nghenh nhiệt-liệt.

Về cuộc đời của Hàn, Quách-Tấn đã không có những phát giác gì mới, mà về nghệ-thuật của Hàn, họ Quách cũng không khám phá thêm được chút gì khác hơn những cái nhận xét bên ngoài, như người ta đã nói xưa nay. Người ta còn mong được nghe trình bày về một đôi bài chưa hề xuất bản của Hàn, nhưng suốt buổi chỉ là những bài thơ quen thuộc được ngâm nga bằng những giọng ngâm nga quen thuộc.

Đáng lẽ nên đặt nặng phần nghệ-thuật, phần thi nghiệp thì diễn-giả nói quá nhiều đến bệnh trạng của Hàn. Mỗi tương-quan giữa bệnh trạng và nghệ-thuật cũng chỉ được đề cập đến một cách đại-cương. Diễn-giả cũng không xác-dịnh được vị trí của Hàn ở trong văn-học và cũng không liên hệ cụ thể cuộc nói chuyện của mình vào ngày kỷ-niệm của Hàn. Đáng lẽ cuối cùng nên có đôi lời nhắc nhở lại ngày giỗ Hàn-Mặc-Tử, và ban tổ-chức nên có ít câu cảm ơn thính-giả, thì mọi việc đều được ước lượng một cách tự nhiên.

Tuy vậy, cái cảm giác nổi bật nhất mà người nghe lưu giữ sau cuộc nói chuyện là sự đề cao thái quá về Hàn, nào *Hàn Mặc-Tử là một thiên tài* — nào những áng văn chương có giá-trị cao quý, và bắt buộc chúng ta *Hãy cảm ơn thi-sĩ* như thi-sĩ đã từng nói lên trong lời nói đầu của tập Xuân như ý. Nào những thư của

Hàn-Mặc-Tử gọi cho bạn là những áng văn có giá trị, nào *Hàn-Mặc-Tử* hạ bút thành thơ, chẳng hạn :

Hôm nay vui quá anh Phùng ơi...

Một sự đề cao thái quá về Hàn có lẽ khiến cho nhiều người ngỡ ngàng. Từ trước đến giờ hình như chỉ có ba người nói về Hàn-Mặc-Tử một cách nồng-nhiệt mà thôi. Đó là ông Trần-Thanh-Mai, Chi-Lan-Viên và ông Quách-Tấn. Ông Quách-Tấn là người bạn chí thân giữ bản quyền về văn-nghiệp Hàn-Mặc-Tử. Ông Trần là người bạn chí thiết «*có cái tình vô lượng*» đối với Hàn nên đã bỏ nhiều công lao nói về đời Hàn. Trong quyển *Thân thế và Thi văn Hàn-Mặc-Tử*, ông đã từng bảo đời Hàn là đời *ly-kỳ đặc biệt*, rằng Hàn là một thiên tài, khẩu khí của Hàn là khẩu khí của một đấng siêu-phàm (trg 167) và từ năm 1941 họ Trần đã ước đoán rằng trong một ngày không lâu, người ta sẽ giành nhau cái vinh-dự xây-dựng cho thi-sí Hàn-Mặc-Tử những lăng tẩm nguy nga (trg 201)

Còn ông Chế-Lan-Viên là người bạn chí tình trong lúc cao-hứng đã không ngần ngại tuyên bố : «*Tôi xin hứa hẹn với các người rằng, mai sau, những cái tâm thường, mực thước kia sẽ tan biến đi, và còn lại của cái thời kỳ này chút gì đáng kể, đó là Hàn-Mặc-Tử*», (1) Những lời phát biểu trong khi cao hứng về sau thế nào cũng sẽ có dịp đề mà hồi-hận một cách vẹn toàn.

(1) Trên tuần báo «*Người mới*», xuất-bản ở Sài-gòn, do Trọng-Quý và Trọng-Miễn chủ-trương, số 5, ngày 23-11-1940 ; sau Hoài-Thanh và Hoài-Chân trích đăng trong «*Thi-nhân Việt-nam*» (1940).

Nếu phải kể thêm những công-phu tích-cực về Hàn, thì gần đây trong tờ Văn-hóa Á-châu có ông Đường-Bá-Bôn đã cố gắng một cách khó nhọc để phân tích ba loại thơ triết-học (?) trong thi-ca Hàn-Mặc-Tử.

Ai cũng thấy rõ đời của Hàn là một đời hết sức đau thương. Văn biết trong trại hủi Qui-hòa, không phải chỉ có một mình chàng, và nhiều kẻ còn có thể ở vào hoàn-cảnh lâm-ly hơn nữa, nhưng khi hình dung con người tài hoa phải chịu đau khổ như thế, cái ấn-tượng từ ngàn xưa đối với kẻ bạc-mệnh mà ngày nay ta còn mang sẵn trong lòng đã khiến chúng ta dễ dành cho chàng khá nhiều thương xót. Nhưng chỉ có xót xa và thương hại bởi vì mỗi đau thương của Hàn không phải là một tai nạn mà Hàn đón lấy trên bước đường phục-vụ cho một lý-tưởng cao quý nào. Đó là một sự rủi ro trên dặm đường lãng-mạn, một rủi ro hơi khác thường như khá nhiều sự-kiện rủi ro đã xảy ra mà báo-chí đăng tải hằng ngày. Có lẽ trong hoàn-cảnh của Hàn, người đáng thương hơn cả là thân mẫu chàng. Nhưng thân mẫu chàng già rồi và lại không biết làm thơ cho nên chúng ta chỉ nghĩ đến chàng.

Dù cuộc đời Hàn-Mặc-Tử có khiến cho chúng ta bi-thương đến mức độ nào chăng nữa thì cái cảm-tình đối với chàng không thể thay thế cho sự thương-thức nghệ-thuật của chàng được. Thương xót con người Hàn-Mặc-Tử bị bệnh nan-y và nhận-định về giá-trị thi-ca Hàn-Mặc-Tử là hai việc không nên nhầm lẫn. Xưa nay đối với Hàn-Mặc-Tử, người ta luôn luôn muốn đem cái cảm-tình chủ-quan thay

thể cho nhận-dịnh khách-quan, muốn lấy cái thù tạc tri-kỹ làm tiêu-chuẩn cho công-luận nghệ-thuật. Hàn-Mặc-Tử có phải là một thiên-tài, đã sáng-tác nên những áng văn-chương cao quý như các nhà phê-bình trên đây đã nói hay không ? Chúng tôi nghĩ rằng người ta đã đi hơi xa trên sự nhận-dịnh. Thiên tài không chỉ dùng để chỉ-dịnh một năng-khiếu tiên-thiên. Thiên-tài phải được chứng nhận trong năng-lực lĩnh hội diễn-tả vấn-đề và trong tầm mức lan truyền rộng rãi nơi quần-chúng độc-giả. Hàn-Mặc-Tử là một nhà thơ lãng-mạn có tài, và chỉ có thế. Con người sinh ra thiếu thốn và có một căn-tạng dễ thụ-nhiễm bệnh-hoạn ấy khả-năng xúc-cảm khá dồi dào, tìm ra được một lối diễn-tả độc-đáo kết hợp cụ-thể cách dùng chữ vừa bạo vừa thanh, trong một âm-hưởng vừa cũ vừa mới. Từ lối âu sầu mơ-mộng của Thế-Lữ qua lối rạo-rực yêu-đương của Xuân-Điệu, tình yêu đến Hàn-Mặc-Tử đã có cái màu sắc nửa chừng lóa-lò của lòng dục bị dồn nén đang muốn lộng-hành. Do đó sinh-thời Hàn-Mặc-Tử, thơ chàng không được người ta nhắc đến nhiều. Con người xấu số ấy lại tốt số có nhiều bạn bè hết sức đề-cao năng đỡ, ca ngợi nên dần dần người ta mới biết đến chàng. Nhưng một số cảm-động vì cuộc đời chàng hơn là ái-mộ thơ chàng, và thay vì thưởng-thức một nghệ-thuật người ta rung-cảm về một kiếp người. Hàn-Mặc-Tử chỉ thành-công một đôi bài nói về tình-yêu và người ta bắt gặp những câu thơ hay rải rác trong một số bài, chứ ít khi có được một sự thành-công toàn vẹn. Ngoài tình-yêu — mà chàng chỉ diễn-tả được một vài sắc-thái cạn hẹp — Hàn-Mặc-Tử không đủ

năng-lực để diễn-tả những tình-cảm khác nữa lớn hơn. Cho đến sự đau thương từ đâu giáng xuống cũng không được Hàn diễn-tả một cách đầy đủ xót xa như chính cuộc đời của chàng đã gọi lên nơi lòng chúng ta. Về những bài thơ trong giai-đoạn này, ta thấy Hàn-Mặc-Tử cố nói, ham nói cho bù với sự đau thương của mình hơn là chú-trọng những cảm-giác thực mà có lẽ chàng nghĩ rằng tâm-thương hoặc chàng chưa diễn-tả nổi. Đúng hơn, phải nói rằng sự đau khổ ấy lớn quá đối với thi-tài Hàn-Mặc-Tử. Trong đoạn quay về tìm nguồn an-ủi ở Thiên-Chúa, Hàn-Mặc-Tử vẫn không giấu được cái tính-cách tham-lam đã khiến cho thơ chàng mất cả cái vẻ thuần-hậu thành-kính của kẻ tín-đồ. Trong bài tựa *Xuân như ý*, Hàn-Mặc-Tử đã viết :

Dồn ánh nguyệt vào đây... Lời thơ ta sẽ sáng trưng như thất bảo — Tình-cảm ta sẽ nóng ran như mặt trời — Ý tứ ta sẽ cao cường hơn ngọn núi.

...Thi nhân sẽ vừa say sưa, vừa điên cuồng, ọc ra từng búng thơ sáng láng, phương phi như một mùa Xuân như ý.

Đó là lời của một nhà thơ tự nói về mình, tự giới thiệu về tác-phẩm mình. Cũng như trước kia, Hàn-Mặc-Tử đã viết trong một lời tựa :

Tôi làm thơ ?

Nghĩa là tôi nhấn một cung đàn, bấm một đường tơ, rung rinh một làn ánh sáng.

... Và anh sẽ cảm giác lạ, nhìn không chớp mắt khi một tia sáng xôn xao tại cổ vò sao vổ. Những thứ ấy là âm-điệu của thơ tôi, âm-điệu thiêng-liêng tạo ra trong khi máu cuồng rên vang dưới ngòi bút...

Tác-giả những câu trên đây không thể là một người có ý-thức rõ rệt về tài năng của mình. Hàn là người trước hết đã làm hại mình bằng một lối tự đề cao quá đáng. Có người nghĩ rằng có lẽ vì thấy cuộc đời Hàn quá đau khổ nên bạn bè Hàn nhận thấy có trách nhiệm phải thường xuyên an ủi, khích-lệ, ca ngợi Hàn, khiến Hàn mất hẳn một nhận định chính xác về tài năng mình. Có thể sự tự đề cao quá đáng ấy còn bắt nguồn ở một mặc cảm tự ti đối với cái hình thể của mình đã bị bệnh hoạn tàn phá. Cho nên Hàn thích nói những cái cao sáng, hùng-vĩ, rực rỡ về linh hồn mình.

Như chúng ta đã thấy sau khi Hàn qua đời, người ta vẫn tiếp tục làm hại đến danh chàng bằng những sự đề cao thái quá. Trong sự bình luận một văn tài đâu phải lời chê mới làm tổn hại đến uy-tín, mà chính những lời khen ngợi quá đáng lại có một tác dụng trái ngược mạnh mẽ vô cùng. Cho nên bảo-vệ lấy uy-tín của Hàn, xin trả về cho chàng cái giá trị thực của chàng. Đừng nói thêm nói bớt quá nhiều mà hại đến sự nhận định về những giá trị văn học. Hiện nay, có một khuynh hướng đáng kể trong nền văn học của ta là gần như thiện-hạ đang nhiệt thành giúp nhau giới-thiệu cuộc đời của nhau, kể lẽ tiều-sử, phòng-vấn, chia nhóm, chia xu-hướng, hình như ai cũng lo sợ rằng lịch-sử sẽ quên bằng mình đi. Dù có ghi trên bia đá trụ đồng, một khi lịch-sử đã không quen biết với mình thì lịch-sử cũng sẵn sàng quay lưng trở lại. Xin hãy nghĩ đến cái phần

đóng góp vào cuộc đời trước khi nghĩ đến lưu danh thiên-cổ.

Cho nên kỷ-niệm Hàn-Mặc-Tử như thế là hậu quả lắm rồi. Trong khi những nhà ái-quốc như Phan-Bội-Châu, những nhà khởi xướng dân-chủ như Phan-Châu-Trinh hàng năm vẫn không được nén hương một người nhật cỏ trên mộ, thì sự viếng mộ Hàn-Mặc-Tử có lẽ cũng chưa phải một việc gấp phải làm.

Có người cho rằng hiện-tượng đến dự kỷ-niệm Hàn-Mặc-Tử năm nay đông đảo như thế là điều đáng mừng. Đó là điều đáng mừng cho hiện trình văn-hóa cũng như là điều an-ủi cho những kẻ phục-vụ nghệ-thuật. Nhưng có một số người lại nghĩ nghĩ rằng khi ta yêu mến một nhà thơ trước hết là ta yêu mến nghệ-thuật của nhà thơ ấy. Nghệ-thuật nào cũng đều chứa đựng một linh-hồn. Linh-hồn của nghệ-thuật Hàn-Mặc-Tử là sự tha-thiết, sự khổ đau, sự thèm khát, đồng thời là sự tuyệt-vọng, sự bất-lực đã đi đến thác-loạn. Trần-Thanh-Mại, một người từng không tiếc lời xưng tụng Hàn, đã viết : « Một điều đáng chú-ý là trong bao nhiêu trận chiến đấu với những lực lượng rung cảm, Hàn-Mặc-Tử bao giờ cũng đành giữ lấy phần bại về mình ». Vậy thì, theo một số người, tấm lòng tha-thiết với linh-hồn nghệ-thuật như vậy chưa hẳn là một sự đáng mừng. Chẳng hay nghĩ thế có phải là lắm lần quá chăng ?

VÕ-XUÂN-Ý

- ★ Người trên muốn đòi hỏi người dưới làm một công việc khó nhọc thì chính mình phải làm gương trước. Muốn đòi hỏi người dưới dễ dàng, người trên phải đòi hỏi mình thật gặt gao trước.
- ★ Quân-tử nói bằng việc làm, tiểu-nhân nói bằng ngôn lưỡi. (Gia-ngữ)

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kể Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

gốc Đại-lộ Hàm-Nghĩ (93-95)

và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

TRẢ LỜI CUỘC

PHỎNG-VẤN

VĂN-NGHỆ của BÁCH-KHOA

★ XXXI. — VÕ-ĐỨC-DIÊN

Sinh năm 1907 ở Thanh-hóa.

Tốt-nghệp trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Đông-dương, ngành Kiến-trúc (1934) công-tác với kiến-trúc sư Nguyễn-Cao-Luyện trong phong-trào nhà « Ánh-sáng » (1935-36) do nhóm Tự-Lực văn-đoàn chủ-trương.

Đầu 1947, dựng ban kịch lưu-động « Tiến-bộ » đề hơ-hào toàn-dân đoàn-kết chống xâm-lãng. Sau đó chủ-trương ban kịch « Văn-hóa », rồi một ban kịch của bộ đội, ban « Chiến-thắng ». (Trong dịp này, anh đưa oũ và hát chèo lên sân khấu, sau khi đã biến cải ít nhiều).

Năm 1954, chủ-trương tuần báo « Xây-dựng » ở Sài-gòn.

Nay đang làm việc ở nha Kiến-thiết; trông nom tờ báo chuyên-môn của nha, tờ « Xây-dựng mới ».

Hiện chủ-trương tờ nguyệt-san văn-hóa, xã-hội bằng hình ảnh, tờ « Sáng đợt miền Nam. »

Ngồi ở phòng kiến-trúc xinh xắn, gọn gàng của anh « xây dựng » gần xong và nhà anh thông-thả hộp cà-phê, tôi liên-miên nghĩ đến những việc làm chẳng biết vì ai, vì đâu mà cứ dang-dang dở-dở, những cuộc đời sao cứ hết dựng rồi xây. Nhưng này, nhà kiến-trúc sư lên tiếng :

— Truyện ngắn Việt mà tôi thích nhất lại ăn liền với chí-hướng của tôi, hồi còn trẻ. Chí-hướng, chứ có vẻ kêu quá ! Nói là cái tinh-thần xã-hội này nở trong tâm-não mình thì đúng hơn. Lúc bấy giờ, chúng tôi đang nghiêng mình vào đời sống tối-tăm của đồng-bào nghèo khổ, ở thôn-quê cũng như ở thành-thị, mong đem chút ánh sáng gì...

— Nên những gì dính líu đến lớp đồng-bào xấu số ấy không làm anh dừng đứng được ?

— Có thể. Nên chỉ truyện hai vợ chồng người lao-động nọ, cố làm, cố nhin mà cũng chẳng đủ gạo để nuôi con, « liều » thân để kiếm lấy miếng ăn, để rồi người còn kẻ mất. Mà câu chuyện xảy ra có xa mình chi mấy : trên đê Yên-phụ, giữa lòng sông Hồng...

— Mà lại do một nhà văn trong « phong-trào Ánh-sáng » viết ; truyện lại được độc-giả của cơ-quan phong-trào xã-hội ấy bầu là hay nhất !

— Thế là anh đoán ra rồi.

— Vâng. « Anh phải sống ».

— Trên hai mươi năm về trước, truyện ngắn này của *Khái-Hưng* đã xúc động tôi mạnh. Những cảnh đời cần cù, dầu tắt mặt tối, quanh mình, đâu chẳng có ; mong góp sức mọn tài con của mình để xóa bớt bao bất công sờ sờ trước mắt, bao cảnh khổ mà mình may mắn ở vòng ngoài... Truyện « Anh phải sống » như một bức tranh treo ở đầu năm, mở mắt là thấy, mà thấy là tự hỏi : mình đã làm gì chưa ?

— Đó là hơn hai mươi năm về trước, còn « hai mươi năm sau... »

— Hai mươi năm sau, đọc lại, tôi vẫn thấy bồi-ngùi. Còn thêm nỗi xót xa. Vì cái chết bi-đát của người sáng tạo ra nó. Tôi thân với anh *Khái-Hưng* không bằng với anh *Hoàng-Đạo*, nhưng từ khi hay anh vĩnh-biệt cõi đời trong trường-hợp ngặt-ngèo như thế, mỗi lần đọc lại hay nhớ lại « Anh phải sống » là tôi thấy thương anh hơn cả những bạn rất thân... Anh có gặp anh ấy lần nào chưa ?

— Chỉ có một lần, ở Hà-nội, thu 46. Anh lặng thinh ; tôi cũng chẳng có lời nào.

Một chớp.

— *Anh phải sống* đã đập mạnh vào trí óc tôi, lại còn gây một mối cảm xúc sâu xa vào tâm-hồn tôi. Tôi mồ-côi mẹ từ thuở bé. Rồi nghĩ đến người mẹ nghèo kia đã chịu chết một mình theo dòng nước lũ, nghĩ đến đàn con khờ dại thiếu tình...

Tách cà-phê còn chút cặn sóng sánh trong tay anh.

Tôi xoay câu chuyện.

— Vậy chắc anh cho về hình-thức, về nội dung, « Anh phải sống » đã đến chỗ hoàn-toàn rồi chứ gì ?

Mắt anh cười :

— Trong nghệ-thuật, để gì mà đạt được cái hoàn-toàn cả mọi phương diện.

« Văn *Khái-Hưng* giản-dị, trong sáng. Câu chuyện cảm động, được dắt dẫn khéo léo. Hai vợ chồng trên dè, rồi chồng quyết « liều » một mình, đuổi vợ về nhà ; nhân đó, tác-giả cho ta biết tình cảnh mấy đứa con, rồi vợ ra lại sông, buộc chồng cho mình cùng « liều » bơi thuyền ra giữa dòng nước lũ vớt củi trôi dề cả nhà có cơm ăn. Gần thành công, thì mưa to, gió lớn, thuyền chìm, chồng đuối sức, vợ buông tay cho dòng nước cuốn đi. Đề rồi, giữa mưa gió, bốn cha con nhón con sông dữ đã cướp mất người mẹ hiền, người vợ đảm.

« Nhưng lúc sắp quyết định, ở giữa sông cuộn cuộn thế, mưa gió thế, mà người đàn bà đuối sức mồm hơi kia cũng chồng lại đối đáp dài dòng, chẳng hạn như đoạn nhớ các con đại căn người cha, thì hai tiếng : « Các con... » cũng đủ rồi, cần gì rõ ràng, đầy đủ : « Thằng Bò !... Cái Nhón !... Cái Bé !... »

« Chỗ sơ hở này, đối với tôi, thật đáng tiếc. Nhưng chẳng vì đó mà làm tôi bớt thích nó, khi nhận thấy ».

Im lặng một chớp, rồi anh tiếp :

— Sau này, tôi được đọc nhiều truyện ngắn của các bạn văn có tiếng và của các bạn trẻ tuổi mới vào nghề. Nhưng không truyện nào rung cảm tôi như « Anh phải sống ? » Cái khéo léo, cái tài tình trong cách bố cục, trong câu chuyện, tôi phục đấy, nhưng cái rung động sâu xa của phần tình cảm, của tiềm thức, tôi chưa hề được gặp lại. Tôi đã « già » rồi chăng ? Hay tôi thiên lệch mà chẳng dè ? »

Anh mỉm cười rồi tiếp :

— Còn truyện ngoại - quốc, tôi thích nhất một truyện của Guy de Maupassant. Tên truyện, tôi không nhớ rõ : *Les bijoux* hay *Le collier* gì đó. Mượn một món nữ trang của bạn để dự dạ hội, người thiếu-phụ ấy lỡ làm mất ; cả vợ lẫn chồng vay tiền mua trả cho bạn, và gì đó mà vất vả, nhọc nhằn... Rồi sau, được bạn nói mới hay là nữ trang của bạn vốn là đồ giả ; mượn đồ giả, trả đồ thiệt, để khổ cả một thời xuân.

« Hai vợ chồng đáng tội nghiệp này thuộc về « hạng người nhỏ-nhỏi » trong xã-hội. Chồng là một tiểu công-chức thì phải.

« Nhưng họ giữ giá-trị con người của họ ; họ không để lương tâm họ cắn rứt. Mượn mà làm mất, thì phải đền, không năn-nỉ, i-ôi, mà âm-thầm chịu thiếu thốn, chịu khổ sở để đền, đền bằng thứ thiệt. Cái « chất con người », lại là con người thuộc hạng thường chịu thiệt thòi trong xã-hội, tôi thấy nổi bật trong truyện này của Guy de Maupassant ».

Tới đây, tôi toan đứng dậy để trả anh lại cho một ngày chủ-nhật đẹp trời mới bắt đầu, thì tánh tò-mò lại xui tôi hỏi :

— Trong việc chọn lựa truyện ngắn anh thích nhất, nghề nghiệp có ảnh-hưởng gì không, anh ?

— Có chứ. Kiến-trúc có hai nguyên-tắc : đường nét cân đối, và các khối cân đối. Các khối, tôi cho rằng đó là phần hồn của truyện, còn đường nét với ánh-sáng, sắc màu là phần xác của truyện. Cả hai phần phải ăn khớp, phải điều hòa với nhau.

Người thợ lành nghề, khéo tay cần phải có, mà con người nghệ-sĩ với những rung cảm chân thành, vắng cũng không được.

« Thú thật với anh, tôi đã nhiều phen khổ sở lúc gặp những khách hàng muốn tôi vẽ kiểu nhà họ giống như nhà ông A, hay nhà bà Z ; họ không hề nghĩ nhà của họ phải có cái gì riêng của họ, phải hợp với cảnh, với chung quanh, với con người của họ nữa. Có lẽ họ quên họ là những con người chẳng phải « bị đúc chung một lò » như thiên hạ cũng nên !

« Đó cũng là cảm-tưởng của tôi sau khi đọc một số truyện ngắn gần đây. Có lẽ tôi đã mất đi sự hồn nhiên của tuổi trẻ rồi chăng ! »

Rồi anh băng-khuâng.

— Thật là đáng tiếc, nhưng biết sao giờ ! Xưa lòng còn trong trắng, mình để cho tác-giả mặc tình dẫn dắt, mình chỉ cảm thụ mà thôi. Còn nay, đứng tuổi, lại ở trong một nghề luôn luôn phải sát với thực-tế, thì tôi lại đứng vào vị trí của con người trong gia-đình văn-nghệ mà nghiên-cứu, mà tìm hiểu, mà phê phán cũng nên ! Nhất là tò mò xem cái kĩ-thuật của tác-giả ra sao...

— Nghĩa là anh đứng dưng xa mà ngắm nghĩa, mà quan-sát cái kiến-trúc của truyện, mà không nhập vào truyện « như thuyền ngư phủ lạc trong sương... » (1)

Anh cười cười, hiền lành và mở rộng.

NGUYỄN-NGU-Í kể

(1) Xuân-Diệu — Thơ thơ. — Vì sao. Tất cả chú-thích trong loạt bài kì này là của người phụ trách cuộc phỏng-vấn.



★ XXXII. — PHẠM-CAO-CÙNG

Sinh năm 1913 tại thành-phố Nam-định.

Bắt đầu viết từ 1932 cho nhiều báo, như: *Đông-Tây*, *Vật Đực*, *Phong-Hóa*, *Ngày Nay*...
 Có rất nhiều bút hiệu, tùy theo loại văn ông viết: *Trần-Lang*, *Văn-Tuyền*, *Phượng-Trì*, *Phạm-Thị-Cà-Mộc*.

Chuyên viết truyện trinh-thám, thơ trào-phúng, truyện nhi-đồng.

Từng chủ-trương tuần báo nhi-đồng « *Học-Sinh* » (1939-41) và nhà xuất-bản « *Huyền-Nga* ».

Tác-phẩm có trên 200.

Hiện cộng-tác với các tuần báo « *Trinh-Thám* », « *Tuổi Xanh* » và phụ-trách trang *Học-sinh* cho nhật báo « *Ngôn-Luận* ».

Thưa Anh,

Tôi không sốt - sắng hưởng ứng cuộc phỏng - vấn của Anh chỉ là vì từ xưa tới nay, tuy tôi ham đọc rất nhiều, — đến nỗi tự cho thời-giờ nghỉ-ngơi tức là thời-giờ đọc sách, — nhưng tôi không nhớ được bao nhiêu... Tôi cần phải nói ngay rằng: chính tôi đã luyện đề cho mình... không có trí nhớ. Những tác-phẩm của tôi, đòi-hỏi nơi tôi một sức tưởng-tượng rất mạnh, và theo kinh-nghiệm riêng, tôi được biết: trí nhớ mà sắc - bén thì trí tưởng - tượng tự-nhiên bị nghèo-nàn... Do đó, tôi đành hi-sinh trí-nhớ, (1) để cho đến ngày nay, tôi phải chịu bí-tắc trước những câu hỏi của Anh!

Truyện ngắn Việt nào hay nhất? Truyện ngắn ngoại-quốc nào thích nhất? Chà, khó

quá, tôi đã cố moi óc và chỉ nhớ được... mang-máng mà thôi!

Nếu Anh chỉ hỏi: tác - giả nào viết truyện ngắn mà tôi cho là « thú » nhất thì may ra tôi còn trả lời anh được rành-mạch: Xưa kia thì Khái-Hưng, hồi này thì Võ-Phiến! Nhưng nếu anh hỏi kỹ lại: đó là những truyện gì, thì tôi cũng đành phải « chạy làng » vì e sợ bị mất công lục sách-báo mà coi lại nữa!...

Bạn Anh,

PHẠM-CAO-CÙNG

(1) Đây quả là một trường-hợp đặc-biệt. Chẳng rõ những « cha đề » các Mai-Hương, Lê-Phong, Bạch-Si-Ma, Hoàng-Ngọc-Ẩn, X-13..., có « luyện không có trí nhớ » để « sức tưởng-tượng được mạnh » như người « cha đề » Kỳ-Phát này chăng?



★ XXXIII. — NGUYỄN-VĂN-CỒN

Sinh năm 1912 tại tỉnh Thanh-hóa (Bắc — Trung-Việt).

Năm 1930 vào Sài-gòn, viết báo và dạy học. Năm 1931, bị bắt về vụ Tân-Việt.

Năm 1946, qua Pháp. Tốt-nghiệp Đại-học Chính-trị, Paris, năm 1950.

Năm 1958, đỗ Tiến-sĩ Văn-chương Đại-học Sorbonne.

Đã xuất bản :

— Nước tôi (thơ) xuất bản tại Sài-gòn, 1944.

— Thi văn Việt-Nam (sách giáo-khoa) xuất-bản tại Paris, 1953.

— Hồn Sông Núi (thơ) xuất-bản tại Paris 1954.

— Nén hương lòng (tiểu-thuyết) xuất-bản tại Paris, 1955.

I. — Truyện ngắn Việt

[...] Sau khi đắn-đo, du-dự và theo sự hiểu biết và sở thích của tôi, tôi chọn truyện ngắn « Anh phải sống » của Khái-Hưng. Trong văn-chương cận-dại, tôi coi truyện ngắn này là một trong những truyện ngắn hay vào bậc nhất.

... Truyện ngắn này trong vài trang giấy đã thu được một góc trời xã-hội với những sự-kIỆN nhân-loại thâm siêu: ta mục-kích đời của một dân đen sống trên đê sông Nhị-hà, đem sức mong-mạnh của con người tranh-dấu với sức mạnh mù-quáng của vũ-trụ để kiếm miếng ăn.

Ta cũng thấy những bé miệng bám vào vú mẹ mà không nứt ra được một giọt sữa nào.

Rồi đến lòng hi-sinh không bờ bến của người mẹ tự dẽ mình chìm xuống đáy sông để chồng có thể sống nuôi ba đứa con nhỏ.

Sự hi-sinh này đã đưa truyện ngắn của Khái-Hưng nhập vào biên lớn của nhân-loại và nâng cao tình thương yêu của người mẹ lên những tầng mây thăm thăm cạnh người mẹ đau thương (mater dolorosa) mà nhân-loại sùng bái.

II. — Truyện ngắn ngoại-quốc

Theo ý tôi, trong các truyện ngắn trong văn-chương quốc-tế vào quãng 50 năm gần đây, truyện mà tôi cho là hay vào bậc nhất là truyện ngắn của Pearl Buck với đầu đề : « Người vợ thứ nhất của Nguyên » (The first wife of Yuan). (1)

Lẽ tự nhiên đây là ý-kiến riêng của tôi. Tôi lựa truyện này không phải vì Pearl Buck đã được giải-thưởng Nobel, mà là vì giá-trị văn-chương và tình-thần của truyện mà tôi đã chọn theo sở thích riêng của tôi [...]

Truyện ngắn này tả rõ sự xung-đột giữa Mới và Cũ. Lẽ tự nhiên, đời nào, nước nào cũng từng chứng kiến sự xung-đột này và sự tranh thủ giữa hai nguồn sống ấy đã gây ra bao nhiêu cảnh trái ngược, bao nhiêu nỗi đau thương.

Nhưng tại một nước tân-tiến mà sự tổ chức xã-hội đã gọi có đôi phần hoàn-bị, thì, sự xung-đột không quá dữ dội. Nhưng đây là nước Trung-hoa vào quãng năm 1912, khi mà phong-trào cách-mạng do

(1) Trong quyền : *The first wife and other stories* — The John Day Co, New-York, 1933. (Riêng chú-thích nì là của tác-giả bài này).

Tôn-Dật-Tiên cầm đầu nổi lên, thì sự tranh-thủ rất là mãnh-liệt. Bởi đâu ? Bởi vì lúc bấy giờ dân Trung-hoa phần đông đang còn sống với óc phong-kiến và cũng bởi vì những người chủ-tương Tân-trào cũng chưa lãnh hội tư-tưởng mới một cách vững chắc, cho nên sự xung-đột đã vô cùng ác-liệt và đã gây ra biết bao nhiêu tai-họa, chẳng khác những cơn lụt lội của sông Hoàng-hà.

Ti-dụ như : *Nguyễn muốn ly-dị*. Ở một nước mà pháp-luật đã qui-dịnh một cách gọi là hoàn-hảo, thì tấn thâm-kịch đâu có ác-liệt như thế. Vì nếu tự nhiên vô cớ mà Nguyễn muốn bỏ vợ, mà vợ chàng không làm lỗi gì, thì Nguyễn phải chịu tất cả trách-nhiệm và cố nhiên vợ Nguyễn được bắt giữ hai đứa con, vẫn có ngôi nhà để nương thân và được lãnh tiền trợ-cấp, bồi thường. Trái lại, ở đây ta thấy nàng bị đuổi ra khỏi cửa như một người dầy tớ, hay một con chó mà chủ-nhân không muốn nuôi nữa. Luật-pháp Trung-hoa lúc đó chưa qui-dịnh, vì vậy ta thấy Nguyễn tự-do phạm tội phi-pháp và vô nhân-đạo. Cũ không ra cũ, mới không ra mới, cái mầm tai-họa chính ở đó mà

ra. Vì vậy, người cha già của Nguyễn đã phải kêu lên :

« Thật là một thời-dại kỳ-dị mà một
« người đàn ông có quyền đuổi vợ ra khỏi
« nhà, đến nỗi người vợ không còn gì cả,
« không còn sự kính nể, không còn địa-
« vị trong xã-hội, không còn được nương-
« náu trong nhà chồng nữa. Xưa kia,
« khác hẳn, người vợ có thể mất tình
« thương yêu của chồng nhưng còn giữ
« được tất cả sự khác và vẫn còn sống
« được trong gia-đình mình ». (trang 65)

«*Người vợ thứ nhất của Nguyễn*» là một nạn-nhân vô tội của sự xung-đột giữa Mới và Cũ, một nạn-nhân đáng thương hại trong sự-kiện nhân-loại, vì người này không hiểu lý-do của sự bất công, của lòng vô tình, vô nghĩa của người đàn ông mà ngày cưới, trước bàn thờ Tò-tiên, trước bàn cúng Tơ-hồng, nàng đã nhận là chồng của nàng trọn đời trọn kiếp.

Nàng quỳên-sinh, than ôi đó là sự kết-thúc đau đớn của thời-dại hỗn-mang, vì nàng có một tâm-hồn ngây-thơ, đầy tiết-nghĩa.

Paris 20-10-59
NGUYỄN-VĂN-CÔNG

CẦN GẤP

Chúng tôi cần gấp mấy tập thơ thời tiền-chiến sau đây :

— Điều-tàn của Chế-Lan-Viên

— Tiếng thu của Lưu-Trọng-Lư

— Gửi hương cho gió của Ngô-Xuân-Diện

— Tiếng địch sông Ô, Lòng hối hận của Phạm-Huy-Thông,

để làm tài-liệu. Bạn nào còn giữ, xin cho chúng tôi mượn để sao lại — tại chỗ, hay được đem về — chúng tôi rất cảm ơn.

B. KH.

★ XXXIV. — VŨ-KỶ

Sinh năm 1920 ở Tam-kỳ, Quảng-nam. Chuyên dạy học. Viết văn rất tài tử.

Hiện là giáo-sư ở các trường công và tư ở Thủ-đô.

Thích viết về khảo-luận, nhân-tướng và truyện-ngắn tâm-tình.

Đã từng cộng-tác với các báo : « Phụ nữ » (1943, Hà-nội, dưới bút hiệu Lữ-Hạnh) « Văn-Nghệ Tiền-Phong » (1956-1957), « Bách-Khoa » (1958).

Tác phẩm : Nghệ thuật Làm văn - Đọc văn (Nhóm sông Thu, 1950. Phạm-Văn-Tuot tái bản, 1957). Giảng văn, từ Đề thất đến Đề nhị (Đề thất Trường-Thị, 1958). Đã viết xong và sẽ xuất bản : Tâm-niệm (đã đăng trong Văn-Nghệ Tiền-Phong, 1956-1958). Tập truyện ngắn gồm 10 truyện : Sóng lại (đã đăng trên V.N.T.P., 1956) Nhân-tướng (Tình yêu giữ vững Chính-nghĩa, đăng Bách-Khoa, 1957). Tập hồi ký : Một tâm trạng (1956).

[...] Về truyện ngắn Việt, cũng như ai, tôi đã từng say mê với nhiều tác-giả, nhưng có lẽ còn nhớ kỹ ở tôi là truyện « **Bóng người trên sương mù** » của **Nhất-Linh**, in trong « Anh phải sống ». Chỉ nói chừng ấy, chắc anh cũng đã đoán được vì sao tôi thích nó và cho là hay nhất trong các truyện ngắn Việt, lý-do mà tôi, thừa anh, rất cá biệt.

Không nói về kết cấu thực chặt mà động-tác tiến đều, gút và giải gút hay, nội dung theo tôi là cả một sự dung-hòa, phối hợp đẹp đẽ, tài tình và trọn vẹn giữa một tinh-thần duy-linh mạnh mẽ của Đông-phương và một tinh-thần duy-lý, khoa-học rất khúc triết của Tây-phương.

Ở đây, tôi cũng rất « giáo khoa » và cò diền dầy nhé !

Có những sự ngẫu-nhiên, tình cờ — mà theo tôi, ngẫu-nhiên cũng là một sự thường trong cái bất thường — xảy ra mà chúng ta cần luận giải bằng hai tâm-lý nói trên mới đầy đủ. Trong tâm-trí người lái xe đang bàng-hoàng, vẫn ngự trị ám-ảnh linh-hồn người vợ đã cứu thoát mình. Một thái-độ rất cực đoan nhưng rất có lý. Nhưng cũng có người chỉ tin

rằng đó chỉ là sự gặp gỡ vô tình giữa các sự việc câu chuyện chỉ nên giải thích bằng sự việc hữu hình — con bướm đậu ở đầu toa xe — họ cũng cực đoan nốt. Cả 2 đều có thể có lý, nhưng vẫn thiếu sót. Và chúng ta, trước sự kiện, được thúc giục rất tự nhiên để tin vào cả 2 tinh-thần nói trên, phụ họa với nhau, gây ra một hậu quả tốt đẹp : tránh được cái chết cho người lái xe và cả đoàn tàu [...]

— Những truyện ngắn ngoại quốc, trước đây, tôi có đọc khá khá qua tiếng Pháp — truyện cổ diền và không cổ diền — nhưng gần đây lại rất ít, bây giờ vốn liếng cũ đã có hầu như muốn rớt bớt đi phần nào.

Tôi đã say mê với rất nhiều truyện ngắn của Maupassant (Le Horla, Boule de suif), Paul-Louis Courier với những nét hay hay, ngộ ngộ, Victor Hugo, Stefan Zweig (Vingt quatre heures de la vie d'une femme), Edmond Brontë mà Haute Plainte là một, Maurice Maeterlinck, Somerset Maugham v.v., Đông-chu liệt-quốc, Phong-thần, Tam-quốc, nếu kể truyện ngắn lẫn truyện dài.

Nhưng ghi vào tâm não tôi, có lẽ tập Contes du Lundi, Lettres de mon Mou-

lạ của Alphonse Daudet trong đó có truyện « *La dernière classe* ». Anh lại cười tôi quá « cồ điển » và « giáo-khoa » rồi. Tôi xin nhận vậy

Không biết đó có phải là một kỷ-niệm của thuở nhỏ ăn sâu vào tâm trí tôi đến nỗi làm sai lệch sở thích của tôi đáng lẽ phải chọn những mẫu chuyện khác thích-hợp với mình bây giờ hơn không ?

Tôi còn nhớ rõ, lúc rất nhỏ, cầm một tập sách xinh nhan đề : « *Gương thiếu-niên* », tôi đã say mê đọc từ đầu đến cuối, trong đó có bản dịch : « *La dernière classe* » (Buổi học cuối cùng). Lúc ấy, tôi chưa hiểu gì lắm về nội-dung câu chuyện, chỉ cảm thấy, tôi buồn buồn, tôi biết đã có một sự đồ vỡ gì to tát trong đám trẻ nít đang nghe ông thầy giáo già ấy dạy.

Sau này tôi mới rõ là tập sách ấy lúc đó do một đoàn thể Cách-mạng xuất-bản và bị Chính-phủ Bảo-hộ cấm lưu-hành, tàng trữ.

Tôi đã tìm xem nguyên-tác. Tôi cố tìm hiểu nhiều về lời văn tác-giả và suy-luận thêm để có được lắm rung động đặc-biệt, bàng-khuâng, buồn tủi-nhục. Hay lắm, tế-nhị và cao quý thực, ý-nghĩa câu chuyện !

Theo thiên tài của mình, tôi đã cố tìm xem trong cuộc sống Việt-Nam, trên dòng sử học và văn-học Việt-Nam ta đã có những buổi học cuối cùng nào chưa ? Và tôi chắc chúng ta chưa được cái nhục và cái vinh ấy.

Anh Ngu-Í, anh chịu khó nghiên-cứu nhiều, anh sẽ cho tôi biết điều ấy nhé, sau những buổi tham luận với các nhà sử học, văn học Việt-Nam.

Những khoa thi cũ cuối cùng ở Trung, ở Bắc, hồi Pháp-thuộc, các khóa sinh là ông

bà chúng ta có những cảm-giác, cảm-tưởng gì, anh Ngu-Í nhỉ ? Nhưng dù các cụ có hát lên niềm đau buồn tủi-nhục, luyến tiếc thành thực kiểu Trần-Tế-Xương, Tản-Đà, làm sao các cụ có được một sự gần bó, thiêng-liêng, mẫu-nhiệm, cao-quí, tột độ đối với một thứ văn-tự mà các cụ, nếu có thiên-vị, cũng phải xem là mình đã học mượn viết nhờ ! Và thêm nữa, chính các cụ cũng đã thấy sứ-mệnh của mình tất nhiên phải chấm dứt vì chính mình đang và sẽ đầu hàng thời thế, trào-lưu mà !

Những câu cuối cùng trong truyện của Daudet, lời nói và cử-chỉ của ông thầy giáo già ấy : lấy phấn viết trên bảng đen : **Tồ-quốc bất-diệt**, rồi không đủ sức quay lại vĩnh-biệt học-sinh, cố thu tàn-lực khoát tay, muốn nói : *Thôi hết, về đi...* (tạm dịch), thực là lời đọc rồi mà tình ý của bàng-hoàng, sững sốt, đau thương như xé tâm-can những ai là chiến-sĩ của Tồ-quốc, nhất là về phương-diện văn-hóa, văn-học.

Thực là « văn-hữu dư ba », một dư ba bi hùng, hơn nhiều cái bi-lụy bóng bầy, mềm nhẹ của nhà văn-hào Tiên-Điền chúng ta.

Là một giáo-sư, tôi thích bài đó không biết có phải vì một sự « méo mó nhà nghề » không ; nhưng hằng ngày, có dịp đứng trước những tâm-hồn trong trắng của tuổi 20, tâm-tình sẵn sàng tạo-rực vì một mái tóc thề dợn sóng, vì một cuồng vọng dẽ-mê được trở nên những nghệ-sĩ có chân-tài, hoặc những nhà bác-học của Đất Nước ngày mai, tôi đã thông-cảm với đàn em vô-tư, may mắn sống trong cảnh Đất Nước thanh-bình, tôi sợ

hải rằng có đến với mình những ân-hận tốt-vời không hàn gấm nôi của ông thầy giáo già trong « Buổi học cuối cùng », và với thiên-tài, của mình, chỉ mong thoát

những đau xót, tủi nhục của một « Buổi học cuối cùng » mà chắc sẽ không bao giờ đến với chúng ta [...]

VŨ-KỶ



★ XXXV. — GIẢN-CHI

Tên thật là Nguyễn-Hữu-Văn, sanh ngày 8-12-1909 ở làng Cót (An-quyết), ngoại thành Hà-nội. Còn ký là Bông-Tùng-Lang, Cỏ-Viêm-Phương, Thấu-Mai, Thôi-Nhân.

Đã viết cho các báo : Tri Tân, (của Hoa-Băng), Tin Mai (của Nguyễn-Đắc-Lộc tức Phá-Quân).

Sau khi di cư vào Nam, có cùng một số văn hữu chủ trương tờ Cải-tiến (loại mới, 1957) và có viết giúp (không đều) một số báo chí khác. Cán sự ngành Bưu-điện, hiện là Thanh-tra Quân-bưu-vụ quân-đội Cộng-hòa Việt-nam.

Đã xuất bản : Con người cô độc (dịch đoàn-thiên của Lỗ-Tấn, 1952)

Lòng ai chà thế (dịch đoàn-thiên của Lão-Xá, 1954).

[...] Ý-kiến phát-biểu trong mấy câu trả lời dưới đây chỉ nằm trong giới-hạn những truyện ngắn tôi đã được đọc trong mấy năm gần đây và hiện nay tôi vẫn còn giữ được nguyên bản để duyệt lại trước khi viết mấy dòng này [...]

Tôi chỉ nói những truyện ngắn Việt-Nam và nước ngoài nào tôi thích nhất mà thôi. Đây :

Trả lời câu 1 : « Người đẹp trong tranh » của Vũ-Khắc-Khoan.

Trả lời câu 3 : « Lễ chúc phúc » của Lỗ-Tấn.

Trả lời câu 2 và câu 4 :

Lý-do khiến cho một tác-phẩm văn-nghệ được người đọc thích là :

- tác-phẩm ấy hay,
- có giá-trị thật.

Đó là lý-do tại sao thích, lý-do thứ nhất ; còn tại sao thích nhất, thì lại phải

thêm một lý-do khác nữa, lý-do thứ hai : đó là vấn-đề đồng-điệu giữa kẻ đọc và người viết, đồng điệu phát-sinh từ chỗ đôi bên có ít nhiều gần gũi về phương-diện tư-bẩm, về bước đường tạo-ngộ và về kinh-nghiệm cuộc sống. Nhất là về tạo-ngộ và kinh-nghiệm, cho nên mới có cái hiện-tượng : vẫn cùng một danh tác, vẫn cùng một độc-giả, mà xưa đọc thấy thích lắm lắm, nay đọc lại, chỉ còn thấy thích vừa vừa, hay là ngược lại thế.

Tóm lại có hai lý do khiến cho một độc-giả thích-nhất một tác-phẩm :

- 1.) Giá-trị nghệ-thuật nội tại của tác-phẩm ;
- 2.) Tương quan « giao lưu cộng minh » giữa tâm sự tác-giả và tâm sự độc-giả.

a) — Người Đẹp trong tranh

Đây là một câu truyện truyền kỳ cũ — truyện « Bích câu kỳ ngộ », — dựng

lại với ít nhiều sửa đổi. Nói để biết vậy thôi, chứ cốt truyện là một yếu tố không cần chú ý đến lắm. Cốt truyện thường thường chỉ là một cái cớ. Tác-giả mượn cớ để gửi gắm tâm sự mình, đồng thời để nói lên tâm sự của độc-giả cùng chung một cảnh huống. Những dồn nén, những xung đột, những khát vọng, những băn-khoăn. Gây được mối đồng tình trong lòng độc-giả và song song thỏa mãn được nghệ cảm của họ, ấy là tác - phẩm thành - công. « Người Đẹp trong tranh » đạt tới kết-quả đó nhờ kỹ-thuật độc đáo của nhà văn họ Vũ.

Đọc « Người Đẹp trong tranh », điều đầu tiên người ta nhận thấy là văn Vũ-Khắc-Khoan uyển-chuyển, biến-hóa, và rất chải chuốt bóng bẩy, nhưng không quá độ đến đổi trở thành phù phiếm, bông lông, trống rỗng và cầu kỳ, là cái thứ văn-chương tối kị cho tiểu-thuyết. Ngòi viết thực thực hừ hừ mà vẫn giản luyện, sừng kính của họ Vũ làm cho người đọc nhớ tới Bồ-Tùng-Linh và Trang-Chu.

Điều đặc-biệt thứ hai trong bút pháp của họ Vũ là tránh dùng khái-niệm. Không những trong lúc trạng vật, thuật sự, mà cả trong lúc ngôn tình, thuyết-lý nữa, Vũ-Khắc-Khoan cũng cố đưa thật nhiều ý-tượng vào để thay thế khái-niệm. Ý-tượng vào ta qua giác-quan chứ không quá lý-trí như khái-niệm, cho nên tả cái hừ đây, tả cái dị-thường đây mà người đọc vẫn cảm thấy như thật, như quen thuộc, vẫn thấy có vị chứ không thấy « ngấy » như khi đọc một tác-giả lắm tưởng viết truyện là kể truyện.

Nhưng tất cả những ưu-diểm đó mới chỉ là những yếu-tố phụ, chứ chưa phải yếu-tố quyết-dịnh thành-công của « Người

Đẹp trong tranh ». Yếu-tố quyết-dịnh là nhân-vật mô-tả trong tiểu-phẩm này rất « người », rất « sống », trong một cảnh giới rất là chân-thật. Cố-nhiên cái chân-thật nói đây không phải là cái thứ chân-thật « hiện tượng » (cũng gọi là « chân-thật lịch-sử ») hay cái thứ « chân-thật luận-lý » mà là cái « chân-thật nghệ-thuật » (cũng gọi là « chân-thật thơ »): Đã sẵn mang tâm-lý ấy, vốn đã ở trong hoàn-cảnh ấy mà lại tạo-ngộ như thế ấy, thì một nhân-vật tiểu-thuyết, muốn cho được chân-thật về phương-diện nghệ-thuật, tất phải tư-tưởng, nói năng, hành động, xử sự như thế ấy, mặc dầu như thế ấy có thể là không đúng với ngoài đời, nhưng mà có như thế ấy thì cảnh giới truyện mới được nhất-trí, mới thành một thế-giới riêng biệt và trọn vẹn, nó thỏa-mãn được nhu-cầu nghệ-cảm của độc-giả.

Lấy một ví dụ cho dễ hiểu: Bức tranh Tú-Uyên để lại có thể chưa bao giờ lọt vào tay quan Đình-nguyên họ Phan (Đình-Phùng) và quan Đình-nguyên họ Phan chắc cũng chưa bao giờ rồi hơi mà ngời thối ống tiêu trước một bức tranh tố-nữ, trong chiến-khu Ngàn Trươi, mặc dầu biết bức tranh ấy quý mấy đi nữa. Nhưng khi đọc thấy bức tranh gia bảo của nhà họ Trần được lọt vào tay quan Đình-nguyên họ Phan thì quả thật người đọc thấy thống-khoái vô cùng. thống-khoái vì nỗi « của » kia, ta biết đã tìm đúng người xứng đáng, (quan Đình-nguyên họ Phan) con người, cũng như Tú-Uyên, đã biết lựa chọn giữa cái tuyệt-dối và cái tương-dối, giữa cái bất-diệt và cái nhất-thời. Và ta cảm thấy rằng giữa cái buồn-mênh mang trong chiến-khu Ngàn Trươi,

con người hi - sinh cả đời cho sự - nghiệp cứu-quốc, con người đã chọn cái đẹp tuyệt-đối, khi ngồi ngắm Người Đẹp trong tranh tất đã phải gửi tâm-sự vào ống tiêu...

Viết đến đây, tôi sức nhớ một câu của Hy-Hoàng trong bài ông phê-bình « Đồ Độc » của Bính - Nguyên - Lộc, đại ý như thế này : người đọc không lấy làm thỏa mãn vì việc đã xảy ra như vậy, mặc dầu trong thật tế, việc có thể xảy ra như vậy...

Và tôi trộm nghĩ rằng câu nói này không phải là không có lý.

b) — Lễ chúc phúc

Cũng như « Á - Q. chính truyện », — « Không - Ất-Dĩ », — « Nhật-ký của Người điên », — « Con người Cô độc », — « Cổ hương », — « Xót người đã khuất »..., *Lễ chúc phúc* là một đoạn thiên tiểu thuyết rất hay của Lỗ-Tấn.

Truyện tả thân thế, cảnh ngộ một người đàn bà nhà quê hiền lành, chất phác : mụ Trường-Lâm. Góa chồng còn trẻ, trốn lên tỉnh làm mướn, được ít lâu, cô ả bị mẹ chồng cho người lên bắt cóc về, đem gả cho một nông phu miền sơn cước, để lấy tiền lo vợ cho thằng con trai thứ hai (em chồng Trường-Lâm). Người quả phụ phản kháng, đập đầu tự tử, nhưng không thoát...

Ăn ở với chồng sau được một đứa con trai thì chồng sau lại cũng chết. Đứa con trai — thằng Mao — năm ba tuổi, bị chó sói ăn thịt. Mụ Trường-Lâm lại quay lên tỉnh làm cho chủ cũ, nhưng lần này không được chủ trọng dụng như xưa, vì lẽ bị cái chết thảm thương của đứa con thương yêu ám ảnh, mụ đã đâm ra lần cằm, ngó ngàng, gặp ai cũng kể chuyện thằng Mao, lúc nào cũng kể chuyện thằng Mao. Rồi thân tàn ma dại, mụ thành cái trò cười cho mọi

người. Rồi mụ bị chủ cho ra, rồi mụ lang thang ăn mày, rồi mụ chết, chết đúng vào đêm thiên-hạ tung bừng làm lễ « chúc phúc ».

Truyện chỉ có thế. Rất thường và rất Tào. Truyện nào của Lỗ-Tấn cũng đại-khái như vậy : rất thường ; mà tả nhân-vật cho chí tả cảnh, tả tình, thuần dùng lối chấm phá. Đưa qua vài nét chính-yếu và đặc-thù, còn thì để mặc cho tưởng-tượng của độc-giả làm việc. Cho nên văn rất hàm súc mà nhân-vật thì linh-động và « thật » vô cùng, thật tới cái độ siêu thật. Do mấy điểm này, người ta nhận thấy Lỗ-Tấn chịu ảnh-hưởng phái biểu-hiện (expressionnisme) rất nhiều : Tiết-kiệm phương-tiện, làm sao với phương tiện tối-thiểu, đạt tới kết-quả tối-đa. Lối tả thật của Lỗ-Tấn còn làm chúng ta nhớ tới lối tả thật của Gogol nữa : nhân-vật và cảnh-giới của cả hai tác-gia này đều thật đến độ siêu-thật, nhưng hai bên có chỗ khác nhau là từ siêu-thật, Gogol trở nên huyền-ảo, còn Lỗ-Tấn thì siêu-thật đấy mà vẫn cụ-thể. Cho nên, chúng ta thấy « Lễ chúc phúc » phản-ảnh cuộc sống một cách rất trung thật, nhưng các sự-kiện xảy ra trong « Lễ chúc phúc » được óc tưởng-tượng của tác-giả chính-lý lại rất khéo, thành thử đời sống ở đây vẫn hết với đời sống bên ngoài, nhưng phong-phủ hơn, tròn vẹn hơn, thú-vị hơn.

« Lễ chúc phúc » còn có một ưu điểm rõ rệt nữa : tác - giả đã thực-hiện được trong truyện này một thể quân-bình và thống - nhất rất đặc-biệt. Đại - khái viết truyện, thì cùng lúc tả người và thuật việc, bao giờ người ta cũng biểu-diễn xen vào những ý tình, tư-tưởng chủ-quan. Nhưng có nhiều tác - giả phạm phải cái lỗi thiên-lệch, hoặc thiên-lệch trong việc tả người,

thuật sự, hoặc thiên-lệch trong việc biểu-diễn tư-tưởng, ý-tình. Có những tiểu-thuyết-gia có tài đặc-biệt làm « sống » nhân-vật truyện, nhưng lại không gửi được vào truyện những tư-tưởng ý-tình riêng, thành thử truyện có sức hấp dẫn, nhưng thiếu mất ý vị đậm-dà. Một số tác-giả khác quá chú-trọng đến việc gửi gắm ý-tình tư-tưởng vào truyện, không quan-tâm đến nhân-vật truyện, đến nỗi người đọc có cảm-tưởng rằng nhân-vật truyện chỉ là những con người nộm, làm dụng-cụ để đưa ra những ý-tình, tư-tưởng chủ-quan của tác-giả mà thôi.

Kết-quả là truyện thiếu sức hấp dẫn. Lỗ-Tấn trong « Lễ chúc phúc » thì không thể : các nhân vật trong truyện, — từ mẹ

Tường-Lâm, đến mẹ Vệ, đến ông Tư, bà Tư, — người nào cũng rất sống, rất thật mà trong khi đọc truyện, bị truyện hấp dẫn người ta vẫn nhận thấy rõ ràng truyện có tiềm tàng (rất kín đáo) một ý-nghĩa sâu xa. Với Lỗ-Tấn, tả người, thuật việc và biểu-diễn ý-tình, trong « Lễ chúc phúc », được hòa-hợp lại thành một toàn-thể quân bình và nhất-trí. Cho nên đọc một mạch hết, khi gấp cuốn truyện lại, người ta còn thấy mãi dư vị, y như sao khi uống li rượu « Sử-quốc công » hoặc nhấp chén trà « Trăm mã » vậy.

GIẢN-CHI

KỲ SAU : Sơn-Nam, Bà Văn-Trang, Trần-Văn-Khê, Trang-Thế-Hì, Pierre — Kèn Darville cô Trúc-Liên.



Tóm tắt ý-kiến các bài đăng trong 2 kì trước và ghi những vấn-đề cùng câu hỏi được nêu lên hay được gợi ra

Chúng tôi có phần này là để các bạn đọc mới của « Bách-Khoa » được biết nét chánh trong các bài trả lời từ hai hay ba số trước, và để giúp các bạn đọc cũ nhớ lại, đăng cuộc theo dõi hứng thú thêm ; chúng tôi lại mong sẽ được nhiều bạn góp ý-kiến, hầu bài khép lại cuộc không-vấn đầu tiên về văn-ngệ của « Bách-Khoa » nhờ đó mà đầy, đủ, vui, tươi.

* Số 68.

A. — Ý-kiến

XXII. — Lê-Văn-Trương cho hay nhất.

* Samandji của Nguyễn-Công-Hoan : dĩ-dõm, giản-dị.

Không nói gì về truyện ngoại-quốc, mà chỉ bàn qua về văn-chương Pháp.

XXIII. — Nguyễn-Phúc thích :

* Chữ tình, Mụ Đế-quốc của Võ-Phiến ; và vài truyện của Bình-Nguyên-Lộc.

* *L'inévitable blanc, An odyssey of the mort, A piece of steak* của Jack London (Hoa-kì)

Mưa lúc rạng đông của Constantin Paoustavski (Nga)

XXIV. — Võ-Phiến xin kể vài kỉ-niệm hứng thú về việc đọc truyện ngắn trong thời gian gần đây :

* Dòng sông định mệnh của Doãn-Quốc-Sỹ làm anh say mê : thấy tác-giả

gần với mình, cùng sống một thời đại với mình, gặp một tâm-hồn hăm hở, thiết-tha.

— *Bản vệt trời* của Nhất-Linh : giọng văn đùa đùa, nhân-vật có những nét ngộ nghĩnh, phân-tích cảm-giác, dựng khung cảnh liêu động lạ thường.

— *Xa gần* của Trường-Linh : phân-tích tâm-lí rất tinh-tế.

* *Amok*, *Hăm bốn giờ trong đời một người đàn bà*, *Người lái sách*, *Bức thư người lạ*, *Ngõ hẻm dưới trăng* của Stefan Zweig (Áo) ;

— *Một đêm trăng*, *Đức hạnh* của Somerset Maugham (Anh) : Hai nhà văn Áo và Anh này thấu hiểu sâu xa tâm-hồn các nhân-vật và có một lối diễn-tả, phân-tích rất sâu sắc.

— *Mưa lúc rạng đông* của Constantin Paoustovski (Nga) : thở ra sự uể-oải chán nản không hết từ đâu

— *Vườn mẫu đơn* của Nagai Kafu : rất bình thường, nhưng tình-cảm bàng bạc, vương vít khắp nơi.

B. — Văn - đề, câu hỏi được nêu lên hay được gọi ra.

1. — Lê - Văn - Trường cho rằng « dăm chục năm nữa, rừng tác-phẩm của ta rồi cũng chẳng còn mấy ». Lời tiên đoán của tác-giả, « Đưa cháu đồng bạc » có gì đáng đề ý chẳng ? Và hiện nay, ta có thể cho rằng tác - phẩm văn - chương ở phần nửa nước Việt này đã là một cái « rừng tác-phẩm » chưa ?

2. — Giờ đây, xem lại « Sợi tóc » của Thạch - Lam, « Bướm trắng » của Nhất-Linh, các bạn có thấy rằng chúng chỉ cho mình « cái cảm giác trẻ tràng, chậm chạp, thiếu sắc bén » như tác-giả « Đêm không hết » chẳng ?

3. — Các bạn có đồng tình với Vô-Phiến mà cho chủ-trương của Nhất-Linh : viết những tác-phẩm mẫu cho muôn đời, là một chủ-trương... dễ ghét ?

4 — Và cái thái-độ quay lưng lại những cái quẩn quại, hờn đau, hoang mang, dò hỏi của thế-hệ giờ đây để tách riêng ra mà làm thứ văn-chương để « vượt không-gian và thời-gian » nó có thực là... xa lạ với chúng ta, như tác-giả « Chữ tình » nhận xét ?

5. — Có phải giọng văn, nhân-vật, cảnh-trí trong các tác-phẩm của Doãn-Quốc-Sỹ cho ta cái cảm-tưởng được gần gũi với nếp sống của dân-tộc ?

6 — Hầu hết các truyện của nhóm « Sáng-tạo » kỹ-thuật già-dạn, nhưng đưa ra những tâm-trạng kì-quặc — có khi lệch-lạc, bịnh hoạn nữa — , có xa, có lạ với chúng ta chăng ?

* Số 69.

XXV. — Phạm-Tăng thích :

* *Ba con cáo* của Bình-Nguyên-Lộc : một bức tranh xã-hội đương thời, mà màu sắc, âm-thanh, ánh-sáng sơ sơ và bóng tối đặc dày.

— *Dung* của Vô-Phiến : có một cái duyên ngầm, cái lẽ thế đặc-biệt, cái sâu sắc thâm-trầm, các nhân-vật đáng thương mà cũng đáng tội.

— *Miếng bít-tết* của Lý-Thắng : vừa tân kì, vừa khôi-hài, vừa chữi đời một cách quá chua cay.

* *Pho tượng ngọc-hạch* do Lâm-Ngữ-Đường (Trung-hoa) kể lại : một mối chân-tình tha-thiết, thắng cả bao ràng buộc của loài người tạo ra và thắng cả cái chết phũ-phàng, và được thể-hiện

trong một công-trình nghệ-thuật được hoàn-thành bằng tình-yêu bất-diệt và lòng nhớ tiếc không nguôi.

XXVI.— Doãn-Quốc-Sĩ nghĩ rằng sau khi sáng-tác xong một văn-nghệ-phẩm, thì tác-giả hết quyền năng về tác-phẩm mình, nhưng tác-giả « Sợ lửa » lại quên điềm : đối với tác-phẩm của những người chẳng phải là... mình.

XXVII.— Bà Ái-Lan thích :

✱ *Sống chết mặc bay*, của Phạm-Duy-Tồn : diễn tả gọn, rõ, linh động, để rung động tác-giả lúc tuổi còn thơ.

✱ *Tìm hiểu lẽ sống* của Auguste Strindberg (Thụy-diễn) phá ảnh chế-độ và hoàn-cảnh xã-hội của quê hương tác-giả, cũng là tiếng nói của tình-cảm, của nguyện vọng của chung các dân-tộc.

XXVIII.— Thiên-Giang cho rằng « nếu một tác-phẩm văn-nghệ lớn phản-chiếu được cả một xã-hội hay một phần lớn xã-hội thì những truyện ngắn, cũng phản-chiếu một mảnh, một góc cạnh của xã-hội », tức là « phản-chiếu tất cả những lực-lượng chèo treo lẫn nhau, nhưng tất cả đều gây nên một sức mạnh đẩy xã-hội đi tới », và tác-giả « Lao tù » kể một chuyện anh giữ một kỉ-niệm đặc-biệt mà anh quên tên (cả tên truyện và tên người viết) :

— truyện hai người bạn thương nhau rất nhiều, nguyện hi-sinh cho đời, nhưng gặp một tai họa tày trời, hai người không đồng ý-kiến về đường lối cứu-độ dân mà ghét nhau ghê gớm...

XXIX.— Lê - Văn - Siêu cho rằng truyện đã xem hay đã viết mình cho là hay khi nó hòa nhịp với tâm-trạng mình, lúc

khác, thì lại có thể đòi ý kiến, « không có gì là nhất định cả »

XXX.— Nguyễn-Hiến-Lê cho biết có một số truyện ngắn để lại cho anh những ấn tượng khá bền :

✱ *Một đêm trăng của Thế-Lữ*.

— *Tình trong câu hát của Thanh-Tịnh*.

— Nhiều nguyện ngắn của Nguyễn-Tuân trong « Vang bóng một thời » cùng vài truyện của Nam-Cao, Bút-Hiền, Tô-Hoài.

✱ *Đổ Thập-nương và Anh chàng bán dầu* trong « Kim cổ kỳ quan » (Trung-hoa)

B.— Văn-đề, câu hỏi được nêu lên hay được gợi ra.

1.— Một tác-phẩm văn-nghệ ra đời rồi, là người khai sanh ra nó không còn quyền gì đối với đứa con tinh-thần mình chẳng ?

2.— « Nghệ-thuật phải dự vào cuộc sống của loài người », chắc phần đông chúng ta đồng-ý với tác-giả « Lao-tù », nhưng mà dự làm sao, dự cách nào ?

3.— Và có phải « giá-trị nghệ-thuật cao thấp tùy nguồn sống của nghệ-sĩ ăn vào lòng xã-hội sâu cạn và sự đánh giá tùy người thưởng-thức ở vào địa-vị xã-hội nào ? »

5.— Một truyện hay phải chẳng giống với một công-trình kiến-trúc đẹp « phần hồn » của truyện (các khối) và « phần xác » của truyện (đường nét sắc màu, ánh sáng) phải ăn khớp, phải điều-hòa với nhau ?

NGUYỄN-NGUYỄN

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de S aigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

« VIỆT-NAM VĂN-HỌC TOÀN THƯ »

Tiếng nói của tác-giả : HOÀNG TRỌNG-MIÊN

Từ ngày bộ sách Việt - nam Văn - học Toàn-thư ra đời, (cuốn 1 ra trước ; cuốn thứ hai phát-hành vào tháng tới, và lần lượt ra tới trọn bộ 10 cuốn) ngoài những lời giới - thiệu nồng-hậu của các báo Việt, Pháp, một vài nhà viết văn hay viết về học-thuật đã nói đến. Khen hay chê là quyền của dư-luận : một tác-giả để một đứa con tinh-thần rồi, thì đứa con ấy thuộc về thiên-hạ trên phương-diện phê-phán. Đối với lời khen hay chê, tác - giả đều cảm ơn : lời khen có tác-dụng khuyến-kích ; lời chê, nếu đúng, giúp tác-giả nghiên-cứu sửa đổi khuyết-diểm. Tự trung, có những lời phê-bình mà chúng tôi cần có một vài lời để trả lời : một là để trình một lời *giải-thích chung*, hai là để thưa với các bạn đọc chỉ nghe một tiếng chuông, ba là để định luôn một vài vấn-đề nguyên-tắc trong *kỹ-thuật* viết sách cáo-luận hay sáng-tác.



1') Cuốn sách — bộ sách thì đúng hơn — *Việt-nam Văn-học Toàn-thư*, do tôi là tác-giả, do anh Tam-Ích đề tựa, là một bộ sách thuộc vào loại *hợp-tuyển*, hay *tinh*

hoa - lục..., đại - khái như cuốn *Văn-đàn Bảo-giám* của Cầm-Đài Trần-Trung-Viên ngày xưa ; có tác-dụng là tập-trung lại — và hệ-thống-hóa — những sáng-tác-phẩm, ngắn hay dài, của toàn-thể văn-học Việt-nam từ khởi-thủy, giữ lấy kho tàng văn-học Việt-nam, kéo tản nát mất. *Bản chất của loại sách* như vậy, thì sách gồm có hai phần :

a) Một phần là của tác-giả biên-khảo, tham-khảo, nghiên-cứu..., gồm có *tiểu-dẫn*, *chú-thích*, *bình-luận* ; phần này rất ngắn, có thể nói là ngắn lắm. Nói một cách khác, có thể nói là tác - giả gần như hoàn - toàn vắng mặt — nhường sự có mặt cho tác-giả văn-học Việt-nam từ khởi thủy.

b) Một phần là chung hết tác - phẩm ngắn hay dài của gần hết tất cả các tác-giả văn-học Việt-nam từ khởi thủy.

2') *Xét như vậy* thì cái phần B này gồm có hai :

1') Một số sáng-tác-phẩm *truyền khẩu* thì khi *sưu-tầm*, chỉ giữ cốt truyện và nội-dung ; còn lời văn thì mỗi tác - giả hợp

tuyên viết theo ý mình, hoặc là hành - văn theo ý mình, hoặc là theo lời văn một tác-giả cũ (như Nguyễn-Văn-Ngọc, Đỗ-Thận chẳng hạn).

2') Một số sáng-tác-phẩm ngắn hay dài đã thành thứ *văn-học* mà người ta gọi là *văn-học thành văn-học bậc học*... đã ghi lên sách vở, để lại cho đời sau. Những sáng-tác-phẩm này, tác-giả *tinh-hoa lục*, hay thi tuyên, *bảo-giám*, phải trọng nguyên-văn: như trọng nguyên-văn của bà Huyện Thanh-Quan, Ôn-Như-Hầu chẳng hạn.

3') Hoàng-Trọng-Miên là tôi, tác-giả bộ V.N.V.H.T.T., đã trọng những nguyên-tắc trên, và:

1') đã là sách *tinh-hoa lục*, thì dù tôi theo nguyên-văn sách của các tác-giả đã đi trước trong việc trích *văn-học truyền-khẩu*, hay sửa đổi, đó chỉ làm việc theo nguyên-tắc đã định.

2') dù là *tiểu-dẫn*, *chú-thích* hay *bình-luận* (phần riêng của tôi — như đã nói ở trên), tôi cũng không viết sách *sáng-tác* (*oeuvre de création*) mà chỉ viết sách *biên-khảo* (*oeuvre d'érudition*); vì vậy tôi đã phối-hợp tất cả những ý-tưởng những tác-giả đã ra đời rồi và của tôi. Nếu vạn nhất một số ý-tưởng của tác-giả đi trước có mặt trong *phần cáo-luận* của tôi, cũng không phải là chuyện lạ. Việc này xảy cho tôi, cũng như đã xảy ra cho các bậc đàn anh là Nguyễn-Văn-Tổ, Đào-Duy-Anh xưa kia. Các công-trình biên-khảo của nước ngoài cũng không thực hiện ngoài thông-lệ đó.

Như vậy, tôi đã trọng một số nguyên-tắc *biên-khảo* mà quán-lệ đã ấn-định. Và điều

này tôi đã trình bày rõ ràng ngay trong lời nói đầu và lệ sách của bộ V.N.V.H.T.T.



Còn có người nói rằng tôi đã phỏng theo ít nhiều ý-tưởng *Mạc-xít* của Nguyễn-Đồng-Chi, một nhà văn ở miền Bắc, thì tôi xin bạn đọc sách của tôi: có, hay không có trong sách; một tác-giả không thể giấu được bản sắc ý-tưởng mình trong tác-phẩm — trừ phi là bị xuyên-tạc hiểu lầm, cố ý hay vô tình, hoặc vì một thành-kiến lệch-lạc nào đó.

Nói về phương-pháp viết sách, trong lời tựa của Tam-Ích và lời mở đầu của tác-giả cũng đã nói rõ là tác-giả không theo quan-điểm duy-vật biện-chứng và quan-điểm duy-tâm. Và tôi đã đứng lên trên hai quan-điểm đó. Ngoài ra tôi có viết sách về lý-thuyết văn-học đâu mà phải nói rõ cái hệ-thống lý-thuyết đó! Người viết sách trước mắt độc-giả, viết có *đúng* hay *không đúng* — một cách tương đối, vậy thôi. *Duy-vật* hay *duy-tâm* đều tuyệt đối không đúng; vậy sao « phương-pháp tổng-hợp » của chúng tôi, chúng tôi lại dám cho là đúng tuyệt đối? Điều cần thiết là chúng tôi không theo phương-pháp *duy-vật* của những người cộng-sản, mà cũng không theo phương-pháp *duy-tâm* đã bị vượt rồi.

Sao lại có người cứ cố gán cho chúng tôi giấu *ám-ý* trong sách, trong lúc chúng tôi công khai phụng-sự nền *văn-hóa tự-do* của dân-tộc mà bằng chứng rất cụ-thể?

HOÀNG-TRỌNG-MIÊN

T. B. — Trên vấn-đề này, chúng tôi chỉ lên tiếng một lần, lần thứ nhất mà cũng là lần cuối cùng.

XEM QUA

TRIỂN-LÃM SÁCH

TRẦN-QUỐC-ANH

Hồi 9 giờ ngày 14-11-1959, tại sở Thông-tin đường Tự-do, đã mở cửa phòng Triển-lãm sách.

Thoạt vào, ta thấy ngay một đồ-biểu ghi số-lượng các sách xuất-bản từ 1954 đến nay, xếp theo các loại: Triết-học, Văn-học, Luật-học, Kinh-tế... Riêng một đồ-biểu ấy cũng đã cho ta thấy ý-nghĩa của cuộc triển-lãm:

— Trình-bày, kiểm-diểm các tác-phẩm để nhận xét về sự tiến-triển của sáng-tác và ngành ấn-loát:

— Lưu-ý các giới về sự cần-thiết góp phần vào công-cuộc văn-hóa, vì nhất là mới thoạt trông bảng thống-kê treo ở lối ra vào, đã thấy một sự rất đáng lo ngại: tổng-số sách xuất-bản, ở mỗi ngành, cứ ít dần đi từ 1956 đến nay:

	1954	1955	1956	1957	1958	1959
Triết-lý	7	11	8	5	3	2
Văn, Sử-học	9	12	11	12	19	14
Luật-học			1	2	2	3
Kinh-tế		1	1			
Tôn-giáo	21	28	24	17	16	12
Văn-văn (thơ)	5	7	8	12	14	8
Kịch	10	14	16	18	12	8
Sách nhi-đồng	204	227	448	330	292	186
Tiểu-thuyết	120	132	147	125	97	52
Thường-thức	170	80	123	137	98	72
Dịch thuật	22	12	8	14	16	5
Giáo-khoa	810	461	1012	626	523	327
Tổng-số	1468	985	1807	1298	1012	689

Cho nên khán-giả phải tự hỏi : vì sao có tình-trạng kể trên ? Tại giá giấy và công in đắt lên, tại sự phát-hành khó-khăn, khiến các giới trí-thức ngã lòng không viết nữa ? Thiết nghĩ nên có một cuộc điều-tra của giới hữu-trách, để thấu căn-bệnh, mà tìm cách cứu chữa.

Dù sao, thiện-ý của ban tổ-chức cũng đã đáng khen, vì, từ lâu, nay mới được dịp thăm một cuộc triển-lãm bồ-ích rất nhiều. Theo đồ-biêu nói trên, thì các sách xuất bản hàng năm chỉ trên dưới ngàn cuốn, một nửa là sách giáo-khoa, rồi đến các sách về loại nhi-đồng, ít nhất là sách về kịch-trường, về luật-học, về kinh-tế, không có gì về mỹ-thuật, về khoa-học.

Về loại triết-học, ban tổ-chức xếp những sách khảo-cứu về các nền triết-lý căn-bản thời trước, rồi tới các sách về lý thuyết duy-linh, nhân-vị. Phần nhiều tác-phẩm phổ-biến triết-lý *Nho-giáo*, *Phật-giáo*, *Lão-Tử*, *Mặc-Tử*... Nhưng tại sao, lại bày ở đó cuốn dịch « *Phương-pháp-luận* » của Đại-học Huế ?

Về học-thuyết nhân-vị thì các sách chiếm tới hai kệ, nhưng coi kỹ, phần nhiều là biên soạn nhằm mục đích phổ-biến.

Các sách Sử-học ngoài cuốn *Việt sử tân biên*, phần lớn là các sách có tính cách giáo-khoa, để thường chưa cuốn nào làm lu mờ được cuốn *Việt-Nam sử lược* của Trần-Trọng-Kim hay còn được đóng bìa da và chiếm một chỗ vinh-dự trong khu đó.

Trong khu vực văn-học, cuốn *Việt-Nam văn-học toàn thư* của Hoàng-Trọng-Miên được trưng bày nổi bật giữa một số sách giáo-khoa khác mà những tập có giá-trị vẫn là mấy quyển *Việt-Nam văn học sử* và *Việt-Nam thi tuyển* của Dương-Quảng-Hàm.

Bước sang lãnh-vực Luật-học, ngoài bộ *Tự-điền Pháp-luật* của Vũ-Văn-Mẫu, Nguyễn-Văn-Trác, Đào-Văn-Tập, khán-giả hẳn lưu ý đến hai cuốn *Việt-Nam dân luật lược khảo* của Vũ-Văn-Mẫu, *Luật Thương mại* của Lê-Tài-Triều, bộ *Lược-khao về hiến-pháp các nước Đông Nam Á* của Đoàn-Thêm. Các sách luật học phổ-thông của Phan-Văn-Thiết, Lê-Tảo, chỉ giữ một chỗ quá khiêm-tốn bên những tạp-chí và các bộ luật cũ của ta.

Ở khu kinh-tế, các tạp-chí *Chấn-hưng Kinh-tế* và *Thống-kê* phô bày các bìa đóng rất đẹp. Duy cuốn *Kinh-tế học* của Dương-Đình-Khuê tro tro đứng ở một góc như thiếu đồng-nghiep.

Các kệ trưng bày sách chính-trị có vẻ sầm uất hơn. Phần nhiều sách phô bày những sai lầm, bịp bợm, tội ác của Cộng-sản. Tuy còn thiếu những lý-thuyết chính-trị khác tự cổ chí kim, từ Tây sang Đông, nhưng cũng nổi bật được quyết-tâm chống Cộng của các giới biên soạn về chính-trị.

Khu-vực chính-trị tuy rộn ràng, nhưng chưa phong-phú bằng khu Tôn-giáo chiếm tới 10 kệ sách ! *Bible*, sách lễ, các *Kinh A-di-đà*, *Sấm Cao-Đài*... không thiếu gì tài-liệu cho những ai muốn quay về đời sống tâm-linh.

Tiếp đến, hiên Dịch-Thuật trình bày đủ các sách dịch Pháp-văn (2 kệ), Anh-văn (3 kệ) và Hán-văn (2 kệ). Sách dịch Pháp-văn vẫn chưa có những cuốn khác ngoài *Phương-Pháp-luận* của Descartes, *Đời đạo-lý* của Carton và *Tấm lòng vàng* của E. De Amicis. Các sách dịch Anh-văn nhiều hơn, mới hơn, ích-lợi thực-tế hơn. Về ngành Hán-văn, ngoài những cuốn *Luật Hồng - đức*, *Lịch - triều hiến - chương*,

Hoàng-lê nhất-thống-chí, nổi bật chỉ có cuốn *Đường Thi* của Đỗ-Bằng-Đoàn và Bùi - Khánh - Đan, (nhưng sách này chưa in bán).

Song ngành tiểu-thuyết, thì những cuốn sáng-tác trước 1954 được đặc-biệt lưu-ý về lượng cũng như về phẩm. Sau năm 1959, chỉ vẻn vẹn có 9 cuốn ; không có một cuốn nào nói đến cuộc di-cư vĩ-dại, đến những người khai sơn phá thạch, thành lập định-diễn. Phải chăng lúc này thiếu đề-tài ?

Ý-nghĩ trên đến với chúng tôi, vì ghé mắt sang vườn thơ, trên 5 kệ sanh đồ đẹp mắt, các tập to có, nhỏ có, nhưng không tập nào vượt ngoài lẽ lối trước 1954 : cũng chỉ *Lệ-Thu*, *Mộng-Mị*, *Tình-duyên*... ngoài cuốn *Từ-Thức* của Đoàn-Thêm cố-gắng tìm đường, cuốn *Tiếng cống đưa* của Bằng-Bá Lân tả cảnh thôn-quê mộc-mạc.

Tủ sách kịch, thì ngoài cuốn *Thành-Cát Tư-Hán* của Vi-Huyền-Đặc, không một sáng-tác nào mới.

Được cái là tủ sách « Giáo-dục gia-đình và thanh-niên » kể bên phong-phú hơn với những loại sách kiểu *Học làm người* của các nhà xuất-bản Phạm-Văn-Tươi và Nguyễn-Hiến-Lê.

Cả tủ sách khoa-học thường-thức ngoài cuốn *Vit-trùng học* của bác-sĩ Nguyễn-văn-Ái, khán-giả lưu-ý đến các tập của *Kỹ-sư Lâm-Văn-Vàng*.

Phần dành cho từ-diễn thì trừ các từ-diễn Anh-Việt, Việt-Anh... chưa có một

cuốn Từ-diễn Việt-Nam, một bộ Hán-Việt từ-diễn thật đầy đủ, nghĩa là có cả những chữ khoa-học mới. Nhưng tìm thấy cuốn *Danh-Từ Kỹ-Thuật* của các giáo-sư trường Cao-Thăng biên tập, ta cũng thấy đôi chút yên tâm vẫn còn người lo trau dồi tiếng mẹ đẻ trong phạm-vi thực-tiến.

Trước khi ra về, khán-giả phải qua các kệ bày sách giáo-khoa xếp theo thứ-tự, trình-dộ học, và các môn học. Một nhận xét : Các sách cho trẻ em in còn cầu thả, hình vẽ lèm nhèm, trình-bày chưa đủ mỹ-quan. Một cảm-tưởng : các thầy bậc trung-học, tiểu-học biên-soạn rất nhiều. Ngoài nhóm Đại-học ở Huế tỏ nhiều cố gắng, ta thấy các sách bậc Đại-học hầu như vắng mặt. Phải chăng những người dám làm, phần đông vẫn là những người thiếu phương-tiện và thiếu văn-bằng lớn ?

Nếu sau cuộc triển-lãm này, chính-quyền lưu-tâm đến những người biên soạn về các ngành khoa-học, kỹ-thuật, mỹ-thuật, luật-học, kinh-tế hơn ; nếu các nhà học-giả chuyên chú vào các ngành nói trên và các sinh-viên Đại-học hơn nữa ; nếu các nhà xuất-bản in sách giáo-khoa thêm thận-trọng và nếu Văn-Hóa-Vụ có một chương-trình hoạt-dộng và nâng đỡ các văn-ngệ-sĩ thiết-thực hơn thì cuộc Triển-Lãm sách này là một thành-tích rất vẻ-vang của ta trên lãnh-vực văn-hóa.

TRẦN-QUỐC-ANH

★ Người ta không bao giờ xử-sự theo qui-tắc của lý-trí tình-thuần, người ta cần phải trông thấy lý-tưởng thể-hiện ở một người nào, và chỉ có gương-mẫu của người này mới lôi cuốn được họ đi.

VỊ-XUYẾN ĐIỀN-GIA

Tà dương chiếu khư lạc,
Cùng hăng ngư dương qui.
Dã lão niệm mục - đồng,
Ý trượng hậu kinh phi.
Trĩ hú mạch miêu tú,
Tầm miên tang điệp hi.
Điền - phu hạ sừ chí,
Tương kiến ngữ y y.
Tức thử tiến nhân dật,
Trướng nhiên ngâm Thức-Vi...

VƯƠNG-DUY

NHÀ NÔNG Ở VỊ-XUYẾN

Bóng chiều ngả làng xóm,
Ngõ hẻm trâu dê về.
Lão quê mong trẻ mục,
Chống gậy tựa cửa tre.
Xít kêu bóng lúa tốt,
Tầm ngủ dâu thừa đi.
Bạn đồng vác quốc lại,
Gặp nhau truyện rằm rì.
Thích cảnh nhân dật thế,
Bổng ngâm thơ « Thức-Vi »...

Á-NAM dịch

Phân chú giải

Cái cảnh nhà Nông ở đất Vị-xuyên, mỗi khi buổi chiều hôm, bóng tà soi vào các nơi thôn lạc thì ta thấy những đặc điểm khác hẳn mọi nơi: Những đàn trâu dê lũ lượt kéo nhau từ phía đồng ruộng lui về theo vào những nơi ngõ hẻm.

Trong lúc đó, những ông già trong làng xóm, đương trông ngóng bọn trẻ mục-đồng thường thường chống cây gậy đứng tựa nơi cổng tre mà đón chúng.

Chính những ngày cuối mùa Hè đó, ở ngoài cánh đồng xa xa, đôi khi có tiếng những con gà-đồng xao xác đưa kêu, báo cho ta biết là lúa đã trở bông rồi và sắp sửa tới kỳ thu hoạch. Hơn nữa là những nông tằm nuôi ở trong nhà hiện đương đến tuần yên ngủ (tằm ngủ tức là nuôi tằm đã sắp tới tuần thành kén) khiến cho những cây dâu thừa lá dần đi.

Bọn nông phu vác cây vác cuốc từ ngoài đồng trở về, trong lúc gặp nhau rì rầm trò chuyện, ra dáng vui vẻ tự đắc với nhau, nhưng như không thể xa rời nhau được.

Riêng phần ta đây, đứng trong cảnh huống như thế, ta càng sinh lòng ưa thích cái sinh-hoạt nhân-nhã của chốn nông thôn; bất giác ta nhớ tới những câu thơ vị trong bài thơ Thức-Vi (1) ở kinh Thi mà ta thốt lên ngâm đọc để gửi chút tình vui sướng của ta...

(1) Tên một bài thơ trong Bội-phong ở kinh Thi, ngụ ý một người tôi theo một ông vua bị lưu lạc ở quê người nên phải phân nan than thở và khuyên nhà Vua gặp cảnh suy vi quá nổi, phải nên gấp rút toan tính trở về.

LỜI THÚ TỘI

Truyện trào lộng của TCHÉKHOV

LÊ-TÂY-SƠN dịch

★

TRONG một ngày trời quang đãng và rét mướt, tôi tự nhiên cảm thấy tâm hồn thanh thản nhẹ nhàng như một anh đánh xe nhờ sự vô ý của hành khách nhận được tiền vàng thay vì đồng tiền bạc. Tôi không hiểu tại sao tôi lại có lúc muốn khóc, muốn cười, muốn van xin. Hồn tôi như bay bổng lên trên chín tầng mây vì câu chuyện tôi mới được bồ làm thủ-quĩ.

Điều làm cho tôi vui sướng lúc này không phải điều tôi có thể ăn bớt ăn xén tiền quĩ vì lúc đó tôi chưa nghĩ đến chuyện làm một tên ăn cắp. Sau này rất có thể tôi sẽ dút lót chút ít cho kẻ nào nói xấu tôi khi tôi thâm lạm công quĩ. Nhưng bây giờ thì tôi chỉ sung sướng có một việc là tôi được ăn lên, tiền lương được tăng chút đỉnh và chỉ có thế thôi.

Tuy vậy tôi cũng còn có lý do khác để vui sướng là ngay lúc tôi vừa được bồ nhậm tôi thấy thành linh hình như có một số người đã hoàn-toàn thay đổi hẳn thái-độ đối với tôi. Tôi xin lấy danh-dự thế là sự thật như thế. Tôi có thể nói là họ trở nên tốt hết. Những kẻ dứ thành hiền, người kiêu hãnh trở nên nhún nhường, kẻ chán đời ích-kỷ thành người yêu đời bác-ái. Tôi thấy tôi như người ban ơn cho thiên-hạ và đột nhiên tôi thấy tôi có nhiều tính tốt

phải thường. Khi tôi nhìn mọi người, tôi phải dụi mắt thăm nhủ : « Quả thật kỳ dị hay là có biến cố gì xảy ra cho mọi người, có lẽ trước kia tôi ngu ngốc không để ý đến các tính tốt của mọi người. Nhân-loại thật tốt đẹp rồi ».

Anh Ba Khuếch, một hội-viên của công-ty trước kia là một kẻ kiêu hãnh khinh người « mục hạ vô nhân » nay cũng thay đổi hẳn. Ngày tôi được bồ nhậm chức thủ-quĩ anh Ba Khuếch đã lại gần tôi với nụ cười khả ái, anh vỗ nhẹ vào vai tôi và nói :

— Quả thật tuổi của anh là tuổi hay tự cao, điều ấy không tốt đâu nhé, không bao giờ tôi thấy anh đến thăm gia - quyến tôi lần nào hết. Tại sao vậy, anh bận rộn lắm à ? Ở nhà tôi thường có những buổi họp bạn vui lắm. Mấy đứa con gái tôi nó thường vẫn hỏi tôi về anh. « Tại sao ba không mời chú Năm Hiền đến chơi. Chú ấy vui vẻ tử tế lắm mà ». Tôi phải trả lời các con tôi rằng : « Ba có thể nào nắm tay chú ấy lôi đi được không ? À thôi để ba thử mời ». Bây giờ thì anh đến tôi chơi nhé.

Thật quái-dản, không biết có gì xảy ra cho anh ấy mà anh ấy lại tốt với tôi đến thế.

Ôi cuộc đời khó hiểu quá !

Cũng vào ngày đó tôi về đến nhà tôi kinh-ngạc vô cùng, mẹ tôi dọn cho tôi bốn đĩa đồ ăn thay vì hai đĩa như mọi khi. Buổi chiều, khi uống trà người lại cho tôi ăn nào mứt nào bánh ngọt. Và ngày hôm sau cũng cơm đĩa đồ ăn, trà có mứt có bánh ngọt có. Rồi ngày nào cũng thế, mỗi khi có khách tôi lại có cả sô-cô-la mời khách uống nữa.

— Có chuyện gì xảy ra thế mẹ. Mẹ rộng rãi quá đấy nhé ! Tiền lương của con chỉ tăng lên chút ít chứ có tăng gấp đôi đâu.

Mẹ tôi nhìn tôi rất dò hỏi kinh-ngạc.

— À con sẽ làm gì với số tiền đó ? Bộ con muốn để dành tiền chờ đợi đồ đạc chơi phải không ?

Tôi không còn biết phải hiểu thêm gì nữa. Cha tôi đi đặt một cái áo bông lót lông thú và mua một cái nón mới. Trước mùa đông cha tôi sửa soạn chữa bệnh bằng nước khoáng-tuyền và dùng nho tươi. Năm ngày sau tôi nhận được thư của anh tôi. Anh tôi cho biết không còn khổ vì tôi nữa. Trước kia chúng tôi xa nhau vì bất đồng ý-kiến. Anh tôi cho tôi là một thằng người ích-kỷ ăn bám vào cha mẹ, không biết hi-sinh, phấn-dấu. Vì thế mà anh tôi ghét tôi. Tôi đã đọc đi đọc lại đoạn thơ sau đây của anh tôi : « Em thân mến. Anh thương em lắm. Em không thể nào tưởng tượng được những nỗi khổ-tâm sau cuộc cãi vã đã xảy ra giữa anh và em. Vậy chúng ta hãy hòa-thuận với nhau nhé và chia tay ra để xiết chặt tình máu mủ ruột thịt lại. Anh xin nguyện hứa giữ mãi mãi bền chặt



tình huynh-đệ. Trong khi chờ đợi em trả lời, anh xác nhận lại với em một lần nữa anh lúc nào cũng là người anh thân mến của em. Hôn em và xiết chặt tay em. Anh của em. *Ba Xạo.* »

Tôi đã trả lời cho anh tôi, là tôi hết sức sung-sướng khi được ôm anh tôi vào lòng.

Một tuần sau, tôi nhận được bức điện-tín sau đây của anh Ba Xạo.

« Cảm ơn em. Anh hết sức sung sướng. Gửi ngay cho anh một trăm rúp.

Cần gấp lắm. Hôn em. Anh Ba Xạo?"

Tôi vội lật đật tới ngay nhà bưu điện gửi bưu-phiếu một trăm đồng rúp cho anh Ba Xạo.

Cả vị hôn thê của tôi cũng thay đổi. Trước kia nàng chẳng hề yêu tôi. Tôi và nàng đã xích mích nhau và có lần tôi rượt đánh nàng, nàng chửi tôi là quân vũ phu, đồ xỏ lá. Một tuần sau khi tôi được bổ nhiệm chức thủ quỹ, nàng gặp tôi vui vẻ cười nói, tuy hơi có vẻ lúng túng ngượng-ngượng một chút.

— Có chuyện gì xảy ra với anh không?

Nàng vừa hỏi tôi vừa nhìn tôi với cặp mắt âu yếm.

— Anh có khuôn mặt thật đẹp trai và hiền từ. Hôm nay chúng ta đi khiêu vũ nhé.

Một tháng sau mẹ của nàng thành mẹ vợ tôi. Mặc dầu tôi không có tiền cưới vợ nhưng tôi cũng tươi cười lấy đại trong quỹ ba trăm rúp ra tiêu.

Người ta có thể lấy tiền quỹ ra tiêu khi người ta biết rằng đến cuối tháng lãnh lương sẽ có tiền trả lại nên người ta không rụt rè áy ngại. Tôi lại lấy thêm một trăm rúp cho Ba Khuếch vay vì tôi biết tôi khó có thể từ chối đối với hắn, một người có quyền thế có thể sa thải nhân viên bất cứ trong lúc nào.

Một tuần trước khi tôi bị bắt, tôi đã theo lời yêu cầu của các bạn đồng nghiệp tổ chức một đêm dạ hội thật tưng bừng. Tôi mặc kệ tất cả, dù sao đi chăng nữa tôi cũng cho mọi người chén một bữa thỏa thuê lòng thèm muốn của họ. Đêm dạ hội ấy, tôi không đếm xem có bao nhiêu người,

nhưng tôi nhớ tất cả có đến chín gian phòng đầy khách, khách đủ loại già trẻ trai gái. Trong số khách của tôi có nhiều nhân vật Ba Khuếch phải nghiêng mình chào. Các con gái của Ba Khuếch trang sức thật lộng lẫy. Đứa lớn hơn hết là nhân tình của tôi đeo kim cương sáng chói. Quang cảnh đêm dạ-hội thật vui vẻ tưng bừng và náo-nhiệt. Âm-nhạc du-dương, hoa-đăng sáng chói, rượu sâm-banh như thác lũ đổ ra. Người ta đã đọc những bài diễn văn rất dài. Một thi-sĩ đã làm thơ, một nhạc-sĩ đã làm bài hát đề chúc tụng tôi.

“Ở nước Nga của chúng ta ít có người biết thưởng thức hoặc mến phục những người như ông bạn Năm Hiền của chúng ta. Thật là khốn nạn cho nước Nga của chúng ta quá.”

Ba Khuếch đã nói như thế sau bữa ăn.

Sau khi ăn uống thỏa thuê, mọi người ôm nhau nựng nịu. Khi tôi vừa xây lưng, họ lên nói thầm với nhau rồi cười và thở dài.

— Thằng nhãi con này đã ăn cắp.

Phải chăng họ nói lên tôi với những nụ cười nham hiểm.

Tuy thế, những tiếng thở dài, những cái nhăn mặt cũng không ngăn họ ăn uống vui chơi thỏa thích.

Quả thật loài người bất kỳ môn gì, vật gì cũng đều “sục” và ngốn trôi hết. Chỉ có người mắc bệnh đi giải ra đường và chó sói là không soi được trướng như mọi người thôi.

Vợ tôi đeo vàng nạm kim cương sáng rực tiến đến bên tôi nói nhỏ.

— Ở đằng kia người ta nói mình ăn

cấp. Nếu thật thế mình nên đề phòng. Tôi không thể nào sống chung được với một thằng ăn cắp như mình. Tôi sẽ bỏ đi xa.

Mặc dù đã nói như thế, vợ tôi cũng đã sắm thêm năm ngàn rúp đồ nữ trang lúc chiều. Ba Khuếch lấy thêm một ngàn rúp và anh Ba Xạo cũng mượn thêm một món tiền ngang với Ba Khuếch.

— Nếu quả đúng như lời người ta đồn, chú nên đề phòng. Còn tao thì từ này không phải là anh một thằng ăn cắp như mày.

Anh tôi vừa nói vừa rút tiền vào túi.

Sau buổi khiêu-vũ, tôi lấy xe lần lượt chở hết mọi người ra ngoại-ô. Công việc này tới sáu giờ sáng mới xong. Một là vì rượu, vì gái, mọi người nằm dài trên

xe về nhà. Khi xe bắt đầu chuyển-động, mọi người la lớn và ra dấu từ biệt tôi.

— Ngày mai sẽ có quan thanh-tra đến... chào anh và cảm ơn anh.



Thưa các bạn, thế là tôi bị bắt. Tôi không cần phải nói chi cho dài dòng mất thì-giờ nữa. Tóm lại trước kia tôi là người ngay thẳng thành thật, nhưng vì người ta bợ đỡ nịnh hót mà ngày nay tôi trở thành một tên ăn cắp, gian lận, biến-thủ. Bây giờ các bạn hãy chửi tôi, chà đạp đày dọa tôi, lấy đá ném tôi, phải, hãy ném đá vào người tôi, nhưng ít thôi nhé.

LÊ-TÂY-SƠN dịch

A. Tchekhov

★ *Exempla trahent* : gương mẫu lôi cuốn người ta. Gương mẫu cụ thể-hóa một hành-vi, một thái-độ trước vốn chỉ là trừu-tượng trong ý-tưởng của người ta.

★ Đem việc làm dạy người ta thì người ta theo ; chỉ đem lời nói dạy người ta thì người ta không phục (Đệ ngũ luân).

« Qua điền lý hạ »

Cổ thi có câu :

« Qua điền bất nạp lý,

Lý hạ bất chỉnh quan,

(Qua ruộng dưa không cúi xuống sửa giày,

Đi dưới cây mận không giơ tay sửa mũ)

Câu thơ có ý khuyên người ta nên giữ gìn hành-vi, cử chỉ để tránh những điều hiềm nghi bất lợi, do ngộ nhận mà ra. Câu ấy thường đọc tắt là : « Qua điền lý hạ » (ở ruộng dưa, dưới cây mận).

NIỀM VUI

Tôi chẳng bao giờ cô-độc
Dù người yêu sớm nhạt tình
Dù cả mùa hoa hạnh-phúc
Tàn theo năm tháng trôi nhanh

Đổi thay lòng người muôn thuở
Mong gì một mối tình sâu
Kiếp người đã là vô nghĩa
Buồn chi chuyện cũ không đâu

Tôi chẳng bao giờ cô-độc
Dù tay còn trắng đơn sơ
Quyến thuộc thờ-ơ rẻ-rụng
Một mình xa xẻ bơ-vơ...

Tôi chẳng bao giờ cô-độc
Cuộc đời dù rất đơn-côi
Quán trọ quẻ hùn hui-quạnh
Đi về lặng-lẽ im hơi.

Tôi chẳng bao giờ cô-độc
Dù không vợ đẹp yêu-kiều
Dù không một vài con nhỏ
Đời tàn không mãi tranh yêu

Tôi chẳng bao giờ cô-độc
Dĩ-vãng dù tràn đau-thương
Hiện-tại dù đầy gai-góc
Ngày-mai dù trắng mây vương

Tôi chẳng bao giờ cô-độc
Khi lòng vẫn đậm tình thương
Con tôi kìa đàn em bé
Vui đùa khắp nẻo quê-hương

Tôi chẳng bao giờ cô-độc
Dù trong bệnh-viện trơ-vơ
Lạnh-lùng đến giờ nhắm mắt
Nhập hồn cây cỏ hoang-sơ

HƯƠNG-QUY

GIA ĐÒ YÊU

TRANG-THẾ-HY

ĐANG là mùa nước. Ba má thường vắng nhà luôn. Ba đi nhổ mạ, dọn đất. Má đi cấy hay dặm lúa.

Con Thơ ở nhà một mình hoài, đáng lẽ buồn, Nhưng con Thơ không buồn. Xách đầy lu nước, che nắng giàn thuốc con, rải lúa cho gà ăn xong, Thơ khép cửa, chạy ra sân, chun ngang hàng rào trà, lòn-lòn giữa ruộng mè, rồi bước sai-sải trên đám bắp tơ mới tủa chưa vô phân, cất tiếng kêu thằng Hiệp :

— Hiệp ơi ! Hiệp ! Qua tao chơi Hiệp !

Thằng Hiệp cũng ở nhà một mình như con Thơ. Ba má Hiệp không làm ruộng như ba má Thơ. Ba nó đánh xe ngựa, phải ra đi hồi nửa khuya, cho má nó « có giang » trong chuyến đầu tiên để ra chợ bán đồ giồng : mướp, dưa, cà, bí, chắt nhóc một xe đầy.

Không nghe Hiệp lên tiếng, Thơ biết bạn nó đi cắt cỏ ngoài trền giồng chưa về. Nó chạy ra tàu ngựa đứng chờ. Nó chờ không bao lâu. Mười phút sau, Hiệp hiện ra đằng cuối con đường mòn, vai gánh một gánh cỏ lùm-lùm làm cho cái thân hình non tơ mới chín tuổi của nó cóm róm.

Vừa thấy con Thơ, nó cười chúm-chím, cầm giỏ lên khoe một trái xoài non mới lượm được. Thơ mừng rỡ chạy đến vỗ lấy. Hiệp giựt lại, không phải theo kiểu của thằng bạn lão ăn, mà bằng một cử-chỉ nô đùa chơi cho vui.

Thơ biết vậy nên Thơ không hờn, Thơ biết chắc rằng Hiệp lượm xoài là cốt để cho Thơ.

Nó vịn cây đòn xóc, biểu Hiệp để gánh cỏ xuống, hỏi :

— Nặng hôn ? Để tao gánh tiếp cho.

Thơ mới tám tuổi. Nhưng con gái nhà nghèo ở giồng áng cỡ tuổi đó đã biết gánh gồng rồi.

— Nặng lắm. Mầy gánh hồng nôi dàu. Tao cả - mô cắt thiệt nhiều cỏ để khỏi đi một chuyến nữa. Thành ra gánh muốn ọ xương sống.

— Nồi mà. Để tao gánh thử coi. Tao gánh nôi một dàu hai bó mạ, một bó lúa búng chó phải chơi sao.

Vừa nói, Thơ vừa kê vai vào cây đòn xóc, nhấc thử. Gánh có nặng thiệt. Thơ le lười, lắc đầu rồi để gánh xuống.

Hiệp đưa trái xoài cho bạn. Thơ cầm lấy, thấy cuống còn tươi mủ liền hỏi :

— Bộ mấy háit trộm của thằng cha bộ Sơn hà :

Hiệp cười :

— Chớ sao. Xoài rụng tụi nó lượm hời hững sáng hết tụi rồi.

— Mấy hồng sợ thằng chả sao :

— Sợ chớ. Nhưng chả đi chợ rồi. Hồi khuya, chả « có giang » xe ba tao. Thôi đang chỗ. Tao gánh rút về rồi tụi mình đi cắt chòi. Ý ! mà còn phải dắt ngựa đi quần nữa chớ.

Thơ bỏ túi trái xoài, bước theo Hiệp, căn-nhăn :

— Còn quần ngựa nữa. Rầu quá ta. Hồng quần được hôn Hiệp ?

— Đâu được. Ông già ông hay lắm. Bữa nào làm biếng hồng dắt ngựa đi quần, trư về ông biết liền.

Con Thơ xju mặt ngay. Nó nghĩ đến cái chòi của hai đứa cắt mới nửa chừng ngoài bờ giếng, sau hè nhà nó, dưới tàng cây khế ngọt. Nội buổi sáng này, phải cắt cho xong để làm đám cưới. Thằng Hiệp phải dắt ngựa đi quần thì chương trình đó kể như gậy.

Hai đứa trẻ đã vô tới tàu ngựa. Trong lúc Hiệp tuôn cò vô máng, Thơ lấy gàu lại giếng xách nước giúp bạn. Xong xuôi, nó nói :

— Thôi tao về ghen. Quần ngựa rồi qua chơi.

— Ờ, qua chớ.

Giọng nói của hai đứa đều thoang-thoảng buồn, cái buồn của những đứa trẻ ham chơi nhưng không muốn cãi lời cha mẹ dặn.

Thơ đi mười bước, Hiệp kêu lại :

— Thơ ! Đứng lại nói này nghe

Thơ quay lại chưng-hửng :

— Gì vậy ?

— Ấy ! Đứng đó đi. Nói này nghe ngộ lắm mà.

Thơ đứng lại chớ. Hiệp bước lại gần, chỉ tay lên ngọn cây sầu-dâu nói :

— Đỡ mày biết cái ồ chim gì mới lót ồ trên đó.

Thơ ngược lên nhìn, tìm tòi không thấy gì cả, liền cự :

— Láo hoài hề. Lo dắt ngựa đi quần. Ở đó giống.

Hiệp cười hề-hề chỉ một con sâu mè đang đo trên mặt cát cách chỗ hai đứa đứng độ mười bước.

Thơ giùng mình kêu ú ớ một tiếng lớn rồi đeo dính vào người Hiệp. Nó hiểu lập tức tại sao Hiệp nói gạt biếu nó nhìn lên ngọn sầu-dâu kiểm ồ chim. Thơ có tật sợ sâu. Sâu đeo nó, nó sợ đến chết giắc được. Hiệp biết rõ như vậy mới bày đặt vụ ồ chim để bắt giùm con sâu mè đeo trên người nó, xong xuôi rồi mới chỉ cho nó coi.

Nó nghĩ mà thương thằng Hiệp vô kè. Theo như đứa nào rắn mắ, đứng đằng xa hô lên nhất nó chơi, thì này giờ nó lăn tròn dưới đất mà chết giắc rồi.

— Đeo chỗ nào vậy Hiệp : Ở vai áo hả ? Thơ hỏi, giọng chưa hết kinh hãi.

— Đeo trên tóc mới ớn chớ.

Thơ giùng mình lăn nữa trong lúc Hiệp âu yếm vuốt tóc bạn, ý như phải bỏ tất cả cái gì đáng sợ về con sâu, rồi nói giọng dần anh :

— Tóc con Thơ gần kẹp được rồi ta. Day mặt lại coi, nhỏ !

Thơ quay mặt lại cười và chợt thấy Hiệp nhìn nó một cách rất lạ. Hai tay Hiệp vòng ra sau ót nó lại theo kiểu tóc kẹp.

Nó nghĩ có lẽ với lối vén tóc ra sau như vậy, khuôn mặt nó hơi lạ đối với Hiệp vì mất chòm tóc phía trước trán và hai bên gò má lõa-xỏ chấm vai. Giọng nói của Hiệp cũng rất lạ. Xa xôi mà buồn buồn :

— Nói vậy, chớ đừng thêm kẹp nghen Thơ. Hớt bớt ngọn rồi để vậy đi.

— Sao vậy !

Hiệp muốn nói gì rồi lại thôi. Nó buông cho tóc Thơ xỏ ra, trở về vị trí cũ, lấy tay vuốt cho ngay ngắn, rồi âu yếm mỉm cười, biểu :

— Thôi về đi nhỏ. Đi vòng, đừng có chun lỗ rào, lòn-lòn trong đám mè, sâu nó deo nữa da.

Thơ ngoan ngoãn đi vòng ngã trước, không đi tắt. Ra tới ngõ, nó ngoái lại nhìn Hiệp, cười chúm-chím. Hiệp cười theo bạn.

Đằng hướng Đông, mặt trời lên được vài sào, cũng cười với đôi trẻ.

CON THƠ ngồi trong cái chòi làm bằng nhánh dứng-dính, cắt mới phân nửa, vén tóc ra đằng sau ót, và buộc lại bằng một sợi giây mo-nang cau héo queo, lấy trong hàm râu hát bội của cuộc chơi hồi hôm qua.

Nó ức trong bụng vì không có cái gương soi để nhìn khuôn mặt nó coi thế nào mà thằng Hiệp tỏ vẻ không thích, biểu nó để tóc xấp-xảy như vậy, đừng có kẹp vén ra sau ót.

Nó tính trở vô lu nước mới xách dầy đề dùng mặt nước làm gương, thì thằng Hiệp từ phía sau len-lén lòn tay tới, bịt mắt nó. Nó không thèm gỡ tay thằng Hiệp ra, nói giọng hăm he :

— Chết rồi ! Có dứa làm biếng dất ngựa đi quăn. Tựa bác ba về mét chơi.

Thằng Hiệp cười :

— Khỏi sợ đi bạn. Tôi mà bị đòn thì bạn cũng lo kiếm mo lột dít.

— Sao vậy ?

— Tại bạn rủ tôi cắt chòi, tôi mới bỏ quần ngựa... Nói chơi vậy chớ, tao có dất nó đi cầm chừng vài vòng rồi. Mấy biết hôn ? Tao mánh lới lắm. Tao làm bộ dất tuốt lên ngã ba, bẹo cho thằng cha Mười-quán chả thấy dằng hoàng, có bề gì chả bình tao. Phải ăn gian ông già như vậy để cắt cho rồi cái chòi chớ.

Bây giờ Thơ mới gỡ tay Hiệp ra nói :

— Thôi Hiệp à ! Chòi cắt như vậy được rồi. Leo dốn tàu dứng-dính, kiến vàng cần chết.

— Cần tao chớ cần mấy sao ?

— Sâu mè deo tao mầy bắt giùm. Kiến cần mầy tao đứng dưới đất, bắt hồng được, tao nóng ruột chớ.

Hiệp khoan-khoái vuốt tóc bạn rồi nhìn sơ qua cái chòi nói :

— Chòi như vậy mà làm đám cưới cái gì ?

Thơ lắc đầu :

— Hồng làm đám cưới. Mất công lắm. Phải lấy vừng sắn gạo làm nón cụ, kiếm khăn làm áo dài, rồi còn phải khay hợp, mâm trầu cau, đủ thứ. Bữa nay ba tao đi nhờ mạ, vác ghe theo rồi, lấy gì làm bàn thờ ?

— Hồng làm đám cưới thì bày cái gì chơi bây giờ ? Bán tiệm với hát bội hoài nhàm lắm.

Thơ ngẫm nghĩ một lúc rồi bàn :

— Tội mình giả đồ như làm đám cưới lâu rồi. Bây giờ vợ chồng mới ra riêng như anh hai chị hai tao năm ngoái vậy.

Hiệp vỗ tay mừng rỡ :

— Ờ, phải rồi. Hồi năm ngoái anh hai chị hai về nhà mới, vách phen cũng còn trống lờng như chòi mình vậy nè.

— Nhà chớ chòi gì mậy nhỏ.

— Ờ quên chớ. Nhà, phải rồi, nhà. Mà mầy kêu tao bằng anh chớ kêu mầy nhỏ sao được. Rồi tao kêu mầy bằng chị hai con Thơ như anh hai kêu chị hai vậy.

Thơ lắc đầu :

— Tao là con Thơ rồi. Còn con Thơ nào nữa. Kêu bằng em.

— Anh hai đâu có kêu chị hai bằng em.

— Có chớ. Mà đều anh mắc cỡ, có mặt ai anh ít kêu nên mầy hồng nghe.

— Ừ, thì kêu bằng em. Rồi. Bắt đầu ra riêng nghe. Từ giờ, đứa nào quên, kêu mầy tao và miệng nó. Nghe chưa.

— Dạ.

Giọng nói dịu dàng làm ra vẻ người vợ ngoan của Thơ làm Hiệp mỉm cười, hào hứng. Nó nói lẩm thăm : « Để nhớ coi, bữa về nhà mới, anh hai anh làm gì.....ờ..ờ.. nhớ rồi. » Bỗng nó hô lớn :

— Em ơi ! Em à ! Em đâu rồi ! Vừa hô nó vừa khoát tay ra dấu cho con Thơ chạy ra phía sau chòi. Thơ cũng nhớ lại một số việc trong ngày mới ra riêng của chị dâu nó, liền bỏ ra sau làm thinh. Hiệp kêu mãi :

— Em ơi ! Em à !

Thơ chạy vô pha lửng :

— Dữ hôn. Vắng một chút hồng được nữa ! Sợ điều tha hả !

— Chớ sao. Ai biểu em tuổi Dậu con gà. Phải coi chừng kéo điều tha quạ xót còn gì. Thôi vô lấy bánh men đem ra cho tụi thằng Hiệp con Thơ nó ăn với. Nó đến mừng nhà mới của mình nè.

Thơ quên vai kịch, sùng-sộ :

— Còn con Thơ thằng Hiệp nào nữa ! Hiệp cắt nghĩa :

— Tội mình làm anh hai, chị hai là chuyện giả đồ. Còn hai đứa mình thiệt thì cũng còn vậy chớ, mất đi đâu. Bữa đó, tội mình lại chơi ăn bánh men, mầy... ủa em quên sao ?

Thơ và miệng Hiệp một cái rồi đáp :

— Nhớ rồi. Nhưng mình mắc làm anh hai chị hai rồi. Lấy ai mà làm thằng Hiệp con Thơ !

— Thì giả bộ như có hai đứa mình đứng đó vậy mà. Đi. Vô lấy bánh đi.

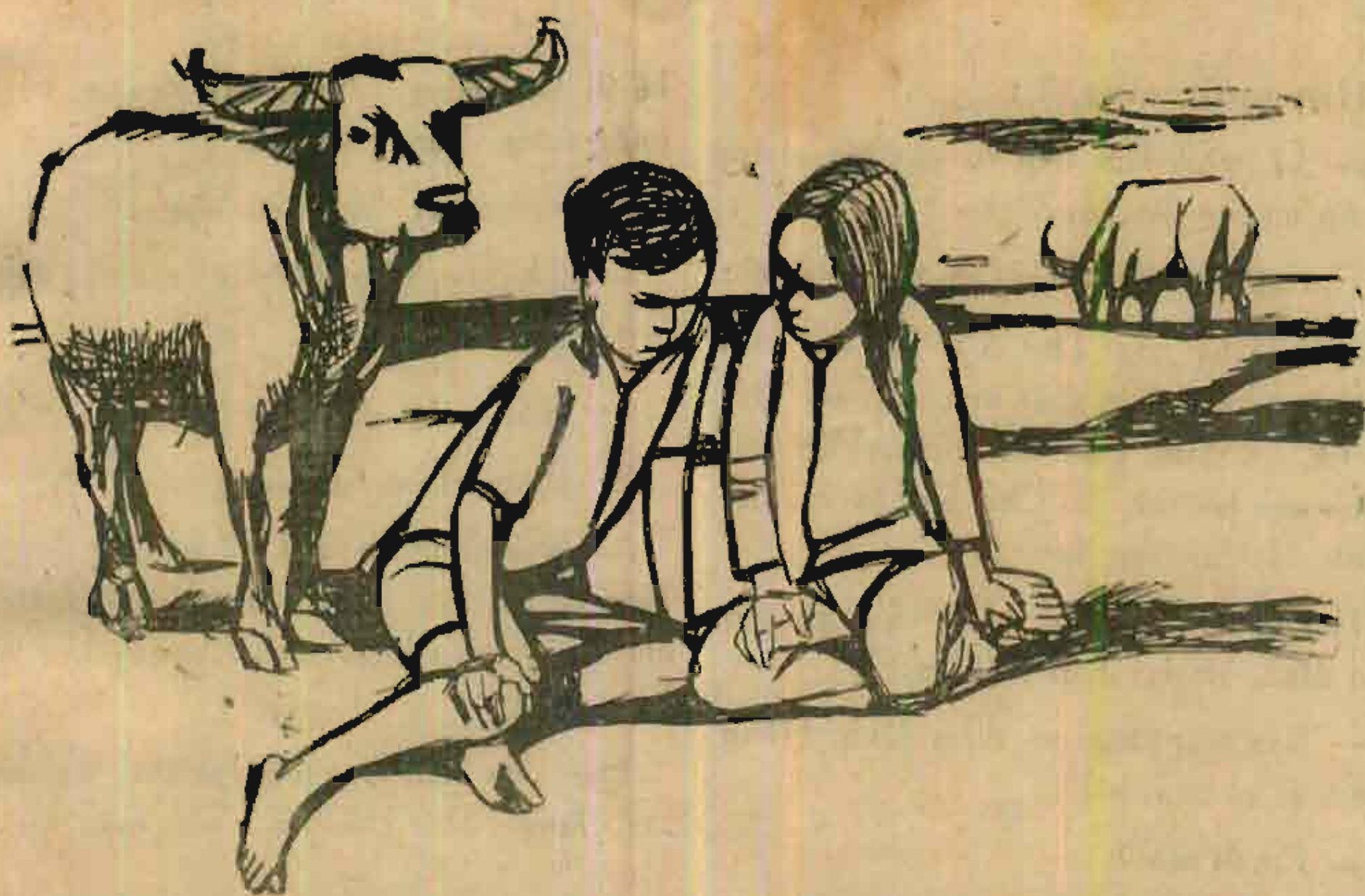
Thơ chạy ra sau hè chòi lược vài miếng ghêu bỏ trong vĩa bụng ra, nói giọng người lớn :

— Mới tờ-mờ sáng đã có tụi bây rồi hè. Ăn bánh đi, rồi phụ cặp vách.

Giọng nói con nít cố làm ra vẻ người lớn của con Thơ làm thằng Hiệp phát cười rồi hai đứa nó vịn vào nhau mà cười nghiêng-ngửa. Sợi dây buộc tóc của Thơ sút ra. Nó lược lên đưa cho Hiệp, biểu buộc lại. Hiệp cầm sợi dây, vuốt tóc Thơ, vén ra sau ót, nhưng không buộc. Nó xoay mặt Thơ lại, buông cho tóc xòa, nhìn Thơ một lúc, rồi nói :

— Em à ! Để tóc vậy đi, đừng kẹp.

— Chi vậy ?



— Hồng biết ! Tôi là chồng, tôi nói, cô phải nghe.

Giọng xằng - xổm thình lình của Hiệp làm Thor ngạc nhiên. Nó ngờ-ngác hỏi :

— Ăn nói vậy đó hả ?

— Ừ, nói vậy đó. Có sao hơn ? Đồ nhí-nhảnh.

Thor càng ngờ ngạc hơn. Mặt Hiệp vẫn hăm-hăm, giận dữ. Nó tiếp :

— Sao hồng theo nó luôn đi. Mang đầu về đây chỉ đó !

Con Thor bệu bạo :

— Nó nào ? Nói bậy hoài hề.

— Còn hỏi cơ hả ? Còn giả mù sa mưa hả ?

Rồi Hiệp vả Thor một bạt tai mắng tưới :

— Đồ dĩ !

Thor ôm mặt chạy ra hè chòi khóc mướt. Hiệp chạy theo dỗ :

— Thor à ! Giận thiệt sao Thor ?

Thor hất tay Hiệp, không thêm đáp. Hiệp dịu-dàng giải thích :

— Thor à ! Mình giả đồ làm anh hai, chị hay mấy quên sao ? Hôm chị hai đi cấy bên giồng Găng, chỉ hò huê tình với thằng cha nào đó, anh hai ảnh giận trong bụng cự một trận. Bữa sau chị hai còn bày đặt đi chợ mua kẹp xước về chải tóc kiểu đờn-bà-chợ, ảnh ghen ảnh làm dữ y như tao hồi nãy mấy quên sao ? Nín đi Thor à ! Mình giả đồ mà. Chuyện ra riêng nãy mấy bày đặt chớ đâu phải tao.

Thor chợt nhớ, nhưng còn giận :

— Giả đồ mà mấy quánh thiệt đau thấy mồ hề !

Hiệp vuốt tóc bạn phân trần :

— Giả đồ cũng phải làm như thiệt vậy chớ.

Thor ngược lên, nước mắt còn ướt rượt, cười chúm chím làm lành :

— Vậy thì bây giờ tới phiên mấy năn nỉ tao, như thiệt vậy đi.

Hiệp cười, mừng rỡ :

— Ừ, mình làm tiếp vụ gây lộn. Làm bộ úp mặt vô đầu gối đi chứ !

Thơ giấu mặt theo lời bạn. Hiệp năn nỉ :

— Chị hai con Thơ à ! Em à ? Hồi nãy hồng biết cái gì nhập anh, anh nói bậy, nói bạ, em đừng giận anh tội nghiệp mà. Đánh anh lại trừ đi. Cho em ăn lời đó. Đánh mấy cái cũng được.

Thơ ngược lên gặp Hiệp chìa gò má, toan đánh, rồi lại thôi. Nó nguyền :

— Bắn mặt ghen ai thêm đánh. Hồng sợ em út nó cười hê.

— Em út nào ?

— Thì tụi con Thơ, thằng Hiệp đây nè.

Trò chơi giả đồ yêu tới đây chấm dứt bằng một trận cười cời mở. Đang cười, bỗng Hiệp giựt mình, dặn bạn :

— Ờ, chơi rồi bỏ đừng nói lại. Anh hai ảnh tưởng mình kêu ngạo ảnh, ảnh giận hồng thêm cho ăn bánh nữa ghen.

— Ngu sao nói kỳ vậy. Ờ, Hiệp à ! Tao làm chị hai giống hôn !

— Giống lắm, còn tao ?

— Mấy làm anh hai còn giống ác nữa. Hồi mấy giả đồ ghen, tao hết hồn hết vía thiệt tình mà !

— Tại tao ghen thiệt.

— Kỳ vậy ? Tao làm gì mà mấy ghen thiệt ?

— Ờ, hồng biết sao kỳ cục vậy ? Cũng hồng phải ghen nữa. Thấy mấy buộc tóc, tao nhớ chị tư tao hồi nhỏ, ban đầu hót trọc chừa bánh bèo, rồi hót chải, hót bom-bê, rồi kẹp tóc, bôi dầu,

kể đi lấy chồng. Nghĩ vậy sao nó buồn buồn trong bụng, kỳ lắm.

Thơ cầm tay bạn cảm-dộng :

— Thôi tao hồng thêm kẹp tóc nữa đầu.

Hiệp lắc đầu :

— Rồi cũng phải lấy chồng.

— Hồng thêm lấy chồng luôn.

— Đầu được. « Hồ hồ khoan, khoan lang có củ, đu đủ có trái, con gái có chồng... » mấy hồng nghe người lớn họ hát sao ?

Hai đứa im lặng một lúc lâu, tay cầm tay, lòng Thơ bồi hồi, nét mặt buồn hiu.

Nắng sấm lại. Một áng mây bay ngang che mặt trời. Thơ nhìn lên ngọn cây sao. Hiệp hỏi bạn.

— Ngó vì vậy Thơ ?

— Có ngó gì đâu. Tao nhớ chuyện bắt sâu mè nôi nãy rồi nghĩ tới chuyện nữa lớn đi lấy chồng. Rủi gặp thằng chồng ở ác, sâu đeo tao, nó hồng thêm bắt, nó đứng dằng xa nó nhất tao chết giắc lu bù, rồi chết luôn có bữa.

— Thì nó cũng chết theo.

— Sao vậy ?

— Nó đào hang nó trốn cũng hồng khỏi. Tao kiếm nó tao tằm cái một.

Chưa bao giờ, Thơ nghe giọng Hiệp cương-ngạnh đến như thế. Nó cầm từng ngón tay của bạn bẻ kêu rắc rắc rồi thơ ra. Giọng nó âu yếm mà buồn ngủi :

— Khi không dương vui rồi phát buồn, kỳ quá ta. Tại đứa nào ? Chắc tại tao. Tại tao bày đặt buộc tóc làm mấy giận.

Thôi mày giận tao một hồi nữa, rồi bỏ
đừng thêm buồn.

Hiệp thờ ra :

— Làm sao giận cho được.

— Chờ mày muốn làm sao bây giờ ?

— Tao muốn ông trời sập đè người
ta chết hết cái cho rồi.

Nói xong, Hiệp tự lấy làm lạ sao nó
lại có cái ý muốn quái-dị như vậy ! Thờ
lật đặt cự :

— Nói tầm bậy. Chừa hai đứa mình
còn sống chớ.

— Chi vậy !

— Biết đâu !

Sự ngớ ngẩn của hai tấm lòng thờ vô
tình xua đuổi cái buồn vu vơ mà trước
đó mấy phút, hai đứa trẻ tưởng là không
thề nào xua đuổi được.

Hai đứa nó vịn vào vai nhau trần-
trần. Chúng nó tìm thấy trong ánh mắt
của nhau những tia sáng của sự quyến-
luyến, có không biết từ đời nào, và không
một thứ mãnh lực nào giập tắt được.

Nắng hừng lên, rực rỡ. Áng mây che
mặt trời khi nãy đã bay qua.



TÔI nhìn bức họa sơn dầu nhan đề
« *Giả đồ yêu* » căng trên vách, nhìn dáng
điệu trầm ngâm của Hiệp sau khi kể chuyện,
mà trong lòng man-mác bùi-ngùi.

Cô gái tên Thờ đã chết giữa trận giặc
vừa qua. Trông kiếp sống ngắn ngủi,
Thờ chỉ giả đồ yêu chớ chưa kịp yêu
thực sự. Tôi bùi ngùi, vì được biết

những chi-tiết đó trước khi nghe chuyện.

Trước mắt tôi là màu nét vô-tri được
bàn tay nghệ-sĩ phú cho một linh-hồn hay
là linh-hồn của Thờ hiện về thực sự mà
cười với tôi trong tranh ? Cô gái giồng,
tám tuổi với chòm tóc đen ngời phủ lên
vùng trán thờ ngây của khuôn mặt quê
mùa mà rạng rỡ ý yêu đời chan chứa
trong đôi mắt biếc ấy có phải quả thật
đã chết rồi hay không ? Tôi hay bạn,
hay bất cứ một người Việt-nam nào
khác còn là người Việt-nam đều thấy cô
bé tác-giả của trò chơi « *Giả đồ yêu* »
quen thuộc ngàn đời ấy đang sống rất
mạnh trong từng đường gân ống máu nhỏ
nhút của tấm hình hài xương thịt chúng
ta. Tôi tự hỏi như thế với tâm-trạng
của một người Việt-nam muốn tìm hiểu
tâm-hồn người Việt-nam, tìm hiểu một
cách si mê nhưng tuyệt-vọng bởi biết
chắc rằng điều mình muốn biết là mệnh
mang, vô cùng tận. Tôi hỏi Hiệp :

— Làm sao anh tự chọn cho anh một
tâm-trạng sáng sủa, vui tươi để vẽ nổi bức
tranh này khi mà Thờ đã chết bị-thương
như thế ?

Hiệp không đáp hỏi lại :

— Hồi nãy ở rạp chiếu bóng lúc xem
phần thời sự, anh có đề ý một chuyện gì
chớ ?

Tôi lắc đầu đáp : không. Sự suy nghĩ
lầm loạng tình cảm trong lòng, Hiệp tiếp :

— Có một cảnh « *Giả đồ đánh giặc* »...

— À, nhớ rồi, cuộc thao-diễn quân-sự
của một số nước nào đó quên rồi...

— Thì cứ nói là « *Giả đồ đánh giặc* »
cho nó nôm-na. Cái hùng-tráng của nó kể

GIẢ ĐÒ YÊU

ra cũng có hấp lực làm một số người vui thích.

— Dĩ nhiên !

— Đó, chính vì vậy mà tôi phải rón về bức tranh « Giả Đò Yêu » của tôi sao cho có nhiều sức truyền cảm để mọi người công nhận rằng : nhìn cảnh « Giả đò yêu » khoái hơn nhìn cảnh « Giả đò đánh giặc ».

Sự nỗ lực đó làm cho lòng tôi vui tươi, sáng sủa.

Cái phong-phú sâu xa của tâm hồn Việt-nam lại trải ra trước tầm ý thức của tôi, vô tận, mệnh mang.

Trong một thoáng động lòng, tôi cảm thương những người đã chết mà không hiểu mình là ai, có đặc-điểm gì. Cũng như những người đang sống mà hai tiếng Việt-nam nói lên không gợi được một rung cảm gì đáng kể.

TRANG-THẾ-HY

(Loại truyện « Tâm Trạng Hồng »
trong tập « Vây Vùng »).



ĐÍNH CHÁNH

Trong bài thơ « Tiếng vọng bên kia » của Đoàn-Thêm (Bách-Khoa số 69) trang 79, dòng thứ 7, đoạn 2, xin các bạn sửa giùm lỗi sau đây :

Nụ *canh*, ra : nụ *xanh*.
Trần trọng cáo lỗi cùng quý bạn.

Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

- Sách, Báo quốc tế
- Dụng cụ văn-phòng

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT (INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON

Tél : 20.821 — Boite postale : 276

1, Duong Nguyen-Sien — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES REVUES, BROCHURES,
CATALOGUES TOUS IMPRIMÉS DU COMMERCE
REGISTRES, FACTURES, CARNETS EN TÊTE DE LETTRES,
ENVELOPPES ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES
CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS
MODÈLES FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES
DE VISITE ET D'INVITATION CALENDRIERS DE FIN
D'ANNÉE TOUS TRAVAUX

NOIR ET COULEUR, TYPO — OFFSET

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO **"DOREL"**

Nên đọc và cổ động Tạp chí ;

VĂN - HÓA NGUYỆT - SAN

Cơ-quan Nghiên-cứu và Phổ-thông

Văn-hóa Việt-Nam và Văn-hóa Đông Tây

Đã phát hành :

VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN số 44

với nội-dung phong-phú, gồm nhiều bài vở chọn lọc, vui lạ và bổ-ích
của những cây bút giá - trị.

Tạp chí dày 180 trang, giá 12S, có bán lẻ khắp các hiệu sách
lớn tại Thủ-đô, các tỉnh và nhà sách Thống-Nhất, Tổng-phát-hành —
329, Đường Trần-Hưng-Đạo, Sài-gòn.

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

Hãng TRƯỞNG

XUẤT-NHẬP-CẢNG

Đại - Lý

Văn-Phòng tại SAIGON :

11, đường Pasteur

Điện-thoại : 20.432

: NHA-TRANG :

39, đường Phan-bội-Châu

: QUI-NHƠN : 29, đường Gia-Long

Địa-chỉ Điện-tín: ETRUNIMEX SAIGON: ĐÀ-NẴNG : 52 Bến Bạch-Đằng

TÀU :

«NHỰT-LỆ» — «TRƯỜNG-SƠN» — «ĐẠI-HẢI» — «THĂNG-LONG»

«TIỀN-PHONG» — «THỐNG-NHỨT» — «PHÚ-QUỐC»

Thường xuyên : SAIGON — NHA-TRANG — QUI-NHƠN — ĐÀ-NẴNG

Chuyên chở cẩn thận và mau chóng

CÂY ĐA ĐỒN CŨ

☆ — NGUYỄN-VĂN-XUÂN

(tiếp theo Bách-Khoa số 69)

— Gần đến Xá Bường chưa, anh Năm?

— Chưa một giờ nữa.

Mặt trời có hề ra một tí để xuyên cái ánh sáng vàng ủa cuối cùng qua mặt nước đỏ bầm đầy bọt bèo rồi vội vàng rúc vào sau những đám mây dày đủ màu sắc ; mây muôn màu cũng chuyển dần sang thành từng đám lớn không ra đen không ra xám đi vùn vờ từ nơi này sang nơi khác. Chưa đến nửa giờ sau, Cát lấy cây rựa dứt những sợi lạt buộc chặt miệng cái bao hàng « đáng nghi ngờ » !

— Anh Năm đừng sợ. Tôi sắp cho anh xem một con vật... còn ghê tởm hơn hết cả loài vật nữa.

Bè vẫn tiến tới, xé nước roac roac. Ở bốn phía chân trời, một thứ màu u u mình mình, màu của buổi hoàng hôn tím thẫm đang muốn kéo bóng tối theo xoá mờ hết cảnh đất trời đã muốn tiêu tan trong trận Hồng-Thủy tuyệt vọng. Gió rào rào mang cái mệnh mông, lạnh lẽo từ biển rộng về làm cho cảnh vật thêm vẻ xa lạ. Tuy nhiên, trong cái xô bồ, ồ ạt của gió, nước, của một cảnh vũ trụ đang quay

về thuở hồng hoang, nếu lắng tai, người ta vẫn nghe được dư âm tiếng kêu của sự sống xa xăm tập lên theo cánh gió rào qua một cách lạc loài.

Cát vẫn thong thả dứt từng sợi mây, sợi lạt. Có một lúc, như kẻ điên dại, anh cười lên, hoa con rựa vào khoảng không !

— Vô chính phủ ! vô chính phủ ! Thật đúng là nguyện vọng chung của loài người.

Anh đập mạnh cái bao cho nó chúc đầu xuống : tiếng đống đậu phọng rào rào đổ lên hàng cây chuối, tràn ra kê, ngạch, giữa các thân cây. Tiếp theo đó, nhô ra một cái đầu người tóc dểm đầy bụi cát :

— Ôi, trời !

Năm hốt hoảng kêu lên, nửa muốn nhìn, nửa muốn trốn đi.

Cát nắm chặt dứt bao, dờ bống lên. Đậu lại rào rào đổ xuống cùng với một con người. Nhưng thân thể con người cồng kềnh quá, Cát phải khó khăn lắm mới tống ra được khỏi bao.

Đó là một người trên bốn mươi tuổi, xương vóc to lớn, cổ tròn, rắn chắc, da

ngắm ngắm đen. Mặt anh ta bị nắm một bên. Trán thấp. Đôi mắt cũng đỏ ngầu như nước sông. Xương má và cằm đều nhọn. Mép trên râu mọc tua tủa. Hai tay anh bị trói cấp ké sau lưng. Hai chân cũng bị cột chặt bằng dây dừa. Để cho anh cử động được, người ta đã buộc thêm nhiều sợi dây treó từ đầu gối, vòng lên cổ, cả cái miệng, sợ dĩ anh không kêu gọi gì được là vì đã bị thộn vào một khối giẻ quấn chặt, làm cho đôi má phồng ra. Bụi đất bọc kín từ đầu đến hai chân, nên tuy đã được tháo ra khỏi bao tời mà trông anh chẳng khác gì một cái bao khác, một cái bao làm bằng da thịt con người.

Cát hỏi :

— Anh Năm có biết thằng này không ?

Năm run sợ, nhìn kỹ và lắc đầu.

— Không biết à ? Thằng Hương-Chính đó. Hương-Chính ở Trường Ca đó.

— À, tôi có nghe tiếng...

— Nghe tiếng ? Chắc là nghe toàn tiếng tốt, phải không ?

Cát phá ra một tiếng cười ròn rã mà âm thanh như xoáy vào da thịt người nghe. Cát lấy tay đỡ cho cái thân người kia ngồi dựa « bao hàng thật », rồi bắt thình lình nắm chặt nùi giẻ trong miệng Hương-Chính rút mạnh khiến kêu một tiếng « bực », làm đôi má anh ta xếp xuống rất mạnh. Hương-Chính chỉ kịp rên lên một tiếng :

— Cho tôi miếng nước.

Giọng Hương-Chính khan đặc, khó phân biệt được âm thanh. Cát lấy cái gáo múc nước đục ngầu dưới sông lên :

— Đây, cho mày uống cho sưng bụng để lát nữa khỏi nhọc lòng uống thêm.

Tiếng Năm ở phía sau nói vọng tới !

— Anh Cát à. Để cho người ta uống nước mưa. Ai lại uống nước lụt, dơ lắm.

— Thằng này mà còn biết gì dơ với sạch. Nhưng thôi được, hãy cho mày uống một gáo nước tinh sạch của đất trời cho nó rửa bớt cái dơ bẩn trong lương tâm mày đi.

Hương-Chính há hai cái môi đầy những đất bụi ra, ừng ực nuốt cả nước, cả bụi đất một cách không cần biết ngon dở. Hắn dựa cái đầu bất động vào bao hàng, ngoẹo sang một bên và cứ nằm thế rất lâu, như một thương binh máu ra nhiều quá, không bao giờ còn tỉnh lại được.

Nhưng nước có chất thần diệu ! Nước thấm tới đâu là làm cho cơ thể hắn đã khô héo phục sinh lại như nắng hạn gặp mưa khiến cây cỏ hồi xuân. Nhưng cũng như đất hạn, một trận mưa không thấm thắp gì, nên Chính lại cất cái tiếng khàn khàn gào lên :

— Cho tôi uống nước.

Gáo nước thứ hai, rồi thứ ba mới làm Chính tỉnh hẳn. Khi đất hạn uống nước đất còn cựa mình, huống chi con người. Cho nên Chính lại rên rỉ kêu :

— Cho tôi đuối chừa một chút. Tôi sắp gãy quỳ cả hai chân rồi.

— Cho mày đuối mà làm gì ? Cho mày làm bẩn thêm mặt đất à.

Tiếng của Cát gần xuống, như thề Cát vừa nghiêng răng vừa nói. Đôi mắt của Cát, trong bóng chiều đã sắp tắt hẳn, như còn nảy ra ánh sáng. Không hiểu sao,

ngắm cái bộ dạng hăm hờ, tàn bạo, lăm lè của Cát, Năm tưởng tượng như thấy một tay dầu đang ăn cướp thường được nghe kể ngày xưa.

Cát hỏi to :

— Hương Chính, mày nghe tao nói được chưa ?

Hương Chính lắc đầu :

— Anh làm ơn cho em đuổi cái chân ra. Anh có giết em thì giết, xin anh cho em đuổi chân ra một chút. Anh không biết cái nỗi khổ của người suốt buổi chưa được đuổi chân... ề ề quá ! Trời !

— Thế mày biết được nỗi khổ của thằng người phải đứng suốt ngày đêm trong một cái chuồng chật ních, dầy cả phân người, bốn bề kín mít như bưng không ?

— Lạy anh, cho em đuổi cái chân ra. Không thì anh giết ngay em đi.

— Mày tưởng tao chịu giết ngay mày đấy à ? Trước khi giết mày, tao phải làm sao cho mày nhớ lại... Hương Chính !

— Dạ, anh cho em đuổi cái chân ra.

— Mày có nhớ mày đã hành hạ tao ra sao không ? Tao với mày thù oán thế nào mà mày nở dày dọa tao đến thế ? Mày cố tình xuống đồn xã Bường chịu nhục nhã xin cho được một chân lý hương có phải là chỉ với mục đích để dẫn tây đi lùng bắt cho được tao không ? Khi bắt được tao mày xúi tây hành hạ tao... Mày bảo giam tao dưới hầm đất, mày bắt tao chịu những cực hình, thân tao khi chưa bị bắt nặng bảy mươi ký mà mới vào trong tay lũ mày một tháng, chỉ còn là bộ xương cồng kệnh, đi đâu phải chống nạng, dầy mình ghẻ lở rạn chí, đòi

bọ. Đã thế mà mày vẫn chưa tha. Mày còn dở thủ đoạn tàn ác, ba lần bảo tao leo lên cây đa để cho túi tây nó xừ từ rồi ba lần mày làm ra vẻ hoảng hốt, cái chính là đã gọi lăm tên. Mày có biết ba lần đó, cả tinh thần tao ra sao không ? Mày có biết xác thịt tao ra sao không ? Mày có biết liên tiếp mấy năm, tao đã phát điên phát khùng, chửi rủa, kêu van lăm nhằm chỉ vì phải nhớ lại những cảnh rùng rợn đó không ?

Giọng Cát trầm hẳn đi. Cát lấy hai tay ấp vào hai bên thái dương như muốn xoa dịu sự náo loạn của thần kinh. Cát đứng yên một lát, hình như chờ kẻ thù lên tiếng. Nhưng thấy Chính không nói gì, Cát lại tiếp :

— Đó là này mượn tay người để làm cho tan nát hết phần hồn, phần xác của tao. Còn tự mày, mày cũng không kém độ ác. Mày có nhớ một hôm mày bắt chước túi tây tập quyền Anh. Tao đi qua, mày gọi lại, bảo tao đứng yên để mày thí nghiệm. Mày dấm một quả vào mặt tao, thấy tao còn gương đứng, mày làm ra vẻ khen phục : « à, anh hai vậy mà còn có sức chịu đựng ghê. Tôi tưởng anh chỉ giỏi quyền ta, không ngờ còn giỏi quyền tây nữa ». Thế là mày tổng luôn một quả như trời giáng vào giữa ngực tao...

Cát dừng lại. Tự-nhiên anh phát ra ho rả rượi mấy tiếng. Tiếng họ khan, đặc sệt rồi lấy tay vuốt lên ngực, tưởng như muốn che một quả dấm chọt bưng lên trong ký ức.

Hương-Chính không chịu nổi phải nghe những điều chính y đã gây nên, van vì :

— Thôi, anh Cát giết em đi. Đừng nhắc lại chuyện cũ làm gì. Anh cho em đuổi chân rồi giết em đi.

Năm cũng góp lời :

— Thôi, chuyện đã qua .. Trong thời chiến-tranh ai mà tránh được, anh Cát.

Nhưng Cát như không nghe, thấy Hương Chính ngoẻo đầu sang một bên, Cát đi thẳng lại phía Chính, đưa lưới rựa bên ngọt tìm vào hông Chính. Năm la lên một tiếng trong khi Chính nhắm nghiền mắt lại chờ đợi. Nhưng chỉ có một tiếng « xoẹt » phát ra, Cát lắc đầu :

— Tao chưa giết mày đâu. Tao hãy cho mày đuổi chân ra nghe đề khỏi thành một oan hồn vất vơ trên dương thế này. Mày hãy mở hết hai lỗ tai ra mà nghe tại sao tao thù mày !

Giọng Cát có sự điềm tĩnh rờn rợn của kẻ đang nói chuyện với một người xác đó, hồn đâu :

— Mày có còn nhớ một hôm, mày thân mật hỏi tao có muốn ra khỏi cảnh đây ải không. Mày đặt một điều kiện : tao phải quì lạy một con đi trần truồng trước mặt một thằng Tây. Điều kiện vô liêm-sĩ ấy mày bảo là một sáng-kiến ô nhục của thằng Tây kia. Tao cũng lảng-lặng nghe mày. Khi mày dẫn con đi đến, tao càng thêm hiểu ý nghĩa cam bẫy đặt ra : con đi ấy vốn là con ở của tao, mày đã mua nó cho thằng Tây... Mày biết trước đâu phải chịu nhục nhã đến đâu tao cũng cam chịu vì tao cần phải ra khỏi cái hỏa-ngục của tội mày, vì tao còn cha, còn vợ, còn một bầy con. Nhưng một điều mày không biết trước là nhục nhã đến đâu tao cũng cam chịu vì tao còn dự liệu có ngày hôm nay.

Cát quát lên :

— Có ngày hôm nay, mày nghe ra chưa ?

Cát dần giọng :

— Tao không muốn si-nhục con người một cách quá khốn nạn như mày. Nhưng tao không thể không trả thù. Chính mày đã giết em tao. Chính mày đã làm cho cha tao chết mòn vì khiếp sợ. Nhưng tao không thù mày. Tao chỉ thù mày, phải rửa nợ máu với mày vì mày đã cố tình nhận chìm đầu tao trong đồng bùn si-nhục : mày bắt tao phải lạy một con đi trần truồng !

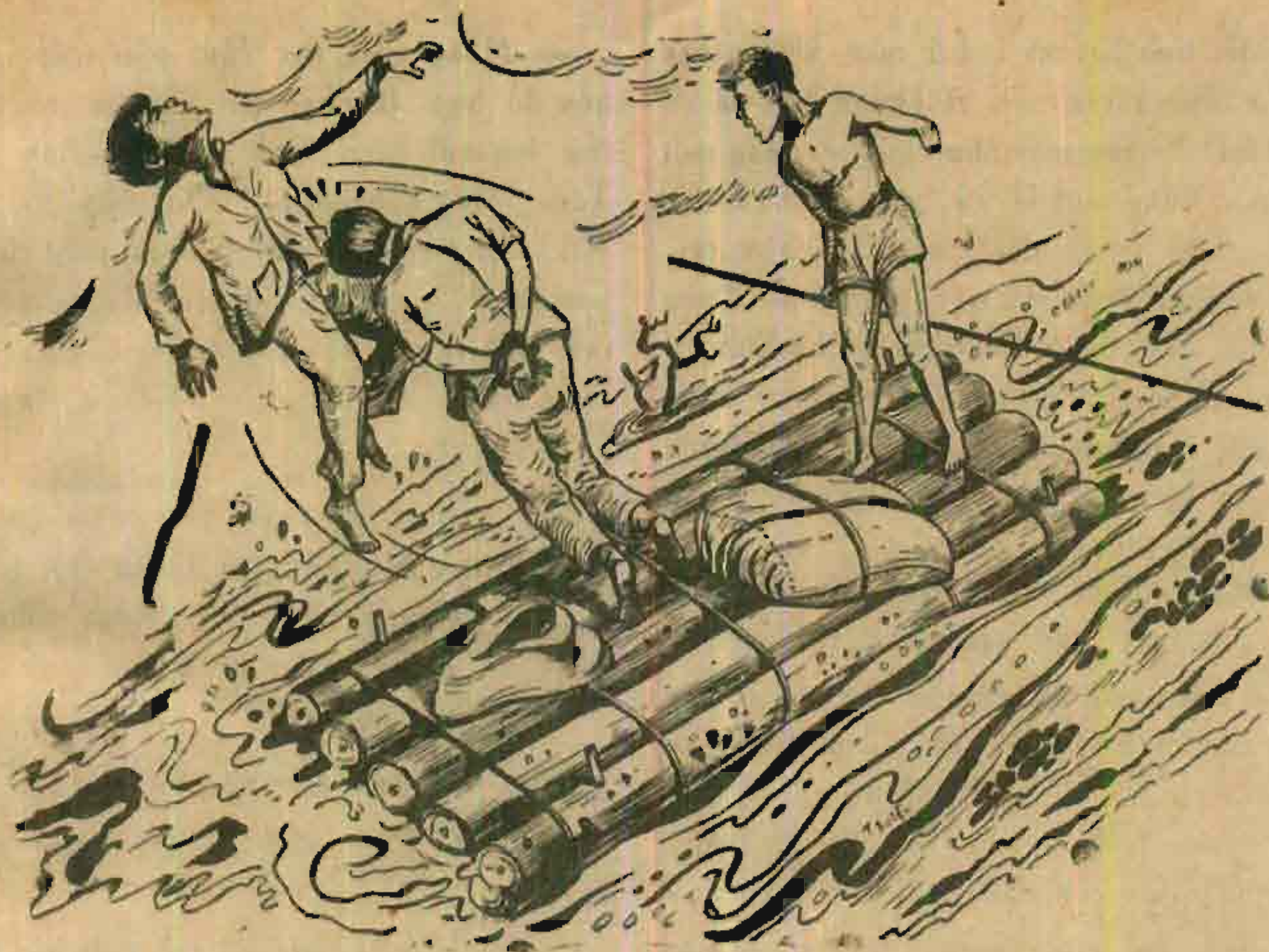
Giọng Cát rung rung tưởng nếu nói nữa, anh sẽ bật lên tiếng khóc. Cho nên anh dừng lại. Lát sau anh mới tiếp :

— Mày chỉ cậy dựa hết vào chính-quyền này lại đến chính-quyền khác để hãm hại để làm si-nhục gia-đình tao. Còn tao, tao không muốn dựa vào chính - quyền nào hết. Ông tao chỉ mang hai bàn tay trắng lên đây, nhờ lòng can đảm, nhờ chí nhẫn nại mà dám phá núi, đốt rừng để gây một cái sự nghiệp vĩ đại. Cha tao không phải khai phá nữa ; ông chỉ « tọa hưởng kỳ thành »...

— Láo ! Mày đừng láo !

Năm giật mình không biết từ đâu thét lên những tiếng ấy. Liền đó, anh cũng biết ngay nó phát ra từ cái miệng há hốc của Hương Chính :

— Láo ! Mày không biết hay không muốn biết thì để tao nói cho mày nghe ! Mày dơ rựa làm chi ? Định chặt tao à ? Mày sợ thì chặt đi. Tao đang cần chết đây. Còn nếu mày có can đảm thì nghe đây ! Ông mày là một thứ tướng cướp, tự đồ đảng lên đây để trốn quan quân. Nhờ cái tài giết người không góm, ông mày mặc



sức hành hạ đồ dảng, sai chúng ra công phá ruộng, khai nương rồi ông mày chiếm hết chỗ nạc, chỉ chia cho chúng chỗ xương xẩu. Bấy giờ ông mày giàu có rồi, thôi thì tha hồ ăn chơi, dâm dật... Đến như cha mày thì không phải « tọa hưởng kỳ thành » như mày tưởng đâu. Cha mày vừa thừa hưởng cái cơ nghiệp của ông mày để lại, vừa khuếch trương nó ra bằng những cách hết sức dễ tiện của những thằng đáng gọi là cường hào, ác bá.

Mày có biết cha tao ngày xưa cũng vào hạng vai vế trong làng, có năm ba mẫu ruộng, có trâu cày ngựa cỡi như ai, vậy mà về sau cũng vì tin lời cạm bẫy của cha mày mà đến vong gia bại sản như bao kẻ thật thà khác trong khu vực của cha mày ? Rồi chị tao phải bán thân cho cha mày để vừa làm vợ lẽ, vừa làm con ở... để cho mẹ mày sai khiến đánh đập như một con chó ghẻ...

mày có biết, một lần vì ghen, mẹ mày đã trối chị tao vào góc chuồng heo, gắp phân heo cho ăn không ? Mày có biết vì sợ chị tao đẻ con trai, mẹ mày dùng thuốc xổ mạnh cho cả cái thai lẫn mẹ nó chết luôn một lần với nhau không ? Mày có biết cha tao vì sao phải học máu chết giữa ruộng không ? Chỉ vì khi chị tao chết rồi, cha mày lại làm khuôn cha tao để dành thêm đứa em gái của tao cho hủ cái tính dễ lộn của cha mày.

Hương Chinh hình như muốn hụt hơi, Anh cố rùn cả hai vai vắn người qua bên này qua bên kia một cách tuyệt vọng để bứt những sợi dây oan nghiệt trối kìn người làm thịt nổi lên từng khối dưới ánh sáng trắng lờ lờ liềm nhợt nhạt. Thốt nhiên, Chinh cất tiếng cười ròn rợn :

— Mày nói mày không cần dựa vào quyền lực nào. Đúng lắm ! Trời cao đất

dày đều biết hết mà ! Lũ mày không dựa vào cường quyền bởi vì chúng mày đã có bạo lực. Chúng mày như chúa tể riêng một vùng. Chúng mày là cả một lũ thừa tiền của, thừa ruộng đất, thừa kẻ chân tay. Chúng mày muốn là trời cũng phải chiều kia mà. Mày bảo mày thích vô chính-phủ ! Phải. Bởi vì có chính-phủ nào mà dung thứ cho cái lũ người chỉ chuyên làm những việc tàn bạo, ám muội, phi luân như chúng mày !

Hương-Chính mệt là đi. Cát đồ thêm cho anh một gáo nước nữa và hỏi :

— Mày nói đã thỏa sức chưa ? Tao cho mày muốn nói gì nữa, cứ nói đi. Tao đã bảo tao không làm si-nhục, nhuốc nhả con người, dù người đó chỉ là giống dòi, bọ. Mày còn muốn nói gì nữa không ?

Tiếng nói của cả hai người có một âm thanh rất lạ dưới bầu trời càng lúc càng thấp, le lói đó đây một vài ngôi sao và một cái liềm trăng nhạt, như cái nhìn từ muôn trùng cao gọi xuống cho một thế-giới đã lịm dần. Trong bóng hoàng hôn, dòng nước đem xắm lại, nhưng người ta vẫn thấy sự luân-lưu của một vật luôn luôn biến-chuyển. Bè vẫn chạy với tốc-lực nhanh chóng làm cho những nhà cửa ở ven sông thấp thoáng lùi lại rồi biến thành những khối bóng đen in rõ trên mặt nước lấp lánh, lờ mờ.

— Đến đồn xã Bường chưa, anh Năm ?

— Tôi không rõ. Trời mau tối quá, không còn phân biệt được nữa.

— Thôi được. Tôi không cần phải đến gốc đa. Ở trên tất cả khúc sông này, chỗ nào cũng tràn đầy dấu máu của « lũ nó ». Ở chỗ nào, thằng Chinh cũng sẽ được gặp những oan hồn đang chờ đợi nó.

— Đúng rồi, tao cần gặp các oan hồn đó hơn là phải nói chuyện với cái thứ ma quỷ hiện hình của gia-dình lão Tồn. Mày nghe chưa ! Ông mày, rồi cha mày, rồi mày, rồi cả lũ con mày nữa ! Chúng mày chỉ là một lũ lòng lang, dạ thú, sinh ra chỉ để cướp ruộng của người, cướp vợ của người, cướp cơm của người.

— Im !

Cát quát to, dơ cao rựa chém xuống vai Chinh. Một tiếng rú thảng thốt phát ra, kéo dài mãi trên sông rộng. Trong một giây, tiếng nước tưởng chừng reo và cả chiếc bè cũng lặn đi.

Năm hồn hèn kêu lên :

— Anh Cát, anh không được giết người.

Cát lùi lại một bước để xem cái thân thể mới bị chém vào vai kia đang quằn quại ra sao : thật ra, lưỡi rựa chủ mới xé rách da Hương-Chính, làm cho anh ta choáng váng một tí thôi.

— Anh Cát, anh để nó sống rồi sẽ có người lấy công lý ra trị nó. Sao lại giết người ngang nhiên như vậy ?

— Không có công lý nào hết. Không có công lý nào đối với lũ dòi bọ này hết. Chỉ có máu mới rửa sạch nợ máu. Chỉ có buổi giao thời này mới có cơ hội để tự tay mình thi hành công-ly mà thôi.

— Anh không được chém người trên bè tôi. Để tôi đưa bè vào chỗ nào thuận tiện cho anh thi hành cái thủ đoạn tàn ác của anh...

— Anh Năm, anh khỏi nhọc lòng lo. Mà tôi khuyên anh không nên can dự vào việc này, nếu anh can dự vào, sẽ có hại cho anh. Đồn Xã Bường kia rồi. Anh có thấy cái nhà

như cái đình ở giữa một khu vực hành lang trắng đã từ ba năm nay đó không ? Hừ, cây đa không còn ở bến nữa. Cái di-tích tàn bạo, xấu xa không còn đó nữa thì mình còn để di-tích khốn nạn này lại làm gì ?

Cát vừa nói, vừa ôm sốc cái thân thể to lớn đã bị trời nghiêng cả chân lẫn tay của Hương-Chính lên. Hương-Chính không kháng cự. Chiếc bè vẫn lặng lẽ xé nước. Mồ hôi Năm vã ra hai bên thái dương !

— Anh Cát ! Anh khoan giết nó...

Không quen chứng kiến những hành-dộng dã-man, người lái bè tự-nhiên tắt tiếng, nói không ra lời, tay chân run lên. Anh muốn chạy tới, muốn can thiệp nhưng không làm sao bước tới được một bước.

Đằng kia, Cát đã bế Hương-Chính ra đến thành bè. Đột nhiên, cái thân xác bất động ấy, vùng lên như con hổ điên dại làm cho Cát phải thả ngồi xuống. Hương-Chính nhìn ra sông, kêu lên bằng một giọng rất lạ tai, thứ giọng nguyên rủa, trừ ầm như tiếng kêu gọi oan hồn trong những lúc canh tà :

— Bớ ông tam đại thành Tồn nghe đây: tao xuống sông này, tao sẽ làm quỷ để khuấy hại cho tiết giống, tiết nòi cái họ Phan của thành Tồn. Chúng mày nghe chưa ?

Tiếng kêu vừa mãnh liệt lại vừa hồn hồn có âm thanh ma quái làm rợn không gian. Một ngôi sao như trụt lòng xuống

sông đen thẫm. Hình như ở xa, từ núi non, có tiếng vọng mơ hồ.

Cát đã đứng dặng chân đầy tự tín ở mép bè. Một tay anh nắm tóc, một tay nắm chặt vào nách Hương-Chính. Hương-Chính ngồi chồm hồm trên hai bắp vế chắc nịch, câm lặng đợi chờ. Hết một tiếng mạnh, Cát vung tay ném Hương-Chính ra giữa dòng nước chảy. Nhưng đáng lẽ chỉ có một tiếng kêu từ già cõi đời thì cả hai người cùng kêu lên và cả hai cái xác cùng ngã nhào xuống : Cát trước kéo Hương-Chính theo sau.

Thì ra, trong phút cuối cùng, Hương-Chính đã nhảy chồm trên hai chân theo đà tay vung của Cát, phóng hết sức mạnh của đầu vào ngực Cát làm Cát bắn tung đi. Tiếng kêu thê thảm không biết của người nào còn nhoai lên như tiếng hú vọng về của những oan hồn.

Trời càng thêm nặng những mây. Chiếc bè vẫn róc róc xé nước, lao mình trong đêm thẫm thẫm. Gió của biển xa mang hơi lạnh lạnh thổi về tới tấp. Đèn nhà ai đã tắt, vẽ những đường sáng dài, rục rịch, rung động trên mặt nước.

Năm lấy cánh tay cụt kẹp sào vào nách và tay kia thông thả đẩy nhẹ cho chiếc bè trôi dòng sông ; anh vừa nhận ra mình đã đến giao thủy : Con đường rẽ.

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

★ Người trên có chịu làm gương mẫu thì mới đòi hỏi người dưới được hết mọi sự, vì khi người trên chịu làm gương mẫu, người dưới sẽ thấy người trên là kẻ đáng cho họ tin cậy.

★ Việc làm nên làm trước mọi người, lời nói nên nói sau mọi người.
(Lã-Khôn)

Những bài đã nhận được: Đường về chơn lý (Phương-Như) — Mùa xuân của chị (Phan-Huy-Doanh) — Bóng cha; Đêm huyền-diệu (Hà-Li-Hải) — Lão Tư Râu; Vụ gây lộn (Phong-Sơn) Đời người thiếu mùa xuân (Phạm-Phạm) — Trở lại thời xưa (Chu-Minh-Phượng) — Cảnh hoa đào (Hạnh-Lang) Một món nợ (Phan-An) Thương nhau (Phạm Lê Phan) Chiếc thừng (Tần-Vũ) Thơ và truyện ngắn (Quách-Hồ) Xuân hoài vọng (Lê-Khắc-Lý), Van xin — Nô (Đỗ-Tấn), Yêu mãi — Khôn lớn — Giáng bút — Xuân thoảng — Xuân thắm (Bằng-Đinh), Âm ảnh (Thanh-Việt-Thanh), Cảnh xuân Sơn phòng (Trường-Anh), Trưa thành phố (Trần-Đại), Không lời (Trường-Linh), Thủ sinh (Diễn-Nghị), Tiết phụ ngăm (Phượng-Hoa).

Trân-trọng cảm ơn các bạn.

Những bài không đăng: Đôi chữ (C.S.T.) Cao bá quát; Tính chất lãng mạn (P.V.) Đốt sống (P.H.D.) Khi người mẹ trốn (M.Q.) Thầy Thịnh; Một tâm hồn (N.V.) Tuổi hai mươi (M.K.H.) Nỗi tơ tình (H.N.C.) Đêm âm dương hội.

Anh sẽ chết đêm nay — Gọi hồn em (N.H.), Tâm sự (P.H.D.), Tâm sự vào xuân — Tiếng đêm (Đ.Đ.C.), Xác định (L.H.), Bức tranh quê (N.N.), Tàn đêm — Lối lạnh (V.B.), Đường hoa thế kỷ — Hồn vương thơ sầu — Thương về Hà-nội (Đ.T.), Bài thơ đất mẹ (T.H.T.), Gửi người

phương Bắc — Mừng độc giả Bách-khoa — Mừng... (L.Q.T. Hà-tiên), Xưa — Anh sẽ về (V.T.L.), Cuồng tìm — Bắt đầu lại (H.L.H.), Con nguyên nghe lời Mẹ — Thủy chung — Em gái (T.H.), Tâm sự (P.N.), Vịnh thiếu phụ N.X. (P.H.D.), Hơi thở (C.Q.), Ai đã thắng — Dở dang (H.H.M.), Nỗi tình — Tráng — Nhớ (H.T.), Người chết đêm mưa — Tàu đêm chuyển cuối — Tôi gọi tên các Anh (M.V.P.), Cách ngăn — Mãi nhà xưa — Ngập ngừng — Sang mùa — Thăm lặng — Em tôi — Mồ hoang (T.N.), Tiếng còi sớm (N.T.Q.), Gãy viên phấn (H.M.N.), Bút máu (T.T.M.L.), Thơ say — — Trăng thu (B.S.), Thu sơn cước — Xin Mẹ — Tình nương giang — Vì sao (T.V.), Đẳng vương các (Q.T.), Chiều đông (T.T.), Biệt hành — Nét mặt sầu đau — Nỗi đau làm người — Nỗi đau sáng tác (H.V.), Tiếng đêm rừng (H.H.).

Những bài trên đây vì nhiều lý-do nên rất tiếc không đăng được. Mong đợi các bạn gửi thêm cho những bài khác nữa.

Anh Huy-Lực: Đã nhận được thư anh. Rất cảm ơn về những nhận xét đối với Bách-Khoa mà anh thấu lượng được, những nhận xét phần lớn rất xác đáng. Anh Xuân-Hiến sẽ cố gắng làm theo lời anh dặn trong thư về thơ trong số xuân. Mong tin anh luôn.

Anh Vá-Hân: Đã nhận được tất cả các thư của anh. Vì bận quá nên anh em chưa trả lời anh đây thôi.

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Không ai quên được Vũ-Hân cả. Sẽ đăng « Chung thủy » trong số đặc biệt của Bách-Khoa.

Anh Phan-Du : Đã nhận được thêm một truyện ngắn nữa của anh. Cảm ơn anh lắm và gửi lời kính thăm anh.

Bạn Sao-Trên-Rừng : Rất cảm ơn sự sốt sắng của bạn đối với Bách-Khoa, những nhận xét của bạn có nhiều điểm đúng. Chúng tôi sẽ có thư riêng về mấy sáng tác của bạn.

Ông Đường - Thiên - Lý Huế.— Cảm ơn ông đã nhắc nhở chúng tôi... Nhưng chúng tôi không định phỏng-vấn tất cả những nhà văn cũng không mong được sự « chu toàn ». Mà chỉ... làm phiền một số nhà văn, nhà báo, nhà giáo... mà chúng tôi có thể tiếp-xúc được : nếu bạn đọc có vui lòng hưởng-ứng thì chúng tôi vẫn hoan-ngình.

Tiếc rằng chúng tôi không có thư cho nhà văn mà ông đã nhắc quá trễ : cuộc phỏng-vấn đã ngưng từ lâu để có thể kết-thúc

trong số cuối năm ta. Lần nữa xin cảm ơn ông đã tỏ ra tha-thiết với việc làm của chúng tôi ;

Người phụ-trách cuộc phỏng-vấn về truyện ngắn.

Bạn Anh - Lân : Đã nhận được hai truyện ngắn và một bài thơ của Anh - Lân. Trân trọng cảm ơn. Sẽ xin trả lời sau.

Ô Võ-Trọng-Thế : Rất tiếc mấy bài « vui cười » và mấy bài thơ xuân không đang được.



SÁCH MỚI

Bách-Khoa vừa nhận được :

- « Quốc-hội Anh » do Sở thông tin Anh phát-hành và gửi tặng.
- « Tổ tụng quan thuế lược giảng » do các ông Phan - Thiện - Giới và Vũ-Thiện-Hải soạn và gửi tặng. Sách gồm các bài giảng tại hai lớp tu nghiệp trường ty và kiểm hóa viên Qua thuế. Giá bán 100\$.

Xin trân-trọng cảm ơn Sở thông-tin Anh và các ông, Phan Thiện Giới, Vũ Thiện Hải và ân cần giới thiệu cùng bạn đọc.

TIN THƠ

Sau tập thơ ngụ-ngôn Chuyện Đời xuất-bản năm 1955 và tái-bản năm 1956 của nhà thơ Trần-Gia-Thoại, nay cũng cùng một tác-giả, Nhà Sách Nguyễn-Hữu-Uẩn Đà-nẵng đang phát-hành tập thơ ngụ-ngôn Trò Đời.

Giấy đẹp, dày tám mươi trang, trình bày trang-nhã, nội-dung xây dựng, giá phổ-thông 20\$.

Đây là tập thơ ngụ-ngôn thứ nhì và là thi-phẩm thứ bảy của ông Trần-Gia-Thoại.

Mong các bạn yêu thơ đón xem.

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ



Công Ty bảo hiểm người Việt
Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm



Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở: 13 Đ. Pasteur Saigon

Đ.T.: 23529



HÃNG
NAM-THANH
và
THERMOR

31 Nguyễn-Văn-Thỉnh
SAIGON
Đ. T. 23.951

Chuyên bán đồ điện,
máy điện, máy nấu ăn.

Lãnh cất nhà đèn,
chạy dây đèn nhà,
đèn đường, và lập
hệ-thống điện.

Chủ nhân :
NGUYEN-HUU-THAT

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

**MAERSK
LINE**



A. P. Moller

8, Kongens Nytorv

COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest
des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient

AGENTS AU VIETNAM

PLANTATIONS DES TERRES ROUGES

236, Duong Cong-Ly — Saigon

Tél. : 20,338 - 39 - 40

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

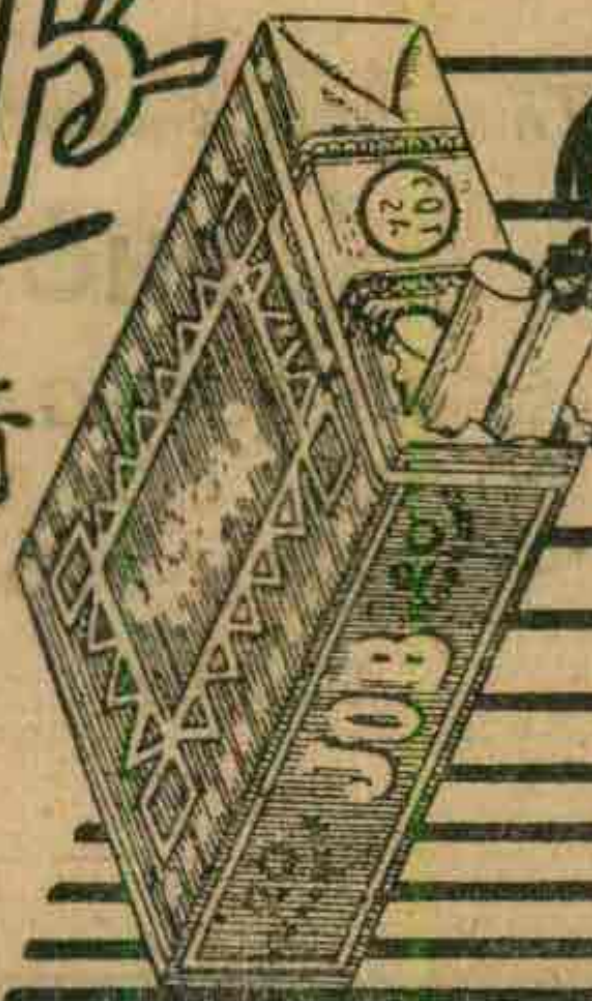
高發烟廠出品

THUỐC LÁ JOB
Mùi êm dịu
Khởi thơm say
Hương - vị ngọt ngào
Khắp gần xa nức tiếng

NÊN HÚT THUỐC LÁ

Job

請吸
金字烟



Đồng hồ Mỹ TIMEX

Đúng Chắc Đẹp



Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT - NAM KHUẾCH TRƯƠNG KỸ - NGHỆ
ĐỒNG HỒ CÔNG TY
176, Hai Bà Trưng — Sài Gòn

Cần :

Thường thức cho biết :

« PHỞ THỦY - TIỀN »

ĐẦY ĐỦ HƯƠNG VỊ HƠN HẾT.
CHỖ XINH LỊCH VÀ RỘNG RÃI NHẤT THỦ-ĐÔ.
NHẠC NGOẠI-QUỐC (đĩa). GIÁ BÌNH DÂN.

Địa-điểm : 166 đường Phan-dình-Phùng. Saigon
(gần đường Công-Lý).

VOYAGEZ PAR QUADRI-MOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS RÉSERVATIONS
65, RUE LE THANH-TON - SAIGON

TÉL. { 22.102
SGN. 34



Long Size



Thuốc Thơm *điếu dài*

HƯƠNG-VỊ HOA-KỲ



NUỐC-NGỌT

HIỆU

CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TỊNH-KHIẾT
- BỒ-DƯỠNG



CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

БАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОА

百科雜誌

Chủ-nhiệm : HUYNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Sơn :

160, Phan-Bình-Phùng — Sài Gòn
 Dây nối : 25.539

百
科
雜
誌

Giá Công Sở : 15\$
GIẢ : 10\$

in tại nhà in VĂN - HÒA
412-414, Trần-Hưng-Dạo -- SAIGON